

Số 138

VĂN HÓA

P H Â T G I Á O

Hàng cau
xưa

Tr. 58

Kính ngưỡng
Tăng bảo

Tr. 18

Đi tìm
cội nguồn
cái ác

Tr. 3



TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương
Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

Thông tin địa chỉ xin liên hệ

Văn phòng đại diện cũ của HSG: 215 - 216 Lý Tự Trọng, Q.1, TP. HCM

Văn phòng đại diện mới của HSG: 94 - 96 Nguyễn Du, P. Bến Nghé, Q.1, TP. HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn

QUÁN CHAY

pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35 035 579

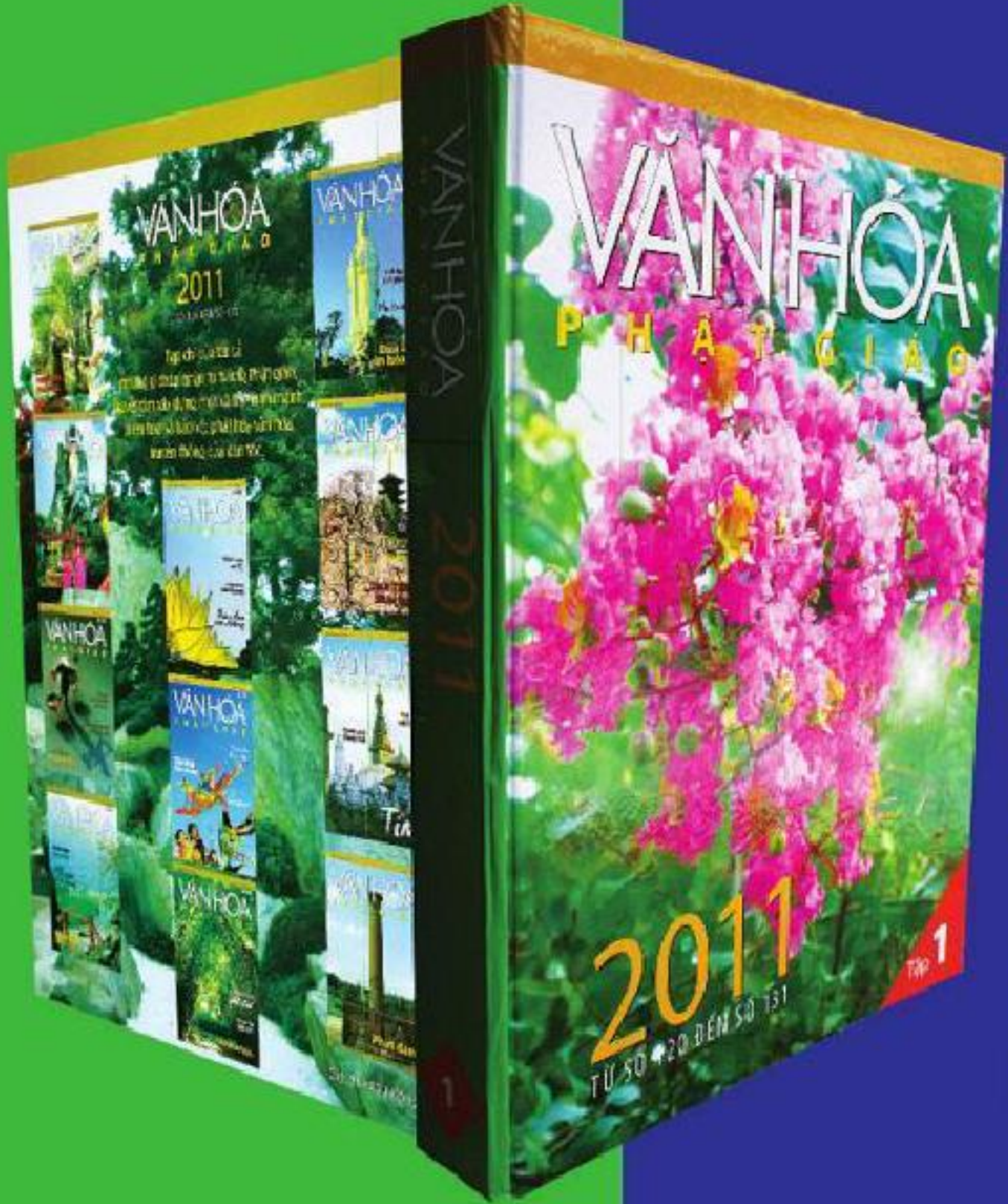
viet-art

HỌA PHẨM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘI HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 158/29 Nguyễn Văn Đậu, P. 7, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
ĐT: 84-8-3551 1942 - Fax: 84-8-3510 8212
Email: vietartsupply@gmail.com

Đang phát hành

VĂN HÓA
P HẬT G I Á O



đóng bộ **Tập 1** năm 2011,
từ số 120 đến số 131
giá: 210.000đ/cuốn

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8,
quận 3, Tp. HCM.

☐ Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO

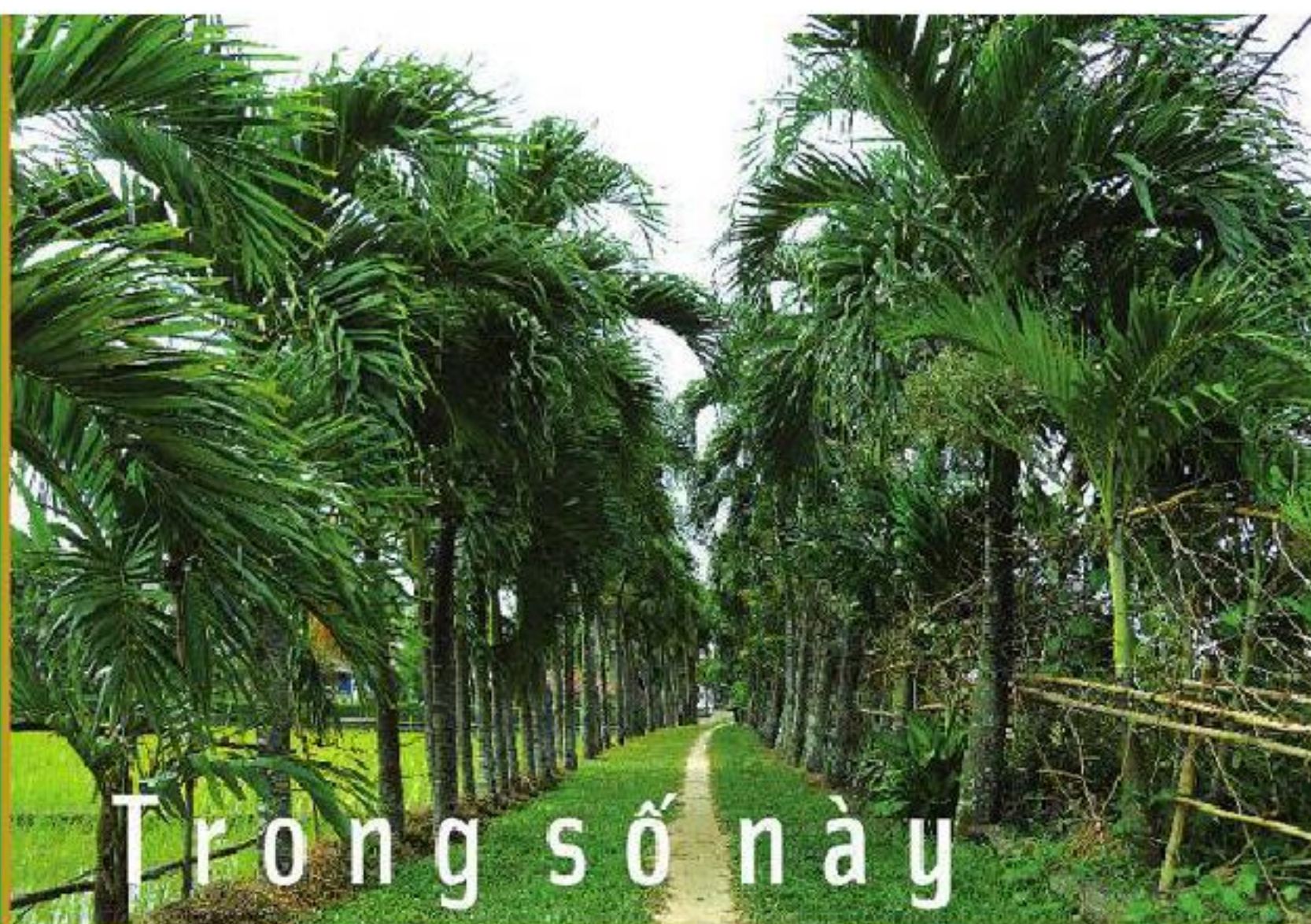
☐ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

☐ ĐTDD: **0918 032 040**

☐ Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA
P HẬT G I Á O

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kèm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, ĐD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Đi tìm cội nguồn cái ác (Nguyễn Cần)	3
Sương mai	7
Tưởng niệm cố Hòa thượng Thích Thiện Châu - "Lắng nghe tiếng nước chảy" (Thái Kim Lan)	8
Thương dân, dân tộc tượng thờ (Nguyễn Trọng Hoạt)	10
Tưởng nhớ Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ (Trần Văn Học)	12
Thừa tự Pháp (Minh Tuệ)	15
Kính ngưỡng Tăng bào (Jan Chozen Bays, Hà Duy An dịch)	18
"Làm việc hết lòng là người trọn đạo" (Thích Tâm Hạnh)	21
Đạo đức trong đời sống hiện đại (Nguyễn Thế Đăng)	24
Chúng ta là cây Bồ-đề (Sumita, Nguyễn Hiền Phác dịch)	26
Đúng và sai (Hoàng Tá Thích)	28
Gia đình và Phật pháp (Phạm Thanh Tùng)	30
Điều kiện của hạnh phúc (Phan Minh Đức)	33
Kẻ phóng hỏa giấu mặt (Nguyễn Hữu Đức)	36
Hương Thọ, xứ sở lễ hội (Xuân Trường)	38
Rơm rạ... mùa (Nguyễn Hạnh)	40
Mưa ngâu nhớ mẹ (Đoàn Đại Trí)	42
Cau (Huỳnh Kim Bửu)	44
Cà phê không đường (Đức Sơn)	46
Vị của nước mắt (Ngô Thị Hương Quế)	47
Hoa nở về chiều (Hoàng Thị Giang)	48
Nợ (Lê Xuân Thọ)	50
Con chó (Hà Thị Hạnh)	51
Thơ	52
Tôi và Linh (truyện ngắn của Tiểu Trúc)	54
Yến Lan ngủ mơ trên bến My Lăng (Phạm Văn Học)	56
Hàng cau xưa (Đào Minh Lâm)	58
Lời cảm ơn cuộc sống	60
Món chay: Củ cải hấp (Hoàng Anh - Phú Xuân)	61

Bìa 1: Vườn cau quê nhà. Ảnh: Thiên Đức.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

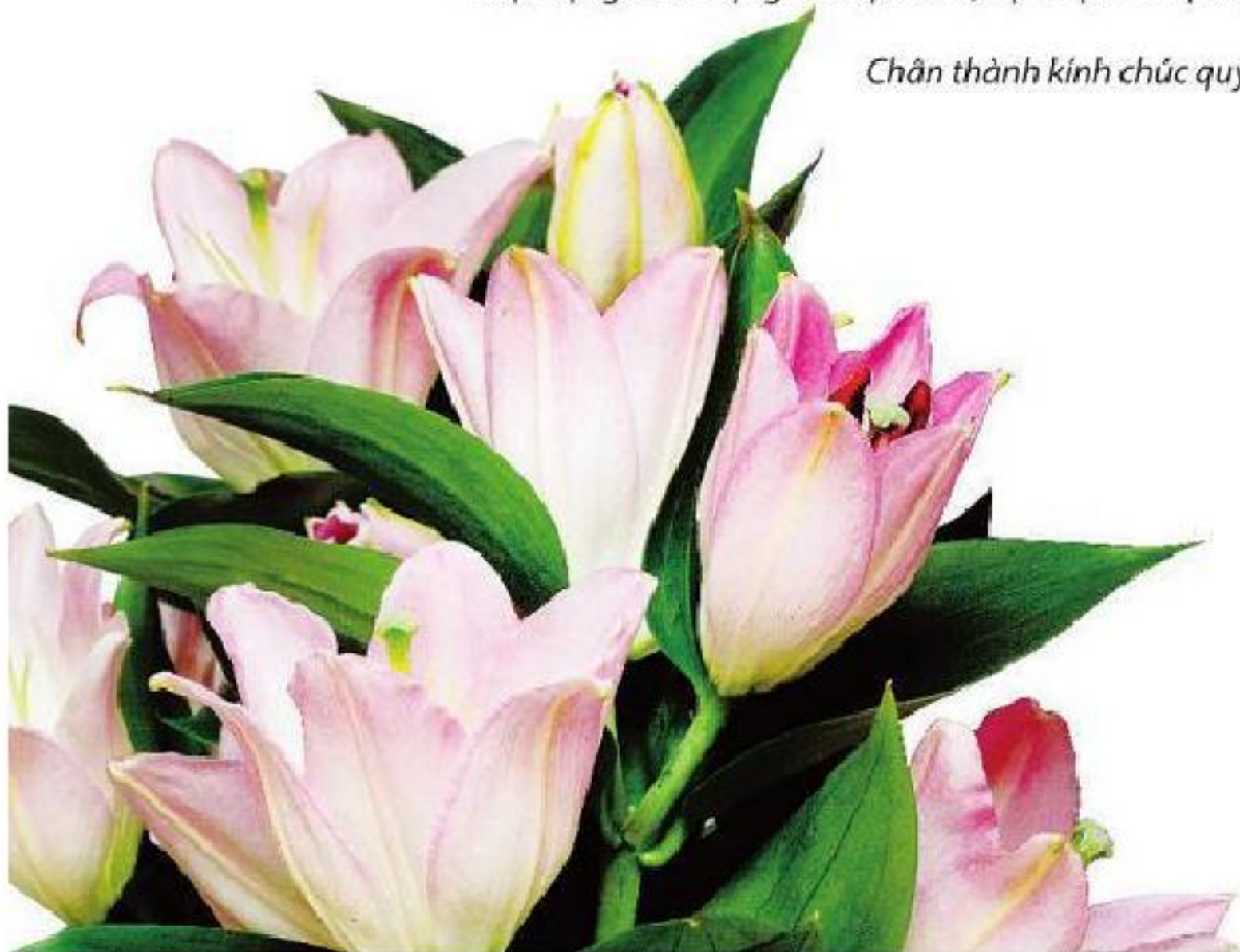
Hướng đến ba mươi năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (7/11/1981-7/11/2011), Phật tử Việt Nam ở khắp nơi trên cả nước đang tổ chức nhiều hoạt động kỷ niệm phong phú, nội dung chủ yếu là nhận định những thành tựu và những ưu khuyết điểm của Phật giáo Việt Nam trong quá trình đồng hành cùng dân tộc, đặc biệt là trong ba mươi năm qua. Trong niềm vui chung của người con Phật Việt Nam ở mọi phương sở, Văn Hóa Phật Giáo chân thành dâng lời nguyện cầu lên Tam bảo gia hộ cho mùa đại lễ thành công tốt đẹp, đặc biệt là rút ra được những bài học kinh nghiệm sâu sắc cụ thể cho sự phát triển Giáo hội. Nhân đây, VHPG cũng chân thành kính mời chư Tôn đức, Tăng Ni, quý vị nhân sĩ trí thức, các nhà nghiên cứu, và mọi Phật tử... đóng góp những bài viết thể hiện kinh nghiệm thuộc mọi lĩnh vực trong quá trình hoạt động của Giáo hội.

Từ khi góp mặt trên lĩnh vực truyền thông Phật giáo, Văn Hóa Phật Giáo đã nguyện đem hết sức mình chuyển tải mọi suy nghĩ, băn khoăn, thao thức, góp ý... của người con Phật Việt Nam ở khắp mọi nơi để giúp các nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam quán xuyến tình hình trên mọi phương diện và sớm có những giải pháp kế cơ kế lý. Với tâm nguyện đó, chúng tôi luôn mong mỗi được các bậc thức giả và quý độc giả ủng hộ, tạo điều kiện cho chúng tôi thể hiện đúng mục tâm tư nguyện vọng của những người Phật tử khao khát góp phần vào việc xây dựng một xã hội hiền thiện dựa trên giáo pháp nhà Phật; từng bước tham dự vào việc đưa hình ảnh và tiếng nói trung thực của Phật giáo Việt Nam đến với tất cả mọi người trên toàn thế giới.

Vừa qua, theo yêu cầu của Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN, Tạp chí VHPG cũng đã gửi một số ấn phẩm, cụ thể là những tập báo đã đóng tập và những tờ báo mới được phát hành trong thời gian gần đây, để tham gia vào việc trưng bày tại phòng Triển lãm về Phật giáo Việt Nam tại Bảo tàng Phật giáo Quốc tế được Phật giáo Sri Lanka tổ chức tại thành phố Kandy. Đây cũng là một đóng góp nho nhỏ mừng Đại lễ kỷ niệm ba mươi năm thành lập Giáo hội, đồng thời góp phần giới thiệu với thế giới hoạt động của Phật giáo Việt Nam, đặc biệt là hoạt động truyền thông Phật giáo.

Chân thành kính chúc quý độc giả thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo





Đi tìm cội nguồn cái ác

NGUYỄN CẦN

Vì trò chơi trực tuyến hay kinh tế thị trường?

Người ta đang tranh luận ồn ào trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mặt báo, và trên hệ thống thông tin trực tuyến về hàng loạt những vụ án mạng gần đây, nhất là sau khi xảy ra vụ Lê Văn Luyện, một thanh niên chưa đầy 18 tuổi, giết một lúc ba người trong một tiệm vàng ở Bắc Giang... Trên diễn đàn "Tội phạm đang trẻ hóa, do đâu?" được Báo Tuổi Trẻ tổ chức, người ta đã đưa ra những con số lạnh lùng: Chỉ riêng khu vực quận 1, TP.HCM, trong chín tháng đầu năm, công an đã bắt giữ 189 đối tượng phạm pháp hình sự, trong đó có 14 đối tượng dưới 18 tuổi và 73 đối tượng từ 18-30 tuổi (chiếm 75%). Một điều đáng ghi nhận là nhiều đối tượng đã có tiền án, có kẻ chưa đầy 30 tuổi mà đã có đến 5 tiền án (!), cho thấy sự giáo hóa trong các trại cải huấn thiếu hiệu quả, vì kẻ ra khỏi nhà tù tiếp tục phạm tội, có khi nặng hơn lần trước.

Cùng lúc, báo Người Lao Động (NLD) dành hẳn một trang đăng nhiều kỳ để nói về trò chơi điện tử bạo lực (TCĐTBL) mà một số nhà phân tích cho rằng đây là

nguyên nhân chính của những bi kịch. Nhận định về hành vi của Lê Văn Luyện, một tác giả của những bài viết trên báo NLD, Báo Trần, cho rằng lời khai ban đầu của đương sự cho thấy người thanh niên này đã xuống tay hết sức "tàn độc" mang tính cách "máu lạnh" như trong thế giới TCĐTBL chứ không phải là kẻ sống trong đời thực. Tác giả nhấn mạnh việc Lê Văn Luyện thừa nhận nguyên nhân phạm tội là muốn kiếm tiền để trả nợ và để có tiền tiếp tục chơi TCĐTBL trực tuyến; rằng đương sự kể lại một cách hồn nhiên như thể đang nhập vai người chơi trò chơi điện tử. Cũng tác giả này cho biết thêm, trong nội dung của một phần mềm TCĐTBL mang tên Tenchu còn có cả phần hướng dẫn người chơi biết cách "phi tang" sau khi giết người, rằng *sau màn triệt hạ, người chơi phải luyện cách di chuyển xác chết sao cho nhanh nhẹn*. Điều này khiến người đọc liên tưởng đến một trường hợp khác là vụ Nguyễn Đức Nghĩa, sau khi giết người yêu cũ đã tìm cách thủ tiêu thi hài nạn nhân bằng những biện pháp man rợ hòng xóa dấu vết. Nếu chỉ như thế thì việc ngăn chặn tội ác hoàn toàn nằm trong tầm tay của các cơ quan

chức năng, vì chỉ cần cấm hẳn mọi hình thức TCĐTBL. Tuy nhiên, những nghiên cứu ở nước ngoài cũng chưa kết luận dứt khoát rằng TCĐTBL là nguyên nhân chính của tội ác; mặc dù đã có không ít những lời kết tội TCĐTBL từ những nhà khoa học.

Một trong những nhà nghiên cứu chống TCĐTBL mạnh mẽ nhất phải kể đến là Tiến sĩ Tâm lý Craig Anderson. Năm 2003, ông đã lên tiếng trước Thượng viện Hoa Kỳ bác bỏ những nghiên cứu cho rằng TCĐTBL không gây tác hại. Tuy nhiên, trong một vụ án liên quan đến TCĐTBL vào năm 2005, ông đã bị chỉ trích vì không trích dẫn những nghiên cứu trái với quan điểm của mình. Mặc dù vậy, đến năm 2007, ông đã cùng hai đồng nghiệp tại Iowa State University xuất bản một quyển sách tựa đề là *Violent Video Game Effects on Children and Adolescents* (Những tác động của trò chơi điện tử có tính bạo lực trên trẻ em và thanh thiếu niên) trong đó các tác giả đã giải thích một cách công phu và khoa học những ảnh hưởng của TCĐTBL đối với mọi hành vi của người chơi game, từ trẻ em, đến tầng lớp thanh thiếu niên và ngay cả đối với người trưởng thành.

Trước đó, năm 1999, một cựu giáo sư tâm lý của Học viện Quân sự West Point là Trung tá David Grossman cũng viết một quyển sách có tựa đề là *Stop Teaching Our Kids to Kill* (Hãy ngừng dạy con cái chúng ta giết người). Ông cho rằng những nhà sản xuất các chương trình trò chơi bạo lực đã không có đạo đức khi huấn luyện trẻ em sử dụng vũ khí và nghiêm trọng hơn đã làm trơ lì cảm xúc của trẻ em trước hành động sát nhân bằng cách kích thích người chơi TCĐTBL giết cả hàng trăm hàng ngàn nhân vật đối phương chỉ trong một trò chơi điện tử. Tuy vậy, những kết luận của Grossman cũng bị các học giả cho là có thiên kiến và lệch lạc.

Với tinh thần khách quan của khoa học, giới học thuật Hoa Kỳ luôn băn khoăn rằng liệu có phải TCĐTBL là thủ phạm duy nhất và chính yếu của tình trạng bạo lực? Một số kết quả nghiên cứu của những nhóm nghiên cứu lớn như Trung tâm Sức khỏe Tâm thần thuộc Trường Y Viện Đại học Harvard hay The British Medical Journal cho thấy không có những liên hệ dứt khoát giữa việc chơi TCĐT với hành động bạo lực. Dựa trên việc phân tích nhiều kết quả nghiên cứu khác nhau, Giáo sư John L. Sherry thuộc Michigan State University cũng cho rằng nhiều học giả đã quá nhấn mạnh đến sự nguy hiểm của TCĐTBL mặc dù các bằng chứng không đủ thuyết phục. Những kết luận trong một cuộc nghiên cứu của Chính phủ Hoa Kỳ vào năm 1999 không thể hiện quan hệ nhân quả giữa việc chơi TCĐTBL với những khuynh hướng gây gổ đã khiến David Satcher, Tổng Y vụ trưởng Hoa Kỳ, người lãnh đạo Lữ đoàn Y tế Cộng đồng Hoa Kỳ lúc bấy giờ, phải phát biểu rằng, “Rõ ràng là chúng ta cứ gán cho truyền thông bạo lực có trách nhiệm với hành vi gây gổ. Nhưng tác động của truyền thông bạo lực quá nhỏ so với những điều khác. Có những người không hài lòng với kết luận này, nhưng

đó chính là chỗ đứng của khoa học”. Vào năm 2001, cũng báo cáo của Tổng Y vụ trưởng Hoa Kỳ cho thấy các yếu tố rủi ro mạnh mẽ nhất đối với những vụ xả súng ở trường học tập trung vào sự ổn định tâm thần và phẩm chất của đời sống gia đình, chứ không phải ở mức độ tiếp xúc với truyền thông bạo lực. Sự hoảng loạn về mặt đạo đức đối với TCĐTBL có tác hại kép. Nó khiến cho người lớn có quyền lực trở nên nghi ngờ và ghét bỏ hơn những trẻ em mê TCĐTBL vốn là những kẻ sẵn có cảm tưởng mình đã bị cắt rời khỏi xã hội. Nó cũng hướng năng lượng của xã hội đi chệch đường trong nỗ lực loại bỏ những nguyên nhân thực của tình trạng bạo động của giới trẻ và khiến cho vấn đề ngày càng trầm trọng thêm.

Nếu như các học giả không đồng ý hoàn toàn với nhau về tác hại của TCĐTBL thì họ cũng đều khuyến cáo nên hạn chế việc trẻ em tiếp xúc với TCĐTBL và giải pháp của người Tây phương là phân loại trò chơi điện tử theo đối tượng.

Ở Việt Nam, hầu như chưa có nghiên cứu khoa học cụ thể ngoại trừ một cuộc khảo sát của Viện Xã hội học thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam thực hiện năm 2010, tuy nhiên kết luận của cuộc khảo sát đó không được cộng đồng ủng hộ cho lắm.

Theo VN Express thì “... cách tiếp cận vấn đề rất thiếu hợp lý, phản khoa học và thiếu hiểu biết của một bộ phận giới truyền thông mà những người chơi game nói chung tại Việt Nam cảm thấy bất mãn và thiếu thuyết phục, trong khi chính những người chơi game mới chính là đối tượng mà giới truyền thông cần thuyết phục, cảnh tỉnh. Có thể nói, cách diễn ra các cuộc tranh luận tại Việt Nam chỉ khiến đào sâu khoảng cách giữa những người chơi game và phần còn lại của xã hội chịu ảnh hưởng của giới truyền thông, chứ không đạt được mục đích giúp đỡ thanh thiếu niên khỏi sa ngã”. Ở các nước khác, góc độ tiếp cận của nhà quản lý luôn là tôn trọng quyền tự quyết và tự quản: nhà trường phải giáo dục học sinh, gia đình phải quản lý con cái, mỗi cá nhân đủ tuổi trưởng thành phải tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Còn nếu bạn đã đủ 18 tuổi mà vẫn không phân biệt được giữa TCĐTBL và đời thực, lời khuyên chân thành của các nhà quản lý là bạn cần tìm cho mình một bác sĩ chuyên khoa tâm lý (!).

Vậy là đã rõ, TCĐTBL, nếu có tác động, cũng chỉ đóng một vai trò làm tăng nguy cơ phạm tội.

Thế nên, trong buổi tọa đàm về nguyên nhân tội phạm do Báo Tuổi Trẻ tổ chức, có người đã tìm đến những nguyên nhân khác như mặt trái kinh tế thị trường với lập luận “Kinh tế là yếu tố có tính chất nguồn cơn dẫn đến phạm tội trong giới trẻ. ... những người không có khả năng nhưng có nhu cầu vật chất cao có thể dẫn đến hành vi phạm tội để thỏa mãn mình”. Nhưng thử hỏi, ai không có nhu cầu vật chất cao, trừ khi tự biết mình không có đủ điều kiện để thỏa mãn? Ai chẳng muốn hưởng thụ ở mức cao nhất có thể được trừ những bậc tu hành chân chính quyết xa lìa dục lạc? Nếu chỉ vì “mặt trái” kinh tế thị trường thì những



nước có nền kinh tế thị trường đi trước chúng ta hàng chục, hàng trăm năm kia sao tỷ lệ tội phạm lại ít hơn?

Gia đình và sự xung đột văn hóa Đông - Tây?

Tiếp tục đi tìm nguyên nhân, chúng ta thấy có những luận chứng được đưa ra từ các cơ quan pháp luật khi ghi nhận phần đông em phạm tội có hoàn cảnh gia đình hoặc đổ vỡ hoặc không hạnh phúc hay bản thân không nghề nghiệp. Nhiều trường hợp kẻ phạm pháp xuất thân trong gia đình mà cha mẹ cũng có tiền án. Một số nhà phân tích nhìn sâu hơn, cho rằng sự giao thoa văn hóa Đông Tây đã gây ra “cuộc xung đột trong tâm hồn giới trẻ khi họ muốn ‘tháo cũi sổ lồng’ là do họ muốn tự khẳng định mình bằng những hành động hay muốn sống một đời sống khác với truyền thống trong khi lại thiếu tính tự chủ như tuổi trẻ phương Tây”. Ở góc độ thực tiễn hơn, một số nhà quản lý cho rằng vì chính quyền thiếu quan tâm hay quan tâm chưa đúng mức tới thực trạng phạm tội ở thanh thiếu niên, không chuẩn bị cho việc đào tạo tâm lý các cán bộ cải huấn nên ở các trại giam trẻ em phạm tội lại giam chung với người lớn khiến chúng lại học thêm nhiều “ngón nghề” lợi hại hơn sau khi ra tù (!).

Giáo dục và nền tảng văn hóa?

Tác giả Hà Thúc Hoan trong bài viết *Suy nghĩ từ một vụ án đăng trên VHPG số 137* đã nhận định *phải chăng khói lửa chiến tranh trong mấy chục năm qua đã đốt cháy những bài học đạo đức có giá trị truyền thống của dân tộc để thay thế vào đó những lời dạy về lòng căm thù giặc, về sự kiên cường và mưu trí trong cuộc chiến đấu không khoan nhượng với nhiều loại kẻ thù?... Nhưng đáng tiếc là đất nước đã có hòa bình từ lâu mà giáo dục nước nhà vẫn còn thiếu vắng những bài học sinh động về tình thương, về lòng khoan dung, về*

nhân cách và đạo làm người”. Tác giả cũng suy luận sâu xa hơn “Vì chấp ngã mà chúng ta đã sống vị kỷ, chỉ biết có mình và gia đình mình, từ đó thường có thái độ dửng dưng hay vô cảm trước khổ đau của đồng bào, và lắm khi đối xử thô bạo, tàn ác với cỏ cây, cầm thú và con người”.

Nhận định như vậy là đã thấy phần nào cội rễ của vấn đề vì đúng là “tâm thức chiến tranh” còn vọng lại trong đời sống hôm nay. Đó là sự bất an, là nỗi lo sợ không có ngày mai, sợ kẻ khác giành mất phần việc hay phần bổng lộc của mình trong công sở, phần đất thừa tự của mình, và nhiều thứ khác...

Di chứng tâm lý thời chiến, tâm lý bao cấp, kinh tế thị trường là những nguyên cơ để người ta gán vào đây hình ảnh một thể hệ lạc lõng thiếu lý tưởng, hành xử theo bản năng và sẵn sàng dùng bạo lực bất cứ khi nào cảm thấy bị xúc phạm hay thậm chí không bị xúc phạm nhưng vì muốn thể hiện cái “TÔI”. Nhưng đây chưa phải là tất cả cốt lõi của vấn đề.

Hãy nhìn lại ngôi nhà giáo dục: một ngôi nhà đã và đang xuống cấp với một chương trình giảng dạy thiếu đức dục, nặng phần chữ nghĩa, cộng với những thiếu sót giáo dục gia đình, đang lung lay trên một nền tảng văn hóa thiếu chiều sâu đạo lý, nhân nghĩa... mà ở đó những giá trị truyền thống đang bị phôi pha, nhạt nhòa bản sắc. Nếu chỉ nói vì tâm thức chiến tranh, thì hiện nay ở Nhật, một trong những thủ phạm của cuộc Thế chiến, người ta đã sống ra sao? Người ta đã xây dựng lại nền tảng văn hóa như thế nào mà chỉ trong đợt động đất vừa qua người Nhật đã thể hiện nét văn hóa nhẫn nhục, bi mẫu đáng khâm phục đến thế nào trước thế giới! Còn những quốc gia Tây Âu khác thì sao? Sau Thế chiến, họ trở thành những người yêu hòa bình hơn ai hết vì họ nhận thức ý nghĩa cuộc sống bình yên đáng trân trọng biết bao!

Nhìn lại xã hội chúng ta hiện nay, nền tảng văn hóa đang bị bật gốc rễ vì nhiều lý do, có lý do bắt nguồn từ quá khứ khi chúng ta tôn thờ quan điểm duy vật biện chứng, vô tình hay cố ý phủ định những giá trị văn hóa truyền thống, gán mác “tàn dư phong kiến” vào học thuyết Khổng Mạnh, còn những dòng tư tưởng nhân văn khác dấu rất mạnh mẽ như Phật giáo cũng bị xem là “mang bản chất tôn giáo, rung, ủy mị, bi quan...” khi chấp nhận “ở hiền gặp lành” mà không biết đến nguyên lý “sống là tranh đấu”, lại có lý do là chúng ta không quan tâm đúng mực đến giáo dục thế hệ trẻ về đức dục, khi những lý tưởng sống, kỹ năng ứng xử, nhân sinh quan chỉ được nói phớt qua, hời hợt không hệ thống, thiếu trọng tâm. Các em sẽ có khuynh hướng hành động theo bản năng, tự phát, theo những xung động mạnh mẽ của tuổi trẻ. Nhìn quanh và nhìn lên, cả xã hội sống vì giá trị vật chất, thực dụng đến lạnh lùng (!). Cha mẹ, thầy cô hay những quan chức địa phương đều không nêu được tấm gương về phẩm cách, về lối sống. Các nhà lãnh đạo cũng nhìn nhận thực trạng trên khi nêu trong Báo cáo chính trị: *Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu, những tiêu cực và tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn, đẩy lùi mà còn tiếp tục diễn biến phức tạp...* (trích Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương khóa X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam, lấy từ trang Vietnam plus của *Thông tấn xã Việt Nam*, bản tin 18-3-2011).

Song, như đã nói ở trên, chúng ta vẫn chưa nhìn thẳng vào nguồn cơn, nguyên ủy của vấn đề khi nhận định: *“Ngày nay, khi mà các quan niệm về thang giá trị xã hội có nhiều thay đổi, khi mà hằng ngày, hằng giờ người cán bộ, đảng viên phải đối mặt với những tác động tiêu cực từ mặt trái của cơ chế thị trường, của quá trình mở cửa và hội nhập quốc tế, trước sự cám dỗ, mua chuộc của kẻ thù qua chiến lược ‘Diễn biến hòa bình’... đang dẫn tới những biểu hiện đáng lo ngại...”* (trích từ www.xaydungdang.org.vn).

Thực ra, cơ chế thị trường chỉ tác động đến lòng Tham, đến sự chấp hữu của cá nhân, và đó chính là kẻ thù ghê gớm nhất đang ngồi trong đáy lòng ta: đó chính là sự vắng bóng lương tâm. Vì còn có kẻ thù nào có thể xui ta làm hàng gian hàng giả tác hại đến người tiêu dùng; kẻ thù nào khuyến ta làm những con đường xuống cấp khiến tai nạn gia tăng; kẻ thù nào dẫn dụ ta ăn chơi trác táng trong vũ trường, sòng bạc...; kẻ thù nào bày vẽ cho ta những mưu mô uốn cong luật pháp để thủ lợi. Kẻ thù nào xúi con giết cha, vợ giết chồng, anh em tàn sát lẫn nhau? ... Rõ ràng, không kẻ thù nào nguy hiểm hơn chính TA!

Nhà Phật đã chỉ ra rằng khoảng cách giữa thiện và ác vốn rất gần: chỉ một sát na phóng tâm là tạo nghiệp. Chúng ta biết rằng trong mười ác nghiệp thì thân có ba là đâm dục, sát sanh và trộm cắp, miệng có bốn là lường thiệt, ác khẩu, vọng ngôn và ý nghĩ. Ý có ba là tật đố, sân và si.

Chỉ cần nuôi dưỡng ý tưởng sát sanh hại mạng là chúng ta đã phạm tội, bởi từ đó dẫn đến hành động. Chúng ta cũng đã nghe tường thuật rằng người thanh niên Lê Văn Luyện đã nảy sinh ý định giết người để cướp của khi đi ngang tiệm vàng. Và còn bao kẻ chỉ vì “vàng” mà bỗng dưng lạm sát người vô tội.

Để giảm tội ác, con người phải được rèn luyện, huấn tập từ trong tâm thức, sao cho tránh ác làm lành, sợ “nhân” hơn sợ “quả”. Suy rộng ra, có thể thấy *“Một cơ chế chính trị được xem là tiến bộ, một quốc gia có nền văn minh cao thì luật pháp và khuynh hướng đạo đức được xây dựng trên mười thiện nghiệp rất rõ ràng. Có thể nói rằng đặc tính của mười thiện nghiệp hay ác nghiệp là thước đo hạnh phúc hay bất hạnh của con người và là căn bản đánh giá cho sự văn minh hay chậm tiến của xã hội”* (Kinh Bốn mươi hai chương - Hòa thượng Thích Phước Tịnh dịch và chú giải).

Đã đến lúc cần phải nhìn thẳng vào nguyên nhân của sự việc và gọi đúng tên: *Sự suy thoái của nền văn hóa, trong đó có giáo dục*. Văn hóa là một trong những rường cột vực dậy xã hội, đất nước. Chúng ta thấy nhiều đế quốc xâm chiếm nước khác nhưng không thể duy trì ách thống trị bởi lẽ đất nước bị xâm lược ấy có nền văn hóa tự chủ, độc lập. Việt Nam vẫn tồn tại sau ngàn năm bị Trung Quốc đô hộ vì chúng ta có một nền văn hóa vững vàng. Chúng ta không sợ ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa hay phương Tây xâm nhập nếu chúng ta có một nền văn hóa với bản sắc đặc thù. Khi đó, dẫu có hội nhập “sâu” đến thế nào cũng không bao giờ bị phai nhòa, hòa tan... Nhưng nếu ngược lại thì khác.

Trở lại với cội nguồn cái ác. Ta có thể khẳng định, trò chơi điện tử mang tính bạo lực hay kinh tế thị trường hay gì gì đi nữa... cũng không thể làm cho thiện tính bị thui chột nếu chúng ta biết cách xây dựng nền tảng đạo đức trong học đường, trong gia đình và những thiết chế văn hóa vững mạnh, trong đó từ bi và trí tuệ phải được đặt lên hàng đầu, phải nhấn mạnh đến tinh thần thượng tôn pháp luật, phải xây dựng những định chế để ứng dụng hài hòa cả nhân trị lẫn pháp trị. Nhưng quan trọng nhất là phải xây dựng lại tâm thức con người, bởi ngay từ trong ý niệm, chỉ cần một sát-na phóng tâm là cửa địa ngục mở ra. Phải ngăn chặn tận nguồn các nghiệp bất thiện. Thế hệ cha anh, thầy cô, các bậc quan chức phải làm gương cho con trẻ, phải nghiêm túc gột sạch những ác nghiệp từ trong tâm thức mình, phải thể hiện bằng hành động, bằng chính lối sống có tu dưỡng của mình.

Được như thế, thì xã hội sẽ bớt dần những tội ác hay lầm lỗi và chúng ta không phải thảng thốt giật mình trước những tiêu đề trên trang báo mỗi sớm mai và để câu chuyện bên ly café buổi sáng sẽ xoay quanh những chuyện đời chan chứa tình người như Kahil Gibran đã cảm ơn đời:

*Cảm ơn đời mỗi sớm mai thức dậy
Ta có thêm ngày nữa để yêu thương. ■*

Ngắn ngủi thay là tuổi thọ của loài người ở đời này, rồi phải đi trong tương lai! Hãy làm điều lành. Hãy sống phạm hạnh.

***Kinh Tương Ưng Bộ, Tập I,
Chương 4, Tương Ưng Ác Ma***

Tưởng niệm Cố Hoà thượng Thích Thiện Châu

“Lắng nghe tiếng nước chảy”

THÁI KIM LAN



Vừa qua, lục giấy tờ cũ, tình cờ tôi thấy một trang giấy có thủ bút của thầy Thích Thiện Châu (cố Hòa thượng Thích Thiện Châu), một bài thơ. Cảm động quá. Bài thơ này thầy viết sau khi chấm dứt khóa Thiển mùa hè năm 1990 và cũng là lần cuối cùng Thầy sang giảng khóa Thiển tại Muenchen.

Từ khi đảm nhiệm dạy môn triết học so sánh giữa tri thức luận Phật học và triết học Tây phương tại Đại học LMU Muenchen, mỗi năm tôi tổ chức khóa Thiển mùa hè và mùa đông cho sinh viên, nhưng những nhà trí thức quan tâm đến Thiển cũng có thể ghi tên tham dự. Hội thảo cuối tuần đúc kết các đề tài tham luận lý thuyết chuyển sang thực hành để giúp sinh viên hiểu biết chu đáo về Phật học và thực hành phương pháp Thiển định. Những lần như thế tôi thường mời hai người. Một là thầy Thiện Châu ở chùa Trúc Lâm, Paris, Pháp. Vị kia hiện đã ngoài 80 tuổi vốn là bạn học của các vị Hòa thượng Thích Thiện Châu và Thích Minh Châu, là Bikkhu Pasadika, một học giả người Đức uyên thâm về văn học Phật giáo Sanskrit và Tây Tạng. Hai vị nhận lời hướng dẫn các buổi ngồi thiền cũng như tham luận của sinh viên. Trong suốt các thập niên từ 70, 80, 90, và sang đến đầu thế kỷ thứ 21, hai vị Thầy đáng kính đã không ngại đường xa đến giúp tôi, đông cũng như hè, lạnh lẽo trong tuyết lạnh hay thông dong trong nắng ấm, tận tình chỉ dẫn những sinh viên trẻ tìm hiểu đạo Phật với tâm từ bi và khiêm ái.

Đạo ấy các khóa Thiển do tôi tổ chức rất đông sinh viên đến tham dự, có khi lên đến trăm người, mặc dù theo thông báo thì chỉ giới hạn tối đa là 50 người. Đối với Viện Triết, đó là hiện tượng khá đặc biệt. Nhiều lần ban tổ chức phải chia các tham dự viên làm hai nhóm và thỉnh mỗi Thầy hướng dẫn một nhóm. Thật thú vị khi thấy các sinh viên Đức đua nhau vào lớp có ông thầy người Việt Nam, còn số sinh viên Á châu, nhất là các Phật tử Việt Nam tham dự theo chế độ ngoại khóa, lại thích vào nghe ông thầy người Đức giảng.

Khóa Thiển năm 1990 được tổ chức tại Weyarn cách München 50km, trong rừng, tại một trung tâm văn hóa tôn giáo, được trang bị đầy đủ cho các buổi tọa thiền, rất thích hợp với sinh hoạt hội thảo của chúng tôi.

Buổi chiều trước ngày bắt đầu khóa Thiển, chúng tôi đón thầy Thiện Châu ở sân ga rồi cùng với thầy đến Weyarn. Thầy trò đi dạo trong rừng, cũng để tìm địa điểm rộng thoáng, đẹp cho một buổi ngồi thiền định giữa thiên nhiên. Hôm ấy đi sâu vào rừng, một hồi không tìm thấy lối ra, tôi cùng với các cháu bối rối sợ đi lạc mãi trong đêm khó tìm đường, nhưng Thầy vẫn điềm đạm, bảo ngồi nghỉ chân rồi đi tiếp, lúc sau Thầy bảo đi theo hướng nước chảy, may sao gặp một hồ nước mới định phương hướng tìm về, khi ấy trăng đã lên cao.

Thường sau mỗi khóa Thiển, Thầy Thiện Châu đọc một hay hai bài thơ cho sinh viên nghe và tôi chịu trách nhiệm dịch sang tiếng Đức. Năm ấy, sau buổi Thiển, Thầy viết bài thơ trên mặt sau tờ giấy ghi tên sinh viên tham dự vì thường Thầy luôn giữ một bản danh sách. Thầy để lại bài thơ, rồi từ biệt mọi người; và từ đó không trở lại nữa sau khi ngã bệnh và viên tịch năm 1997.

Nhìn lại thủ bút của Thầy, tôi ngẩn người, thế mà đã 21 năm, không ngờ đã hai thập niên lẻ một, tưởng như mới đây, mà nay người không còn nữa...

Từng chữ như vẽ lại dáng vị sư áo nâu nhũn nhặn, trầm tĩnh ngồi nghỉ trên phiến đá, trong lúc chúng tôi, nhất là tôi, lo sợ trời tối mà các cháu nhỏ (Mai Lan lúc ấy lên 9, Minh lên 10) đi theo đã đói và mỏi mệt, sương xuống càng lúc càng dày. Thầy bảo đừng sợ, rồi hướng dẫn chúng tôi đi theo tiếng suối, chúng tôi vạch lau sậy đi trong sương mù bồng bênh... và không thể tả nổi sự vui mừng ngạc nhiên khi thoát ra khỏi vùng vầy lau sậy u minh, đến bên bờ hồ, mới biết trăng đã lên tự bao giờ, vàng vạc sáng.

Lời thơ bình dị, mộc mạc, hầu như tự quên là thơ, không đòi hỏi là thơ, mà đạo vị và thi vị thanh thoát bàng bạc từ chữ đầu đến chữ cuối đúng theo hạnh "giới ngữ" của nhà Phật. Chân dung của vị sư như thoát ra từ câu thơ, hiển hiện trước mắt, điểm đậm, khiêm cung và từ ái, một lữ khách theo chân Như Lai, đến và đi như thế, không ồn ào, không mê hoặc. Người đã đến từ xa, cùng những sinh viên ngồi đếm từng hơi thở, hầu như chỉ dạy cách lắng tâm nghe dòng đời chảy để "thấy đường" nhân ái rộng trước mắt. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao sinh viên Đức ngưỡng mộ Thầy.

Thấy đường

Chiều xuống giữa ngàn cây,
Sương lam hòa trong mây
Cỏ đại lấp ló đi
Lữ khách dừng chân nghỉ
Lắng nghe tiếng nước chảy
Lấn theo suối đi mãi
Hết đường - một hồ vắng
Nước lặng loáng trăng vàng.

Thích Thiện Châu

• Thường những buổi tọa thiền đều không được chụp hình vì tôn trọng sự tĩnh lặng và tập trung, nên không có hình ảnh đầy đủ. ■



Thương dân Dân tạc tượng thờ

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Nguyễn Duy Xán sinh năm 1906 tại làng Lý Hòa, nay là xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, Quảng Bình, trong một gia đình có truyền thống học giỏi. Bác ruột ông là Nguyễn Duy Thắng đỗ phó bảng khoa thi Mậu Tuất (1898); chú ruột là Nguyễn Duy Phiên đỗ tiến sĩ khoa thi Đinh Mùi (1907); chú ruột Nguyễn Duy Thiệu đỗ phó bảng khoa thi Canh Tuất (1910). Cha ông là Nguyễn Duy

Tích, đỗ tiến sĩ khoa thi Tân Sửu (1901), làm quan đến chức Tham tri Bộ Binh, sau được truy tặng Thượng thư Bộ Lễ. Đỗ đạt rồi ra làm quan, cha chú của Nguyễn Duy Xán đều nổi tiếng thanh liêm, cương trực.

Năm 1933, Nguyễn Duy Xán đỗ cử nhân luật, được bổ làm tri huyện Hải Hậu - một huyện ven biển của Nam Định. Nhận rõ sự cần thiết của hệ thống đê biển ở nơi đầu sóng, ông huy động dân tu bổ đê chắc chắn. Vừa

thắng tay trừng trị những quan lại dưới quyền tham ô, ức hiếp dân, ông vừa chăm lo cho dân. Những xích mích giữa đồng bào lương, giáo trong vùng đều được ông hòa giải. Ông hỏ hào dân làm đường, xây trường học, xây chùa, đào mương dẫn nước nhập đồng. Lòng trong sáng, lại nắm chắc luật nên ông xử án rất công minh, được dân tâm phục khẩu phục. Là Phật tử thuần thành, ông thường lấy đạo đức Phật giáo để răn dân. Thương dân, lại liêm khiết nên quan Xán luôn được dân quý trọng, nghe theo.

Những năm 1936-1939, Hải Hậu có phong trào truyền bá Quốc ngữ rất mạnh. Trong số những thầy giáo dạy trường huyện ở đây, có thầy Mô và thầy Đào Trọng Côn; các ông đồng thời là cán bộ cách mạng hoạt động bí mật. Mật thám Pháp đánh hơi, gọi quan Xán lên cảnh báo và yêu cầu phối hợp theo dõi hai ông giáo. Thay vì làm theo lời quan Pháp, ông đã báo lại với hai người để họ phải cẩn thận. Sau này ông Mô trở thành cán bộ cao cấp của quân đội, ông Côn là giảng viên Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội; họ còn giữ mãi những ấn tượng tốt đẹp về tri huyện Nguyễn Duy Xán.

Những người cao tuổi ở thị trấn Hải Hậu kể rằng, ngày quan Xán rời nơi đây để đi nhận chức tri phủ Khoái Châu (Hưng Yên), dân kéo lên huyện đường, lưu luyến tiễn ông. Nhiều người đã khóc khi xa vị quan thanh liêm, đức độ - một cảnh tượng thật ít có. Khi Cách mạng Tháng Tám nổ ra, Nguyễn Duy Xán đang làm Án sát tỉnh Hưng Yên. Thay vì bị bãi chức như nhiều người cùng cảnh, ông được mời ở lại tham gia Ủy ban Hành chính Kháng chiến tỉnh. Lúc đầu, ông từ chối; nhưng trước sự chân thành của những đại diện chính quyền mới, ông đã nhận lời.

Trước ngày toàn quốc kháng chiến không lâu, ông Xán trở lại quê nhà; và từ đây, ông tham gia suốt cả hai cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc với những trọng trách như Chánh án Tòa án Nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình. Nghỉ hưu, ông về sống ở làng Lê Sơn, huyện Tuyên Hóa và qua đời năm 1983.

Các con ông đều là bác sĩ, kỹ sư, thầy giáo luôn giữ nếp thanh cao của gia phong, tận tụy với công việc, sống trong sáng, nghĩa tình. Người con gái Việt Nam xinh đẹp được đạo diễn người Nga Các-men chọn làm hình ảnh mở đầu bộ phim nổi tiếng *"Việt Nam trên đường thắng lợi"* chính là bác sĩ Kim Anh - con đầu của cụ Xán, nay ở Hà Nội. Người con kế của cụ là bà Kim Châu, một cán bộ công đoàn lâu năm, mẫu mực của tỉnh Nghĩa Bình cũ, sau này là Quảng Ngãi, nay nghỉ hưu ở Đà Nẵng...

Mãi đến năm 1990, con cháu cụ Xán mới biết, người dân Hải Hậu đã tạc tượng thờ cụ tại chùa Tùng Lâm ở xóm 4, xã Hải Phương. Từ Hà Nội, Đà Nẵng, Quảng Bình, họ tìm về, xúc động đứng trước bức tượng cha, ông. Tượng cao hơn một mét, bằng gỗ, tạc hình cụ Xán trong trang phục quan huyện, đầu đội mũ cánh chuồn,



tay cầm thẻ bài. Riêng hai cánh chuồn trên mũ bị sứt (trong ảnh), nay đã được chùa Tùng Lâm khôi phục lại. Tượng được tạc theo trí nhớ của những người từng biết cụ Xán nhưng khá giống với nguyên mẫu, được đặt trang trọng trong gian thờ.

Chuyện rằng, khi cụ Xán rời Hải Hậu, người nơi đây vẫn nhớ ông - một vị quan khắc kỷ, thương dân. Họ tỏ lòng thành bằng cách tạc tượng và dành gian bên trái của chùa Tùng Lâm để đặt bàn thờ cụ. Theo sư nữ Thích Đàm Quyền đang trụ trì chùa này, tượng và bàn thờ cụ Xán được lập vào khoảng những năm 50 thế kỷ trước; nghĩa là khi người được tạc tượng đang làm cán bộ tỉnh Quảng Bình. Trong những năm kháng chiến, cụ Xán hay đi Hà Nội họp nhưng đâu biết mình được thờ sống ở vùng quê chỉ cách thủ đô chừng trăm cây số. Ở nước ta, người được tôn thờ khi còn sống như thế chắc không nhiều. Khi con cháu cụ Xán về thăm chùa Tùng Lâm, ông Nguyễn Thế Vy, một Phật tử ở đây, đã làm thơ tặng họ, trong đó có những câu: *"... Trọng nhân nghĩa, trọn một đời đức độ/ Sống thương dân, dân mãi không quên/ Người xưa, dấu cội trăm năm/ Tượng kia còn mãi, tiếng thơm không mờ"*. Thì ra, thời nào cũng vậy, làm quan mà thương dân, tất được dân tôn thờ.

Bây giờ, khi đã biết ngày giỗ cụ Xán (7/8 âm lịch), hằng năm, bà con trong vùng lại tụ về chùa Tùng Lâm để cúng cụ, như một người thân trong gia đình. ■



Tượng nhớ Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ

Bài và ảnh: TRẦN VĂN HẠC

Vào đầu năm học mới 2011-2012, tại Khu di tích lịch sử văn hóa Lê Chi viên, "Hội những người yêu kính Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ" cùng chính quyền và nhân dân xã Đại Lai, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đã long trọng khánh thành tượng đài Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ - có thể coi là người nữ giáo viên đầu tiên của Việt Nam - một người thầy, một nhà giáo dục xuất sắc thuộc nữ giới. Đây là pho tượng thứ hai của Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ được tôn tạo bằng đá. Vào năm 2009, một pho tượng khác đúc bằng đồng đã được dựng xã tại Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình để nhân dân địa phương nơi quê hương của bà tỏ lòng tôn kính bà. Lê Chi viên là nơi gắn liền với vụ án oan khuất lớn nhất trong lịch sử nước nhà, khi cách đây 559 năm, vị công thần Nguyễn Trãi đời nhà Lê đã bị khép vào tội phải tru di ba họ.

Theo những tài liệu lịch sử gần đây, người ta được biết Nguyễn Thị Lộ quê làng Hải Triều (còn gọi là Hải Hố) tục gọi làng Hối, tổng Thanh Triều, huyện Ngự Thiên, phủ Tân Hưng (nay thuộc xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình). Nguyễn Thị Lộ sinh vào đời nhà Hồ (1400) và mất không lâu sau khi vua Lê Thái Tông băng (1442). Xuất thân trong một gia đình khá giả, cha là Nguyễn Mỗ, biết chữ, có nghề xem mạch bốc thuốc, bản tính thông minh và sớm được cha cho đi học, Nguyễn Thị Lộ sớm thông hiểu kinh sách như *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Nam sử*... và có tài xuất khẩu thành thơ, lại nổi tiếng là người đẹp nhất vùng. Sau khi cha bị quân Minh giết, bà phải cùng mẹ tần tảo nuôi dạy các em, phải đem chiếu đi bán và trong một lần lên kinh thành bán chiếu bà đã gặp Nguyễn Trãi, rồi trở thành người bạn đời của ông. Đây là cuộc gặp gỡ của giai nhân tài tử. Nguyễn Thị Lộ cùng Nguyễn Trãi vào Lam Sơn tụ



nghĩa, là trợ thủ đắc lực cho ông trong mọi công việc và làm thầy dạy con em thủ lĩnh và nghĩa quân. Khi vua Lê Thái Tông lên ngôi, nghe tiếng Nguyễn Thị Lộ hay chữ, nhà vua vời bà vào cung, phong làm Lễ nghi Học sĩ, giao thay mặt vua và hoàng hậu quản lý mọi việc trong cung, dạy cung nữ và giảng sách cho vua. Nguyễn Thị Lộ là người phụ nữ đầu tiên ở chức vụ này. Trong một xã hội có tư tưởng trọng nam khinh nữ như xã hội Việt Nam dưới thời phong kiến thì đây là một sự kiện chưa từng có. Điều đó góp phần củng cố khẳng định năng lực của Nguyễn Thị Lộ, một người phụ nữ thông tuệ. Đánh giá về vai trò của Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ, sử thần Vũ Quỳnh (1452-1516) khen: "Thị Lộ đã cảm hóa được Lê Thái Tông, thuyết phục vua chăm chỉ đèn sách, lại giúp vua nhiều ý kiến để sửa trị nước...". Theo sử cũ, do Lê Thái Tông chết trong lúc nghỉ lại tại Lệ Chi viên trên đường hồi cung sau cuộc duyệt binh ở Chí Linh, triều đình phong kiến nhà Lê bắt tội Nguyễn Thị Lộ, sau đó ra lệnh tru di ba họ Nguyễn Trãi vì kết tội ông là đồng chủ mưu giết vua. Đây là một vụ thảm án khủng khiếp nhất trong thời phong kiến nước ta. Đến năm 1464, khi vua Lê Thánh Tông xuống chiếu giải oan cho Nguyễn Trãi, người ta mới hiểu được nguyên nhân sâu sa của vụ án là những mưu đồ chính trị, hãm hại trung thần, tranh đoạt ngôi báu. Nhân Nguyễn Trãi

được vua Lê Thánh Tông giải oan, nhân dân lúc bấy giờ đã lập một đền thờ bà Nguyễn Thị Lộ ở gần đê sông Hồng, không xa đền thờ Nguyễn Trãi. Tuy vậy, sử sách thời phong kiến vẫn có những nhận định nặng nề về bà Nguyễn Thị Lộ.

Hơn 500 năm sau, nhân dân đã minh oan cho Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ. Nhờ có sự vận động tích cực của "Hội những người yêu kính Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ" do nhà giáo Hoàng Đạo Chúc làm hội chủ, vào tháng 12-2002, tại thôn Khuyến Lương, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, thủ đô Hà Nội, một cuộc hội thảo về Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ đã được tổ chức, quy tụ nhiều nhà khoa học tham dự. Kết quả cuộc hội thảo là việc ra đời một tập kỷ yếu có nhan đề là "*Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ với thảm án Lệ Chi viên*" do Nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin ấn hành năm 2004. Tập kỷ yếu này có đăng tải những bài tham luận của nhiều nhà trí thức lớn, như Giáo sư Vũ Khiêu, Giáo sư Phan Huy Lê, Giáo sư Đinh Xuân Lâm, Tiến sĩ Đinh Công Vĩ, Giáo sư TSKH Phan Đăng Nhật, Phó Giáo sư Chu Quang Trứ... Với nhiều cứ liệu mới phát hiện, cuộc hội thảo đã đưa ra những đánh giá có tính khách quan về tài năng, đức độ và những cống hiến của Nguyễn Thị Lộ. Nhận định một cách tổng quát, Giáo sư Vũ Khiêu cho rằng, "*Lễ nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ đã dâng trọn cuộc đời cho sự bền*



vững của vương triều Lê và sự phồn vinh của non sông Đại Việt... Bà cũng là người tài hoa trong văn học, sắc sảo trong chính trị, chu đáo trong ứng xử và thủy chung trong tình nghĩa". Xét về những cố gắng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội, nữ sĩ Như Hiền Nguyễn Ngọc Hiền nêu lên rằng, "Bà đã soạn thảo và cho chấn chỉnh nhiều phong tục từ trong cung cho đến ngoài triều... xin chỉ dụ của vua để mở mang học vấn dân tộc, khuyến khích phụ nữ học chữ thánh hiền". Cũng xét về mặt chính đốn tập tục, Phó Giáo sư Vũ Ngọc Khánh còn đi xa hơn, "Ý kiến của Nguyễn Thị Lộ không đóng khung nơi cung cấm mà lại thành một chủ trương chỉnh đốn phong tục cả nước. Sử sách chép rõ điều này... Có thể không quá lời khi nói rằng Nguyễn Thị Lộ chưa có bạn đồng hành nào đi trên con đường cải tạo phong tục Việt Nam từ xưa đến nay". Nói chung, cuộc hội thảo cho thấy Nguyễn Thị Lộ thực sự đã có những cống hiến lớn cho văn minh văn hiến Đại Việt thời nhà Lê, chỉ vì có liên quan đến việc cứu giúp và nuôi giấu bà Tiệp dư Ngô Thị Ngọc Dao, một thứ phi của Lê Thái Tông, mà chịu hàm oan trong vụ thảm án Lê Chi viên, và tiếp tục chịu đựng những điều tiếng mà triều đình phong kiến nhà Lê tạo dư luận để khóa lấp sự tàn bạo của vụ án oan.

Năm nay 2011, vào đầu những ngày tháng 9 rộn rã khai trường và nhân dịp ngày giỗ hai cụ Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ cùng ba họ (16.8 âm lịch), tại Lê Chi viên, tượng Lê nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ đã được long trọng khánh thành. Tượng được tạc bằng đá trắng nguyên

khối, trang trọng ngự bên trái ngôi đền thờ hai cụ, tay cầm bút như đang viết lên trời xanh tấm lòng trong trắng trung trinh cùng hoài bão lớn lao của những người anh hùng vì dân vì nước. Sau lưng là dãy núi Thiên Thai hình rồng chín khúc, bên trái là sông Thiên Đức, còn gọi là sông Đuống, xưa kia là con đường giao thông huyết mạch toàn vùng Đông bắc lại tưới nước cho những cánh đồng phì nhiêu vùng Bắc Ninh. Phía trước, xa xa là Côn Sơn (Chí Linh, Hải Dương), quê ngoại của Nguyễn Trãi, nơi gắn bó máu thịt với cuộc đời và cũng là nơi góp phần hun đúc nên tinh thần, cốt cách của người anh hùng dân tộc. Đứng trước pho tượng tinh khôi, ai cũng xúc động trước khuôn mặt, ánh mắt của Lê nghi Học sĩ nhân từ, khoan dung gần gũi thân thương và cao quý như khuôn mặt của bà, của mẹ, của những người nông dân một nắng hai sương, tần tảo, hy sinh vì gia đình, vì quê hương đất nước, song vẫn toát lên thần thái của một bậc văn tài, tâm đức tỏa sáng như trăng thu vàng vạc, trong lòng chợt ấm áp lạ thường, như được tiếp thêm một luồng sinh khí.

Bên phải ngôi đền là tượng đài "Giọt lệ" bằng đá hoa cương được đặt trên một cuốn sách mở, tượng trưng cho tri thức. Đế tượng đài là ba vòng tròn đồng tâm tạo thành tam cấp, tượng trưng sâu sắc cho sự giao hòa Thiên - Địa - Nhân, đồng thời cũng là ngầm ý nói đến việc ba họ bị tru di. Trụ vuông nâng cuốn sách như bầu trời trong quan niệm cổ. Tượng đài như một giọt lệ đang rơi trên cuốn sách - giọt lệ của nhân dân xót thương cho nỗi oan khiên dấy cả đất trời của những người con Trung - Hiếu - Tiết - Nghĩa. Tượng đài "giọt lệ" còn là biểu tượng trái tim nhân ái của người anh hùng dân tộc trường tồn với thời gian, như ngọn lửa từ trái tim nhân ái bao dung của những người con ưu tú của dân tộc. Tấm gương sáng ngời và hương linh các cụ sẽ mãi đồng hành, tiếp sức cho chúng ta.

Tượng đài Lê nghi Học sĩ Nguyễn Thị Lộ được khánh thành vào dịp đầu năm học mới có ý nghĩa vô cùng sâu xa, khẳng định tình cảm của nhân dân ta với những bậc anh hùng có công với nước, thấm nhuần đạo lý "uống nước nhớ nguồn", "tôn sư trọng đạo", có tác dụng tiếp thêm động lực cho các thế hệ người Việt trong việc phấn đấu học tập và tu dưỡng. Trong thời gian tới, Hội sẽ cùng các cấp Đảng và chính quyền xã Đại Lai và các nhà hảo tâm chung tay xây dựng Khu di tích Lê Chi viên trở thành "Di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia", để nơi đây không chỉ là một địa chỉ tâm linh, mà còn là một địa chỉ văn hóa. Mỗi chúng ta khi đến chiêm bái, thấp nén hương trầm, là lại như được soi mình vào tấm gương truyền thống hào hùng 4.000 năm của dân tộc, được tiếp thêm nghị lực và niềm tin, biết trân trọng nâng niu những tài sản vô giá về vật chất và tinh thần mà cha ông ta phải đổi bao công sức và máu xương mới có được, chung tay góp sức xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp. ■

Thừa tự Pháp

MINH TUỆ

Thừa tự Pháp của Phật để làm lợi ích cho chính mình và mang lợi lạc cho cuộc đời là trách nhiệm cao quý thiêng liêng của hàng xuất gia đệ tử Phật, những người được tôn xưng là sứ giả của Như Lai. Phật pháp có được hưng thịnh, có thật sự mang lại niềm tin yêu và lợi lạc cho cuộc đời hay không, điều đó không tùy thuộc vào việc xây dựng chùa to Phật lớn mà cơ bản nằm ở chỗ chư Tăng có sống Phạm hạnh thanh tịnh đúng như lời Phật dạy hay không. Nhận rõ vấn đề này, Đức Phật đã có lời khuyên nhắc các Tỷ-kheo hãy là người thừa tự Pháp, chớ có thừa tự tài vật. Trong bài kinh Thừa tự Pháp (*Dhammavāṇasutta*) thuộc tuyển tập Trung Bộ, Ngài ân cần nhắc nhở:

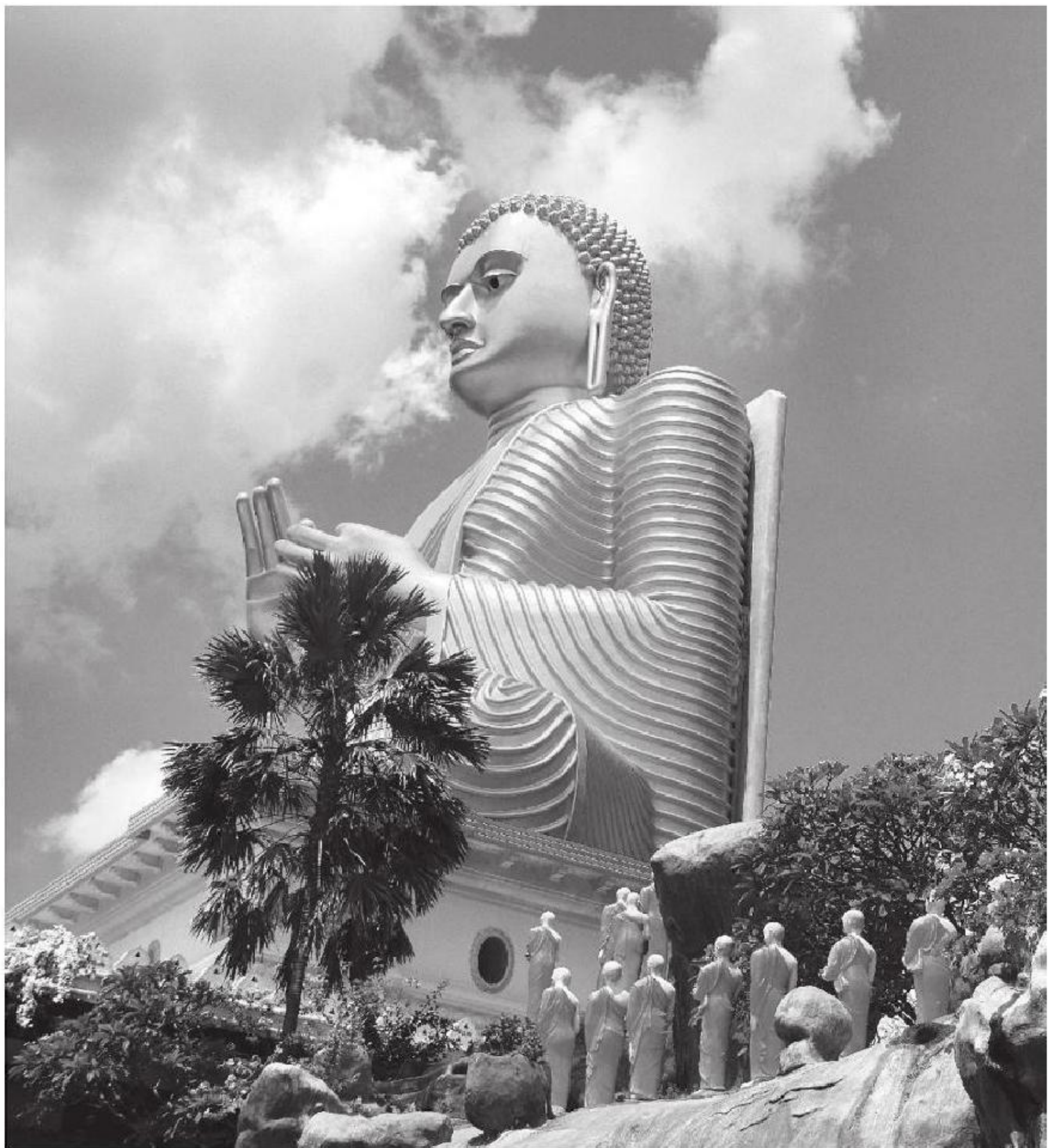
“Này các Tỷ-kheo, nếu các Thầy là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật, thì không những các Thầy trở thành những người mà người ta nói: ‘Cả thầy và trò là những người thừa tự Pháp, không phải là những người thừa tự tài vật’, mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: ‘Cả thầy và trò đều là những người thừa tự Pháp, không phải là những người thừa tự tài vật’. Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các Thầy là những người thừa tự tài vật của Ta, không phải là những người thừa tự Pháp, thì không những các Thầy trở thành những người mà người ta nói: ‘Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp’, mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: ‘Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp’. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy là những người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật.”

Thế nào là thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật? Thế nào là thừa tự tài vật, không thừa tự Pháp? Phật kể câu chuyện để minh họa: Có hai Tỷ-kheo từ xa đến thăm Phật sau khi Phật vừa dùng bữa xong. Cả hai đi đường xa bị đói khát nên rất mệt. Phật dùng bữa xong còn lại một ít thức ăn trong bình bát. Ngài bảo hai vị Tỷ-kheo ai thấy cần thì dùng, nếu không Ngài sẽ đổ thức ăn ấy vào chỗ không có cỏ xanh hay bỏ xuống chỗ nước không có côn trùng sinh sống. Dù rất đói, vị Tỷ-kheo thứ nhất nghĩ nhớ đến lời khuyên “thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật” của Phật nên quyết tâm nhẫn chịu qua đêm với cái bụng cồn cào. Vị thứ hai nghe Phật

nói xong thì liền lấy phần thức ăn còn lại của Phật mà dùng, trải qua đêm ấy với cảm giác thoải mái. Và Phật kết luận: *“Này các Tỷ-kheo, đầu cho Tỷ-kheo thứ hai này, sau khi ăn loại đồ ăn ấy, trừ bỏ đói là và kiệt sức, và trải qua đêm ngày hôm ấy như vậy, nhưng đối với Ta, Tỷ-kheo đầu tiên đáng được kính nể hơn, và đáng được tán thán hơn. Vì sao vậy? Vì như vậy sẽ đưa đến cho Tỷ-kheo ấy, trong một thời gian lâu ngày, ít dục, biết đủ, khổ hạnh, để nuôi dưỡng, tinh cần, tinh tấn”*.

Như vậy, ý nghĩa thừa tự Pháp mà Đức Phật muốn khuyên nhắc các đệ tử mình là hết sức rõ ràng. Ai quyết tâm sống trọn lời Phật dạy, người ấy thừa tự Pháp, có khả năng kế thừa đại nghiệp của Phật, xứng đáng là bậc sứ giả của Như Lai. Phật khen vị Tỷ-kheo thứ nhất bởi vì vị này thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật, tức quyết tâm tu tập, uốn nắn bản thân theo đúng lời Phật dạy, không ăn phi thời, không vì cảm giác đói khát khó chịu nhất thời mà bỏ qua lời Phật. Đây là công phu tu trì, tức quyết tâm nghiêm trì giới luật của Phật nhằm khắc phục các thói quen tham muốn dục lạc, chuyển hóa chúng thành nếp sống tri túc, nhờ đó con người dần dần được tự do, hoặc nói theo lời Phật là trở nên *“ít dục, biết đủ, có khả năng kham nhẫn, để nuôi dưỡng, tinh cần, tinh tấn”*¹ hoặc *“ít lãng xăng, lãng điệu, hoan hỷ với sự hiển cúng của người khác, sống với tâm tư như con thú rừng”*². Đây cũng chính là kết quả cụ thể của nếp sống thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật, tức dấu hiệu tiến bộ của hành giả tu Phật trong vấn đề điều phục và chuyển hóa bản thân, khiến cho thân tâm trở nên thư thái nhẹ nhàng, không còn bị các ham muốn dục lạc hay dục vọng lôi kéo và chi phối, tạo điều kiện thuận lợi cho các bước hành tập sâu hơn về hướng đi giải thoát, tức sự đào luyện nội tâm hay thực hành thiền định.

Trong phần tiếp theo của bài kinh, Tôn giả Sàriputta làm rõ hơn ý nghĩa và tinh thần thừa tự Pháp của Phật. Tôn giả cho rằng có ba trường hợp người xuất gia được xem là kẻ thừa tự Phật pháp, xứng đáng được tán thán. Thứ nhất là sống hạnh viễn ly giống như bậc Đạo sư, tức thể hiện một nếp sống rời xa ái dục, chuyên tâm hành trì thiền định để chứng ngộ tâm giải thoát, tuệ giải thoát hay thực chứng Niết-bàn. Thứ hai là tuân thủ đầy đủ các học giới do bậc Đạo sư ban hành, tức những gì bậc Đạo sư dạy nên từ bỏ, không nên vi phạm thì cần phải quyết



tâm từ bỏ, không có vi phạm. Thứ ba là thực thi đời sống Phạm hạnh một cách tinh chuyên, tức sống nếp sống tri túc giản dị của người xuất gia, không xem trọng vật chất, tinh cần tinh tấn tu tập, không lười biếng, không sa đọa vào thế giới dục lạc, có ý thức trách nhiệm đối với mục tiêu giải thoát của bản thân, thuật ngữ gọi là “không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly” (*na paviveke nikkhattadhura*). Và Tôn giả nhấn mạnh:

“Này chư Hiền, các Thượng tọa Tỳ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các Thượng tọa Tỳ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp

thứ hai, các Thượng tọa Tỳ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, không dẫn đầu về đọa lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các Thượng tọa Tỳ-kheo đáng được tán thán. Này chư Hiền, các Thượng tọa Tỳ-kheo do ba trường hợp này, đáng được tán thán.

Này chư Hiền, các Trung tọa Tỳ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các Trung tọa Tỳ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các Trung tọa Tỳ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, không dẫn



đầu về đạo lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các Trung tọa Tỷ-kheo đáng được tán thán. *Này chư Hiền, các Trung tọa Tỷ-kheo do ba trường hợp này, đáng được tán thán.*

Này chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo có ba trường hợp đáng được tán thán. Vị Đạo Sư sống viễn ly, các đệ tử tùy học viễn ly. Đó là trường hợp thứ nhất, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và những pháp nào vị Đạo Sư dạy nên từ bỏ, những pháp ấy họ từ bỏ. Đó là trường hợp thứ hai, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán thán. Và họ không sống trong sự đầy đủ, không lười biếng, không dẫn đầu về đạo lạc, không bỏ rơi gánh nặng sống viễn ly. Đó là trường hợp thứ ba, các vị mới thọ Tỷ-kheo đáng được tán

*thán. Này chư Hiền, các vị mới thọ Tỷ-kheo do ba trường hợp này, đáng được tán thán*⁴.

Nhìn chung, thừa tự Pháp là thừa tự sự nghiệp giác ngộ của Phật, được thể hiện qua nếp sống thực hành nghiêm túc con đường giới-định-tuệ, hướng đến mục tiêu giải thoát giác ngộ. Phật mong muốn các học trò mình thừa kế đúng đắn đường hướng giác ngộ của Phật để đạt được tiến bộ lợi lạc trong đời sống tu học và để tiếp nối sự nghiệp chia sẻ kinh nghiệm giác ngộ an lạc cho mọi người. Đây được xem là trách nhiệm lớn của người xuất gia trong ý nghĩa nỗ lực hành trì và thực chứng lời Phật dạy vì mục đích tự lợi và lợi tha. Cuộc đời cố gắng khổ đầu bởi mê lầm, luôn cần đến những con người giác ngộ để giúp cho chúng sinh bớt mê lầm khổ đau.

Những người học Phật biết rõ rằng Phật chỉ có một bộ y (ba y) và cái bình bát là vật sở hữu nhưng Phật làm lợi ích cho vô số chúng sinh. Sở dĩ như thế là vì Phật là bậc giác ngộ, có đầy đủ giới đức, tâm đức, tuệ đức, giải thoát và giải thoát tri kiến đức. Tài sản Phật để lại cho đời cũng không có gì ngoài những lời dạy về tăng trưởng giới đức, tâm đức, tuệ đức, giải thoát và giải thoát tri kiến đức. Nhưng đó là tài sản vô giá, có khả năng giúp cho con người tự tìm thấy hạnh phúc cho chính mình và đem lại hạnh phúc cho người khác. Bởi Pháp của Phật có ý nghĩa và giá trị to lớn như vậy đối với sự sống hạnh phúc của muôn loài chúng sinh, cho nên Phật khuyên nhắc người xuất gia phải thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật; vì chỉ có Pháp, tức sự thành tựu giới đức, tâm đức, tuệ đức, giải thoát và giải thoát tri kiến đức mới thực sự khiến cho người xuất gia sống hạnh phúc an lạc và giúp cho người khác được hạnh phúc an lạc. Ngài nêu rõ kết quả lợi lạc, đáng nỗ lực theo đuổi của nếp sống xuất gia thừa tự Pháp⁵.

"Thành tựu năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình và đem lại hạnh phúc cho người. Thế nào là năm?"

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tự mình đầy đủ giới hạnh và khuyến khích người khác đầy đủ giới hạnh;

Tự mình đầy đủ thiện định và khuyến khích người khác đầy đủ thiện định;

Tự mình đầy đủ trí tuệ và khuyến khích người khác đầy đủ trí tuệ;

Tự mình đầy đủ giải thoát và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát;

Tự mình đầy đủ giải thoát tri kiến và khuyến khích người khác đầy đủ giải thoát tri kiến.

Đầy đủ năm pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đem lại hạnh phúc cho mình và đem lại hạnh phúc cho người".

Chú thích:

1. Kinh Thừa tự Pháp, Trung Bộ.
2. Kinh Thừa tự Pháp, Trung Bộ.
3. Kinh Ví dụ con chim cây, Trung Bộ.
4. Kinh Thừa tự Pháp, Trung Bộ.
5. Kinh Hạnh phúc cho ai (4), Tăng Chi Bộ. ■



Kính ngưỡng Tăng bảo

JAN CHOZEN BAYS
HÀ DUY AN dịch

Tam bảo trong Phật giáo gồm có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo. Ở Hoa Kỳ, dường như người ta chỉ chú trọng đến hai thành phần quý giá trước là Phật bảo và Pháp bảo. Người ta nghĩ rằng, “Tôi sẽ thực hành thiền định tại nhà, đọc rất nhiều kinh sách viết về sự giác ngộ, rồi đi dự những khóa tu ẩn cư. Trong vòng từ ba đến năm năm, tôi sẽ đạt được sự giác ngộ và có thể giữ gìn sự giác ngộ đó suốt phần đời còn lại của mình”. Tại các trung tâm tu học, đó chính là quan điểm của một người ích kỷ, “Học

lấy giáo pháp rồi chuẩn!”. Điều đó giống như việc nghĩ rằng sự thân thiết chân tình và việc chấm dứt nỗi cô đơn có thể được tìm thấy trong một chuỗi những cuộc gặp từng đêm một. Điều đó hoàn toàn không phải là cách hoạt động của mối quan hệ giữa người với người hay mối quan hệ trong giáo pháp. Những mối quan hệ đó luôn đòi hỏi nhiều công phu.

Tôi đã từng nghe nhiều người nói, “Tôi thực hành một mình tôi và tôi chẳng có quan hệ gì với Tăng-già”. Vì sao chúng ta cứ muốn bỏ qua Tăng bảo? Có lẽ vì

mối quan hệ giữa người với người là rắc rối và không thoải mái. Một vị giáo thọ gọi Tam bảo là *"hai viên ngọc và một tảng đá"*. Vào cuối một thời thiền định, chúng ta có thể có suy nghĩ, *"Ồ, tôi yêu thương tất cả mọi người biết bao!"*. Nhưng trong một cuộc tập hợp đông người, chúng ta có thể nghĩ về cùng những con người ấy, *"Mình hãy rời khỏi nơi này! Mấy người này làm mình phát điên lên được. Tôi đâu có thực hành thiền định để tham dự những cuộc hội họp rồi tranh cãi nhau về việc làm thế nào điều hành một tổ chức đâu!"*.

Tại sao chúng ta cần phải kính ngưỡng Tăng bảo? Chúng ta kính ngưỡng Tăng bảo như là một cách kiểm chứng cái nền tảng sự thực hành của mình. Để yêu thương một con người lý thuyết thì chẳng có gì là khó khăn. Lão sư Tetsugen từng nói, *"Rất dễ để bạn mở lòng ra trước những đau khổ của số đông dân chúng ở hải ngoại. Nhưng việc thương yêu một người trong gia đình bạn hay trong Tăng-già của bạn thì khó hơn"*. Lão sư Maezumi thường nói rằng Tăng bảo giống như một con lật đật bằng đá. Khi chúng ta cọ xát với nhau lẫn lộn chúng ta sẽ mài mòn những khía cạnh gai góc của nhau.

Đức Phật gọi sự hòa hợp của Tăng-già như là *"sự trộn lẫn của nước với sữa"*. Chúng ta có thể nghĩ rằng các vị đệ tử của Đức Phật đã sống với nhau trong sự thanh thản, mặc dù chư vị vẫn đại diện cho tất cả mọi mức độ đau khổ và trong sáng của loài người, hết như chúng ta ngày nay.

Một lần nọ, hai nhóm Tỷ-kheo *"tranh chấp, cãi cọ, lún sâu vào trong sự tranh cãi, tạt vào mặt nhau những lời nói độc địa như mũi dao"*. Phát hiện ra có ba vị Tỷ-kheo vẫn sống *"trong sự hòa hợp, có sự quý trọng nhau, không hề tranh cãi... nhìn nhau bằng những ánh mắt từ ái"*, Đức Phật hỏi chư vị điều đó xảy ra bằng cách nào. Các vị Tỷ-kheo ấy trả lời rằng chư vị duy trì sự im lặng, giữ gìn sự từ ái trong mọi suy nghĩ, lời nói, và hành động, cả lúc ở chung với nhau lẫn khi ở một mình. Chư vị luôn luôn xem xét đến việc gạt ra một bên những gì chính mình muốn làm và làm những gì những người khác muốn. Chư vị thưa với Đức Phật, *"Bạch Thế Tôn, chúng con khác nhau về thân xác này, nhưng chúng con là một về tinh thần"*.

Chúng ta kính ngưỡng Tăng bảo như là sự nâng đỡ cho việc thực hành giáo pháp của mình. Ngay cả những người sơ cơ cũng có thể cảm nhận được sức mạnh và sự chú tâm của buổi tọa thiền được tăng cường khi có mặt trong một nhóm. Ngồi thiền một mình ở nhà, một người có thể ngồi được trong thời gian 20 phút. Có mặt trong một tập thể có chư Tăng hướng dẫn, thời gian tọa thiền có thể kéo dài tới 30 phút.

Khi dự một khóa tu ẩn cư, chúng ta đang thực hiện một cam kết là sẽ cùng thực hành với nhau cả ngày trong một thời gian từ ba đến bảy ngày. Khi rời nhà để đến dự một khóa tu ẩn cư, ta có thể nghĩ, *"Mình quá bận để có mặt trong khóa tu này. Có lẽ mình nên gọi điện*

thoại báo là hủy việc tham dự". Nhưng vì chúng ta đã hứa là sẽ đến với khóa tu để thực hiện một số công việc nhất định nào đó, cuối cùng chúng ta vẫn có mặt. Áp lực của những người đồng hàng với mình thúc đẩy chúng ta tiến tới trước. Chúng ta bắt đầu khóa tu ẩn cư; và một lần nữa, chúng ta lại phát hiện ra, với lòng thanh thản và sự vui thích, rằng ta vẫn có khả năng dự phần vào những kinh nghiệm của việc cùng nhau thanh lọc thân tâm.

Hành thiền cung cấp những kinh nghiệm cụ thể nhất về Tăng bảo. Trong lúc tham dự khóa tu ẩn cư, chúng ta có khả năng gạt qua một bên mọi kế hoạch cá nhân, mọi lo lắng, tham vọng, và những hành động thể hiện quyền lực. Chúng ta ăn uống, ngồi yên, đi lại, làm việc, và ngủ nghỉ trong sự hòa hợp của một nhóm người. Thực hiện việc tọa thiền cùng nhau giờ này qua giờ khác, chúng ta cũng đưa tâm trí chúng ta đến với sự hòa hợp và với Tiếng Hát của Vũ Trụ.

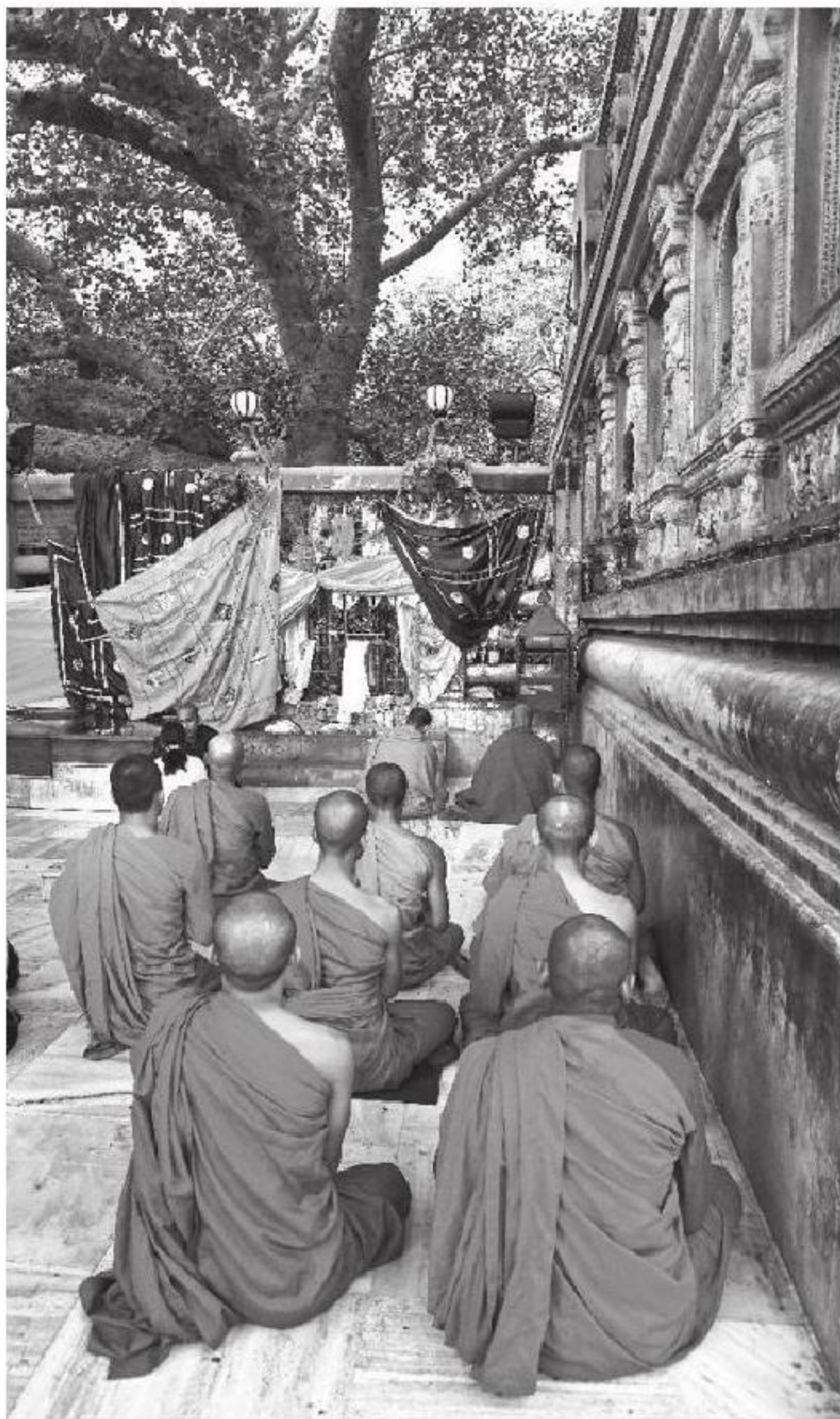
Khi Đức Phật hỏi các Tỷ-kheo về việc làm thế nào chư vị đã sống được với nhau trong sự hòa hợp, các Tỷ-kheo trả lời, *"Chúng con không phá vỡ sự yên lặng"*. Có một cảm giác tuyệt vời của sự hòa hợp xuất hiện trong buổi tọa thiền khi chúng ta không nói gì. Ban đầu, điều đó có vẻ ngớ ngẩn, lạnh lẽo, và còn khiếm nhã nữa. Nhưng rồi tình trạng im lặng trở nên êm ả, giống như những cặp đôi lặng lẽ khiêu vũ bên nhau đang lướt đi theo một giọng nói chung. Với nhận thức tinh tế và cởi mở hơn, chúng ta lặng lẽ nhìn nhau và hướng dẫn nhau chẳng có một chút khó khăn nào. Điều đó thực sự là, *"Bạch Thế Tôn, chúng con khác nhau về thân xác này, nhưng chúng con là một về tinh thần"*.

Chúng ta kính ngưỡng Tăng bảo với tính cách là phương tiện làm nảy nở sự thực hành tinh tấn của mình. Nếu như Đức Phật lặng lẽ bỏ đi và chỉ dạy bảo cho từng người sau khi Ngài chứng ngộ đạo giải thoát, sẽ có bao nhiêu người đã đến được với đạo pháp? Có lẽ chỉ một vài người. Chính là thông qua Tăng bảo, đời sống mẫu mực của những đệ tử tại gia, và sự giáo hóa do những đệ tử đã xuất gia của Ngài, mà giáo pháp của Đức Phật được lan tỏa khắp thế giới. Chính là Tăng bảo đã thể hiện và làm lan truyền trong loài người trí tuệ và từ bi của bậc Giác Ngộ.

Chúng ta kính ngưỡng Tăng bảo với tính cách là những bậc thiện tri thức trong cuộc sống tinh thần của mình. Khi ngài A-nan thưa với Phật rằng các vị thiện tri thức là một nửa của cuộc sống thánh thiện, Đức Phật đã trả lời rằng các bậc thiện tri thức và những người đồng phạm hạnh là toàn thể cuộc sống thánh thiện. Nhưng chúng ta không thể ngồi yên và chờ cho các vị thiện tri thức xuất hiện với mình. Chúng ta phải tạo ra những vị thiện tri thức ấy bởi cách chúng ta suy nghĩ, nói năng, và hành động.

Chúng ta sẽ thực hành như thế nào nếu sự tiến bộ nhỏ nhất của chúng ta cũng tùy thuộc vào người nào

khác có được sự tiến bộ trước? Chúng ta sẽ được thúc đẩy rất nhiều để giúp mọi người cùng tiến. Chúng ta sẽ thành linh trở nên rất bận rộn chạy theo người trước và tránh được sự xô đẩy của người sau. Điều đó không chỉ là lý thuyết. Đó là sự thật. Sự tỉnh giác của chúng ta tùy thuộc vào sự tỉnh giác của tất cả những người khác. Sao vậy? Vì chúng ta là bộ phận của một toàn thể. Một phần của quả bóng không thể di chuyển nếu tất cả những phần khác của quả bóng không chịu di chuyển theo cùng một hướng.



Chính là nhờ có Tăng bảo mà việc thực hành cá nhân của ta được nâng đỡ, được kiểm chứng, được mở rộng, được tăng cường, được khuếch đại, và được phát tán. Chính là nhờ Tăng bảo mà sự thực hành của chúng ta xuất hiện từ chỗ ý tưởng được nuôi dưỡng trong tâm ta rồi được sinh thành, tăng trưởng một cách đều đặn và trở thành hoạt động sống động.

Mức độ kính ngưỡng Tăng bảo của ta chính là sự đo lường nhận thức của ta về sự thật của tính tương liên. Chúng ta cần thực hành cùng với Tăng bảo cho đến khi chúng ta có thể thấy một cách rõ ràng ở mọi thời gian đã qua từ những vẻ ngoài đến Phật tính tỏa sáng của từng người. Khi ta đã có thể thực hiện được điều đó ta sẽ muốn được thực hành trong một nhóm người gồm tất cả những vị Phật ấy. Bấy giờ, chúng ta nhìn ngắm những người đang đi đến với mình bằng một sự thận trọng và tự hỏi, *"Vị Phật hóa thân một cách khéo léo kia sẽ có thể dạy mình những gì đây?"*

Chúng ta không thể chọn để kính ngưỡng riêng các thành phần nào của Tam bảo, vì Tam bảo không thể tách rời. Tam bảo thường được tượng trưng bằng một viên ngọc có ba phần. Tôi tin chắc rằng Tăng bảo chính là phần rộng lớn nhất ở dưới đáy có tác dụng giữ vững cho các phần còn lại. Chỉ nhờ dựa trên nền tảng vững chắc của Tăng bảo mà Phật bảo và Pháp bảo mới có thể được nhận biết. Sự kiểm chứng chắc thực nhất về việc Phật bảo và Pháp bảo đã được ta nhận thức một cách vững chắc như thế nào chính là việc ta sống với những người khác như thế nào. Chúng ta có thể nhìn thấy người khác qua những con mắt của Phật bảo và Pháp bảo không? Chúng ta có thể nói năng và hành động từ trung tâm tỏa sáng của Tam bảo không?

Chúng ta có thể kính ngưỡng Tăng-già như thế nào? Người ta nói với tôi, *"Chúng ta nên có nhiều hoạt động của Tăng-già hơn"*. Được lắm, thế thì hãy làm đi! Người thấy không phải là một vị giám đốc những hoạt động của một chiếc du thuyền. Việc xây dựng Tăng-già đến từ bên trong. Từ bên trong chúng ta. Kính ngưỡng Tăng-già có nghĩa là giúp mọi người cảm nhận được là mình có giá trị, tiếp nhận một cách vui mừng, và có khả năng tham dự vào việc thực hành tâm linh. Hãy cùng nhau thực hành một cách tinh cần và toàn tâm toàn ý, kính ngưỡng và bảo vệ Tăng-già. Đó chính là cách các vị Phật cho ra đời các vị Phật.

Nguồn: Cherish the Sangha Treasure.

Jan Chozen Bays là bác sĩ nhi khoa và là một giảng sư về Thiền học, hiện hành trì tại Oregon. Từ năm 1977, bà là đệ tử của Lão sư Hakuyu Taizan Maezumi rồi được truyền pháp vào năm 1983. Từ năm 1990 đến nay, bà chuyên tâm đào sâu và mở rộng sự thực hành của mình theo khuynh hướng của dòng Lâm Tế Nhật Bản. Bà hiện là thành viên của Hội đồng Lãnh đạo Tôn giáo Thế giới (Board of World Religious Leaders). ■



“Làm việc hết lòng là người trọn đạo!”

THÍCH TÂM HẠNH

Đó là lời dạy của Ôn Linh Mục (HT. Thích Đôn Hậu) mà thầy của chúng tôi lấy làm phương châm và dẫn dắt chúng tôi từ những ngày chập chững học Đạo ở chốn thiền môn. Trải qua nhiều năm học Phật, tôi không những chưa hề thấy lời dạy ấy là giáo lý dành riêng cho hàng sơ cơ, mà còn nhận ra nó là lời dạy từ kinh nghiệm tâm linh, là hành trang thiết yếu cho tiến trình giác ngộ và giải thoát. Với vai trò như thế, lời dạy ấy có thể được xem là kết tinh của giáo lý đạo Phật, là cam lồ cho mọi cõi lòng. Tôi xin trình bày một vài quan điểm truyền thống và ứng dụng của lời dạy mà tưởng chừng như mộc mạc nhưng thật thâm sâu và thiết thực đối với đời sống tu tập của người đệ tử Phật xuất gia lẫn tại gia này.

“Làm việc hết lòng là người trọn Đạo” là câu nói rất *Việt Nam*, mang một ý nghĩa trọn vẹn và hoàn hảo mà ai cũng có thể hiểu và ứng dụng được. Nó có thể được bao gồm trong những khái niệm quan trọng như ‘Bồ-đề tâm’, ‘Chánh kiến’, ‘Ngọn đèn lòng’, ‘Tự làm hòn đảo cho chính mình’, v.v. Nhưng người ta có thể hỏi ‘Bồ-đề tâm là gì?’ ‘Chánh kiến là gì?’ v.v. mà chẳng ai hỏi ‘Làm việc hết lòng là người trọn Đạo là gì?’, trừ phi họ muốn tìm hiểu sâu hơn về lời dạy này.

‘Lòng’ là từ thuần Việt tương đương chữ ‘tâm’ (Hán-Việt) nhưng nó không ôm lấy nhiều ý nghĩa trừu tượng và triết học như chữ ‘tâm’ trong kinh điển Phật giáo. Đơn giản, chữ ‘lòng’ hàm nghĩa khát vọng của con tim. ‘Làm việc hết lòng’ là trải hết lòng mình ra, không vì

mình mà chỉ vì công việc mình làm. ‘Hết lòng’ hiển thị một tinh thần vô ngã theo đúng giáo lý truyền thống của Phật giáo. Những ý tưởng về ‘tôi’, ‘của tôi’, ‘tự ngã của tôi’ tuyệt nhiên không có chân đứng trong khi *hết lòng* vì một công việc gì. Những ý tưởng này luôn luôn tỷ lệ nghịch với ‘hết lòng’. Do đó, hết lòng được gọi là ‘trọn đạo’ vì nó là vô ngã.

Hai chữ ‘hết lòng’ mang nội dung Bồ-đề tâm nhưng chứa đựng một ý nghĩa gắn gũi với tâm tư người Phật tử ngay trong lối sống thường nhật ở đời này. Nó có thể được gọi là *hết lòng* khi giúp đỡ người khác, là *chuyên chú* khi làm việc, là *nhút tâm* khi tu tập, là *tôn kính* khi cúng dường, là *từ ái* khi bố thí, vân vân. Nói chung, tác dụng của nó là giúp ta ý thức chu đáo và tập trung hoàn toàn vào hành động mình đang làm. Tuy nhiên, những người duy lý có thể phản bác quan điểm ấy với kiến giải rằng làm việc mà chỉ bằng tấm lòng không thôi thì không đủ vì thiếu lý trí sẽ dẫn đến làm sai. Quan điểm ấy chỉ đúng trên các hiện tượng thực dụng và tổ chức xã hội, nhưng không thể đúng trên bình diện tâm người mà đạo Phật đặc biệt nhắm tới. Những người như thế ắt đã mắc phải sai lầm vì họ thiếu tính nhân bản, đã đòi hỏi quá khả năng căn cơ mà người khác có thể có. Họ không thấy rằng khi một người đã hết lòng làm việc gì thì có nghĩa người ấy dốc hết tất cả khả năng và tâm tư của mình, như trí tuệ, công sức và tiền của, để làm công việc đó! Trong Phật giáo, người hết lòng như vậy luôn luôn được người trí tán thán, bất kể kết quả việc làm đó như thế nào.



Đối với phần lớn Phật tử, giáo lý Phật giáo quá nhiều nên việc hiểu để tu hành đúng pháp là một vấn đề khó khăn. “Pháp là gì?” hay “Đạo – con đường giải thoát – là gì?” có lẽ là những câu hỏi thường được đặt ra trong giới Phật tử. Thật ra, Pháp của Đức Phật chỉ tùy theo tâm của chúng sanh mà diễn thuyết. Giáo pháp của Ngài đa dạng là vì tâm tư của chúng sanh quá đa dạng¹. Cũng trên tinh thần ấy nhưng hợp với mọi căn cơ, lời dạy ‘làm việc hết lòng’ rơi thẳng vào tâm tư của mỗi chúng ta. Nó mang nội dung đơn giản dễ hiểu, giúp chúng ta tự nhận ra pháp môn tu tập ngay trong các sinh hoạt của mình.

Bất kể là hàng sơ tâm hay thượng trí, làm việc hết lòng luôn luôn là cần thiết vì nó mang ý nghĩa ‘hộ trì tâm’ và ‘chánh niệm tỉnh giác’. (Còn làm việc không hết lòng thì gọi là phóng dật.) Đức Phật cũng được biết là bậc đã làm việc hết lòng khi thuyết giảng Chánh pháp. Trong *Kinh Tăng Chi* (A. iii, 121), Ngài nói: “Nếu Như Lai thuyết pháp cho các vị Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, cho hàng nam cư sĩ, nữ cư sĩ, cho các hàng phàm phu, các người bắt chim hay ăn xin, Như Lai thuyết pháp hết sức cẩn thận chu đáo, không phải không cẩn thận chu đáo”. Và Ngài nói thêm rằng Ngài làm vậy vì Ngài là bậc tôn trọng Pháp, là bậc tôn kính Pháp. Như vậy, người đệ tử Phật có thể hiểu ‘làm việc hết lòng’ là tôn trọng Pháp và cũng là trọn Đạo.

‘Trọn Đạo’ ý nói không cần phải làm gì khác nữa. Nó khích lệ người Phật tử chủ động và chuyên chú hoàn toàn vào công việc của mình. Điều duy nhất cần quan tâm ở đây là hãy xem mình đã làm việc hết lòng chưa. Chẳng hạn, *Kinh Trường Bộ* (D. ii, 357) hướng dẫn cách thức bố thí thế này: “Hãy bố thí một cách hoàn bị, hãy bố thí với tự tay mình làm, hãy bố thí một cách có suy tư, hãy bố thí với đồ không phế thải”. Như vậy, thái độ bố thí được xem là quan trọng hơn vật thí. Đức Phật

trong *Kinh Bốn Sanh* (*Jātaka*, số 346) nói: “Thức ăn tốt nhất là thức ăn được cho với tình yêu thương”. Cũng vậy, để sống đúng, người Phật tử khi làm gì cũng cần phải chú ý đến thái độ của mình. Ví dụ, chúng ta hằng ngày làm việc trong công sở là vì yêu thích công việc hay là vì đồng lương để cứ trông chờ ngày giờ qua mau? Hoặc khi chăm sóc một người bệnh, chúng ta có hết lòng chăm sóc với ước mong người ấy được bớt bệnh khổ mà bất kể người đó đã từng không tốt với mình, hay vì người đó không phải là Phật tử? Hoặc khi làm công tác từ thiện, chúng ta làm với lòng từ bi và đồng cảm để xoa dịu những nỗi khổ đau của người khác hay là vì những lý do nào khác như danh lợi? Thái độ thật sự tác động rất lớn đến hiệu quả của công việc. Và theo Phật giáo, nó là yếu tố chính để xác định một người là hạnh phúc hay khổ đau ở đời mà không phải là vấn đề giàu hay nghèo, giỏi hay dốt. Ở đây, làm việc hết lòng là một thái độ tích cực trọn vẹn đối với công việc, nên nó được xem là trọn đạo vậy!

Thái độ thật ra chính là tâm, là trạng thái tâm lý. Với tâm như thế nào, người ta sẽ có thái độ như thế ấy và thường biểu hiện ra ngoài qua lời nói và việc làm. Mối liên hệ giữa tâm, lời nói và việc làm là ba yếu tố quan trọng trong giáo lý đạo Phật mà chúng ta quen gọi là ba nghiệp (thân, khẩu, ý). Tuy nhiên, tâm là động cơ chính dẫn đến các hành vi của lời nói và việc làm. Hành vi tốt hay xấu thế nào, thiện hay ác ra sao đều dựa trên mức độ thiện hay ác của tâm để xác định. Hai bài kệ đầu tiên của *Kinh Pháp Cú* nói tâm là chủ nhân của mọi nghiệp thiện, ác. Hoặc chúng ta thường nghe: “Ngoài tâm không có Phật!” Và nhiều học giả Phật giáo cho rằng “Điểm xuất phát của đạo Phật là tâm người” (The starting point of Buddhism is the human heart). Đó là những chứng cứ xác định lập trường của Phật giáo lấy tâm làm gốc.

Do đó, Phật giáo chỉ dựa vào tâm để đánh giá một người là đúng hay sai, thiện hay ác, tốt hay xấu. Người Phật tử không thể hời hợt nhìn vào sự thiệt hại vật chất do người nào đó gây ra mà không xem xét cái tâm như thế nào mà người ấy đã đặt vào đó. Chẳng hạn, chúng ta không thể nguyên rủa một người vì vô tâm hay sơ ý làm vỡ cái bình trà, thậm chí những món đồ quý giá hơn, mà ở đây chỉ nên khuyên người ấy cố gắng cẩn thận mà thôi. Một Phật tử dễ dàng ứng xử như thế nếu vị ấy nhận thấy rằng mọi sự vật ở đời đều là vô thường, giả hợp, do duyên sinh, và có tánh hoại diệt. Câu tục ngữ mà hầu hết người Việt Nam thuộc nằm lòng là “Người đời, của tạm!” chứa đầy ý nghĩa sống của Phật giáo như thế. Đánh mất đi tình người chỉ vì các thứ vật chất thì thật là điều đáng tiếc! Trong khi đó, sự thiệt hại vật chất do vô tâm gây ra (*vô ký nghiệp*) chỉ được xem là do thất niệm hay thiếu chánh niệm tỉnh giác mà không phải là do ác nghiệp, tức không cố ý làm sai, làm ác. Ai với tâm cố ý làm sai, làm ác thì người đó mới là kẻ bất trị và được liệt vào hàng ác đạo vì không có thuốc chữa bằng thiện pháp; còn người tạo nghiệp do thất niệm thì không phải như vậy! Để khắc phục thất niệm, người Phật tử chỉ cần thường xuyên chuyên chú vào hành động thân, khẩu, ý của mình và huấn luyện tâm bằng chánh niệm tỉnh giác. Trong trường hợp này, ‘làm việc hết lòng’ là lời dạy không chỉ đặt ra ngoài tâm xấu ác mà còn hàm ý khuyên chánh niệm tỉnh giác nữa.

Ý thức mình cần phải làm gì cho phải lẽ và đúng pháp là điều tối quan trọng mà không thể để cho các thứ tình cảm hay dư luận xung quanh tác động. Đây là định hướng đúng đắn đối với bốn phạm của mình. Trong thực tế, chúng ta dường như thường bỏ lỡ nhiều cơ hội tốt cho công việc chung và làm đổ vỡ tình người vì những lý do ngoại lai như thiên kiến cá nhân hay các quan niệm và dư luận xã hội. Càng bị phan duyên bên ngoài, chúng ta càng khó ý thức được những gì cần phải làm. Thấy như vậy là chánh kiến trong Phật giáo và chánh niệm tỉnh giác là công cụ tốt nhất cho sự thực hành!

Hết lòng không phải chỉ bằng lòng tin mà đúng ra là bằng lý trí đối với việc mình đang làm, như xem nó đã tốt chưa, có gì sơ suất không, v.v. Học hỏi từ những người có kinh nghiệm cũng là giới vực của hết lòng. Người đã hết lòng thì không thể nhận lãnh công việc trái với lòng mình, chẳng hạn những công việc tự biết là ngoài khả năng của mình hoặc phi đạo đức. Đây là vấn đề trách nhiệm không thể thiếu trong các tổ chức xã hội. Việc sắp đặt đúng người đúng việc do đó cũng là vấn đề hết sức quan trọng và là trọng trách của người lãnh đạo. Vai trò người lãnh đạo như thế đòi hỏi có cả tài lẫn đức mà ở đây chúng ta có thể gọi là người lãnh đạo *trọn đạo*, vì họ có khả năng làm tròn sứ mệnh lãnh đạo và luôn luôn đặt trách nhiệm cao hơn mọi tư lợi cá nhân. Và người lãnh đạo như thế sẵn sàng sửa sai và có

thể từ chức nếu tự thấy mình không còn khả năng lãnh đạo được nữa. Nhật Bản là một đất nước có nhiều tấm gương như thế. Theo tôi, đây là yếu tố chính khiến đất nước này trở thành một cường quốc mà thế giới phải khâm phục. Nói chung, nếu trong một tổ chức, càng nhiều người ý thức làm việc hết lòng thì tổ chức ấy càng tự điều tiết tốt đẹp và trở thành hưng thịnh.

Trong cuộc sống, đời cũng như đạo, làm việc hết lòng như thế là nền tảng của mọi sự thăng hoa đúng pháp. Người làm việc hết lòng có lối sống tự tin vì không có hối tiếc với lòng mình và đối với công việc thì hoàn tất một cách có ý thức. Người làm việc hết lòng thường được nhiều người mến thương và tin tưởng để giao phó công việc. Người làm việc hết lòng thường đón nhận nhiều niềm vui nhờ đã làm lợi lạc nhiều cho cộng đồng và xã hội. Người làm việc hết lòng dễ dàng được sự thông cảm từ người khác nếu làm sai (cũng như pháp luật các quốc gia đều ứng xử trên nguyên lý đạo đức này). Người làm việc hết lòng thường sống tận tụy với bốn phạm của mình nên tâm tư đạt được nhiều nội trú và an lạc. Tùy theo mức độ hết lòng mà mỗi người có được sự thăng hoa khác nhau. Trên bản chất, tham ái và chấp thủ – những tâm lý chấp ngã – là cội nguồn làm chướng ngại cho sự hết lòng, vì khi còn nghĩ đến *mình* (cái ‘ngã’) người ta khó đạt được sự hết lòng trọn vẹn. Và ngược lại, làm việc hết lòng là để quên mình; và càng quên mình thì càng nhẹ cái ‘tôi’ của tham ái và chấp thủ. Nguyên lý ‘đẹp đời – trọn đạo’ không hai là vậy!

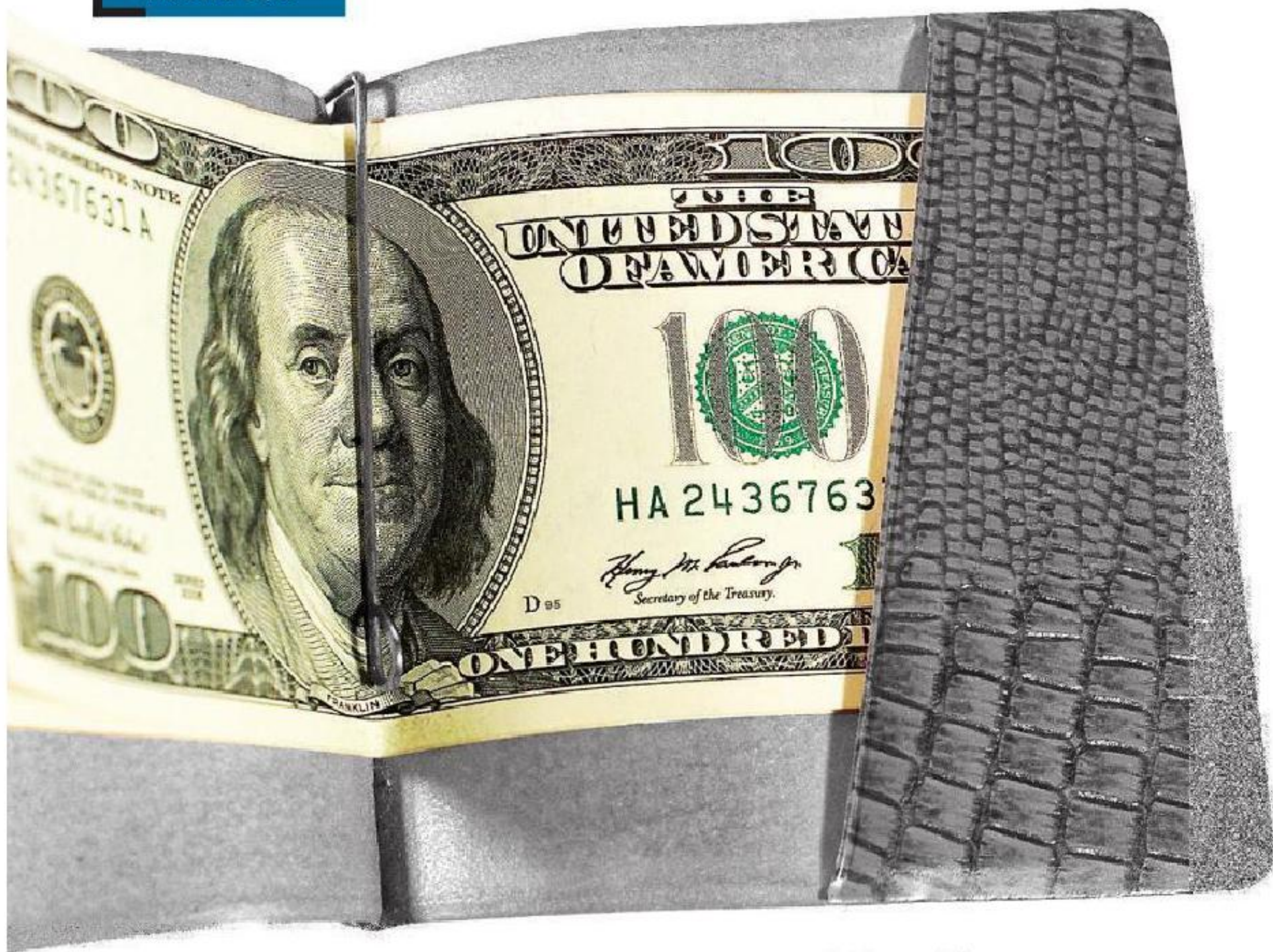
Hầu hết giáo lý Phật giáo đều nhằm gột tẩy lòng trần: tham, sân, chấp ngã. Cũng vậy, làm việc hết lòng là nỗ lực không chỉ vì mục đích công việc mà quan trọng hơn, là một tiến trình khai sáng tuệ giác từ chính khả năng của mỗi người. Hiểu lòng mình và cất bước chân từ năng lực của chính mình là những bước đi vững chãi đúng với con đường giải thoát mà Đức Phật dẫn dắt.

Kinh Niết Bàn nói: “Người có lòng sẽ đạt được Vô thượng Bồ-đề”². Hành trang giải thoát như thế nằm sẵn trong mỗi chúng ta và dường như đang hiển thị đầu đây và âm thầm đầu đó trong cõi lòng người con Phật có chánh tín!

Chú thích:

1. Kinh điển Nguyên thủy cho chúng ta thấy rằng Đức Phật là một nhà hùng biện vô song đối với hàng ngoại đạo nhưng Ngài lại là một bậc Đạo sư đầy từ mẫn đối với các chúng đệ tử của Ngài. Nói cách khác, đối với những ai chưa tin, Ngài làm cho tin; còn đối với những ai đã tin, Ngài mở ra con đường thực hành cho sự giác ngộ và giải thoát. Như vậy, Ngài không thể sử dụng cùng một bài pháp cho những thính chúng khác nhau được!

2. 凡有心者定當得成阿耨多羅三藐三菩提 [phàm hữu tâm giả, định đương đắc thành a nậu đa la tam miếu tam bồ đề] (*Taisho* 12, 524c8-9). ■



Đạo đức

trong đời sống hiện đại

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

1 Là một nước kém phát triển sau một thế kỷ chiến tranh, một số người trong xã hội ta không nhìn thấy đạo đức có chỗ đứng nào trong cuộc đời của mình. Chúng ta dễ nghĩ rằng đạo đức là một thứ mà xã hội, nhất là qua pháp luật, gắn ghép vào thân tâm chúng ta. Nó không cần thiết, nó xưa rồi, lỗi thời rồi.

Thật ra, đạo đức rất quan trọng cho đời sống mỗi người. Đạo đức là một trong vài ba yếu tố chính phân biệt con người với con vật. Con vật thì giành ăn, bắt kẻ cha mẹ, già trẻ; sinh hoạt tình dục thì bữa bãi, bất cứ chỗ nào; sống không có kỷ luật, không trật tự; không tự

chế và sống không có mục đích. Chúng ta để ý rằng, khi kết tội một người nào bị án tử hình, thì ngoài những tội trọng gây tác hại lớn cho xã hội, còn có một lý do ngầm ẩn sâu xa, là con người đó không còn là con người nữa rồi, không thể cứu chữa được nữa rồi, con người đó đã gần với thú vật lắm rồi. Mà còn hơn cả thú vật, vì thú vật không giết đồng loại, thú vật không biết tính toán để phạm tội tiếp, không biết sử dụng hung khí. Thế nên, việc quyết định án tử hình là do người ta ngầm hiểu đây không phải là một con người nữa, không thể để nó sống chung trong xã hội loài người nữa.

Nhìn ra thế giới, chúng ta thấy một cường quốc hàng đầu như nước Mỹ, những vấn nạn của họ cũng là vấn đề đạo đức. Cuộc suy thoái kinh tế của Mỹ năm 2008, kéo theo sự suy thoái của cả thế giới, là do sự làm ăn phiêu lưu vô trách nhiệm của một số công ty tài chính. Rồi sau đó, bắt đầu phục hồi thì sự "chơi xấu" lẫn nhau của hai đảng khiến thỏa hiệp chỉ được chấp nhận hai ngày trước khi chính phủ Mỹ hết ngân sách, khiến niềm tin vào sự vững chắc của nền kinh tế phải lao đao. Rồi bây giờ là tranh cãi trong hỗ trợ thất nghiệp. Người ta đã đặt lợi ích cá nhân và phe phái của mình lên trên lợi ích của quốc gia, của nhân dân Mỹ và của cả thế giới.

Từ riêng bối cảnh này, chúng ta có thể định nghĩa đạo đức là vượt qua được sự tham lam ích kỷ không hợp lý, sự tức giận thù ghét, sự ngoan cố, sự kiêu căng, sự ghen tỵ... là những cái che chướng đối với Trí huệ và Tình thương, theo Phật giáo.

Chúng ta cũng thấy những nhân vật vĩ đại như Mahatma Gandhi của Ấn Độ, vua Trần Nhân Tông của Việt Nam... là những người mà đạo đức là sự phấn đấu trọn đời, cho đến hơi thở cuối cùng trên trần thế.

Trong mọi lĩnh vực xã hội không ai đạt đến thành công, có uy tín, mà yếu kém về đạo đức cả. Thế nên, đạo đức là cái mà chúng ta phải trau dồi trọn đời trên con đường tự hoàn thiện chính mình. Mục tiêu của xã hội chúng ta là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Suy nghĩ chín chắn, chúng ta thấy "giàu, mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh" nếu không hoàn toàn là những khái niệm đạo đức thì cũng có phần lớn chất liệu là đạo đức.

2 Đạo đức có mặt ở khắp mọi nơi trong đời sống chúng ta. Thế nên chúng ta không thể kể hết những hành vi có đạo đức và những hành vi không có đạo đức. Chúng ta chỉ kể ra một số những điều nên làm và phải làm từ tuổi ấu thơ của chúng ta để hình dung đạo đức là cái gì.

Từ rất nhỏ, chúng ta phải học tập để tiểu tiện, đại tiện đúng nơi đúng chỗ. Tập viết chữ đẹp, rõ ràng, không bị nhều mực. Ăn uống thì ngồi ở dưới, chờ người lớn gấp thức ăn rồi mới được gấp, không ồn ào. Rồi vào lớp tiểu học, không nói chuyện khi thầy cô dạy, áo quần đúng đồng phục, sạch sẽ. Làm một bài toán, viết bài làm văn thì cũng phải có thứ tự, trật tự, trình bày phải sạch sẽ, không cầu thả.

Mọi thứ đều dạy cho chúng ta trật tự, sạch sẽ, kỷ luật, tự chế, lễ phép. Đây là những điều chúng ta phải học tập để

sau này ra xã hội, càng lúc càng hoàn chỉnh hơn. Chúng ta thấy người Hàn Quốc ngày nay họ vẫn giữ được truyền thống này. Họ tự hào thuộc về truyền thống Khổng giáo. Chúng ta vẫn thấy một cô một cậu sinh viên Hàn Quốc khi tặng người Việt món quà, họ đặt món quà lên ngang mày và cúi gập nửa mình khiến cho nhiều người Việt phải ngạc nhiên. Chắc chắn chính những kỷ luật đạo đức này tạo nên sức mạnh kinh tế của Hàn Quốc.

Chúng ta thấy những đức tính trật tự, sạch sẽ, kỷ luật, tự chế, lễ phép... được dạy kỹ lưỡng cho người mới tu ở chùa qua cuốn luật Sa-di. Và cho đến mục đích của Phật giáo thành hiền, thành thánh thì cũng là trật tự, sạch sẽ, kỷ luật, tự chế... sâu sắc ở cả thân và tâm. Đối với người ở đời, cánh cửa đi vào đời sống Phật giáo là cánh cửa đạo đức: năm giới, mười điều thiện... Giới (mà Tây phương thường dịch là Discipline, kỷ luật) là một trong ba cột trụ (Giới, Định, Huệ) để hoàn thiện hóa con người.

Những lộn xộn chúng ta vẫn thấy hàng ngày ngoài đường là do thiếu đạo đức. Chạy vô trật tự đưa đến kẹt xe, bằng cứ khi có cảnh sát giao thông thì không kẹt xe. Uống rượu say gây tai nạn, phóng nhanh vượt ẩu, cãi cọ đánh lộn...

Nhìn rộng ra, không có một nền kinh tế nào phát triển vững chắc, mạnh mẽ mà lại khuyến khích buôn

lậu, làm hàng giả, vi phạm những điều cấm của y tế, tham nhũng... Thế giới này sống được, sống hạnh phúc được, cả vật chất lẫn tinh thần, là do đạo đức.

Đạo đức không chỉ là không làm những điều xấu, điều tiêu cực cho mình và cho người. Đạo đức còn là làm điều tốt, điều tích cực cho mình và cho người. Thế nên thế giới này phát triển được, sống lành mạnh được, sống hạnh phúc được là do có đạo đức. Nhìn một cách sâu xa hơn, đạo đức chính là hạnh phúc.

Vai trò của Phật giáo là rất quan trọng trong đời sống xã hội, vì nó giữ gìn và phát

huy đạo đức ở từng con người và ở xã hội. Vì đạo đức Phật giáo đã có mặt với con người từ lúc sinh ra, trong gia đình, ở trường học, ngoài xã hội, phát triển cho đến khi chết, cho nên nó có hiệu lực hơn những thể chế của xã hội, dù đó là giáo dục, kinh tế hay chính trị. Đó là lý do khiến Phật giáo còn tồn tại và phát triển đến ngày nay, trải qua 2.000 năm, với bao nhiêu triều đại, bao nhiêu thể chế kinh tế, bao nhiêu cải cách giáo dục, bao nhiêu thay đổi trong sinh hoạt của đời sống con người. ■





Chúng ta là cây bồ-đề

SUMITA
NGUYỄN HIỀN PHÁC dịch

LTS: Ngài Sumita là một vị giáo thọ đã thọ giới thông qua hệ thống truyền thừa International Order of Buddhist Ministry, một tổ chức được Tăng-già Nam California đỡ đầu. Tên thật là Joshua Hudson, ngài đã là một phóng viên quân đội Hoa Kỳ với một sự nghiệp báo chí vững vàng trước khi trở thành tu sĩ Phật giáo. Hiện nay, ngài thường xuyên viết bài cho các tờ báo Phật giáo Hoa Kỳ như Pittsburgh Buddhist và Applied Buddhism. Bài viết dưới đây được tải lên trang trực tuyến của Pittsburgh Buddhist ngày 2 tháng Năm năm 2011.

Trong khu rừng, có một khoảng đất trống ở đó chỉ mọc có mỗi một cây bồ-đề. Khi còn là một cây con, cây bồ-đề ấy được tiếp nhận nắng ấm và nhiều mưa cho nên trông tươi mơn mớn. Thế giới mang lại cho cây bồ-đề con sức sống mạnh mẽ và ánh sáng từ trên cao tuôn

chảy qua những chùm lá xanh mướt của nó. Mỗi ngày trôi qua, dường như cây bồ-đề đều cao hơn một chút, vững chắc hơn một chút.

Năm tiếp theo, thời tiết khắc nghiệt hơn, bầu trời đầy mây kéo theo những cơn mưa tầm tã đến nỗi hầu như nhổ bật gốc cây bồ-đề con.

Thế rồi lại có liên tiếp vài ba năm hoàn toàn khô hạn. Ánh nắng mặt trời thiêu đốt làm cho những chiếc lá bồ-đề trở nên vàng cháy đến nỗi chúng cuộn lại đau đớn trong lúc vẫn cố gắng tìm kiếm dưỡng chất. Thiếu chất dinh dưỡng từ đất và thiếu nước, hình như chẳng có gì đáng kể xảy ra.

Cuối cùng, lại có những mùa hè thân thiện với lượng mưa vừa phải, nắng ấm, thời tiết điều hòa và tất cả những điều kiện cần thiết cho sự tăng trưởng nhanh chóng của cây bồ-đề. Bấy giờ, cây bồ-đề con năm xưa đã là một cây bồ-đề trưởng thành với những cành cây dày đặc chắc chắn vươn ra từ thân cây vững chãi trụ thẳng trên gốc; trong khi đó, rễ cây cũng đâm sâu hơn vào lòng đất. Nhưng sự tăng trưởng chậm chạp của nó ở những năm sau này rất khó được nhận biết.

Trong việc thực hành Phật pháp của chúng ta, chúng ta cũng có thể được thấy như là cái cây bồ-đề ấy. Sự phấn khích ban đầu của việc thực hành thúc đẩy chúng ta vực sâu vào dòng pháp nhũ và chúng ta thấy rõ những sự tiến bộ.

Tuy nhiên, cuộc đời đầy bất trắc và lẫn lộn năng lượng cũng như sự chú tâm của chúng ta được dẫn dắt vào những vấn đề khác.

Sẽ có những thời kỳ trong cuộc đời của chúng ta lúc đó đầy những nghịch cảnh, đau buồn và căng thẳng. Vào những lúc ấy, có thể chúng ta sẽ thấy rất khó mà thực hành giáo pháp chỉ vì chúng ta đang lún sâu vào những cơn bão của cuộc đời dường như đem lại cho chúng ta nhiều vấn đề hơn những gì mà chúng ta có thể xoay sở.

Có những lúc khác, chúng ta sẽ thấy rằng các điều kiện thực hành Phật pháp của chúng ta hoàn toàn không thuận lợi. Giáo pháp vẫn ở ngay trước mặt chúng ta nhưng tâm thức của chúng ta lại không phải là mảnh đất màu mỡ để chúng ta có thể nhận được các thông điệp và phát triển.

Lẫn lộn, cũng sẽ có thời kỳ mà tâm trí ta rộng mở cho Phật pháp và những điều kiện thực hành cũng hoàn toàn thích hợp; nhưng chúng ta sẽ chẳng nhận thấy sự phát triển của việc thực hành giáo pháp ở mình chỉ vì sự thực hành ấy đã trở nên tinh tế hơn khi chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm hơn.

Tuy nhiên, xuyên suốt tất cả những thời kỳ ấy – cho dù chỉ có rất ít tiến bộ hay có sự phát triển mạnh mẽ – chúng ta luôn luôn tăng trưởng. Nếu chúng ta nhìn vào những vòng tăng trưởng của cái cây trong câu chuyện của chúng ta, chúng ta sẽ thấy có những lúc cái vòng tăng trưởng ấy dày đặc chắc chắn và rộng lớn bên cạnh những giai đoạn mà cái cây hầu như chẳng tăng trưởng gì. Nhưng cây bồ-đề vẫn luôn lớn lên.

Trong sự tiến bộ của chúng ta, có những lúc chúng ta cố gắng trở thành người Phật tử chân chính và tuân theo đúng giáo pháp như chúng ta đã hiểu, nhưng chỉ để sau đó mới khám phá ra rằng chúng ta đã hiểu lầm

những lời dạy hoặc chúng ta đã bị lừa dối bởi chính cái tự ngã của mình. Điều đó cũng chính là một sự phát hiện và là một sự giáo dục. Chúng ta nên sẵn lòng chấp nhận sự giác ngộ trước những lầm lạc của mình là cũng có giá trị như những thành công. Quay lưng trước những sai lầm đó chính là mời gọi sự tự lừa dối và những quan điểm lầm lạc.

Một trong những vai trò khó khăn nhất của bản ngã khi nó được chấp nhận là vai trò của sự thất bại và sự phán đoán. Tất cả chúng ta đều thích mô tả chính mình như là kẻ thông minh, hợp lý, và tốt bụng. Tất cả chúng ta đều thích thấy mình là những chúng sinh đầy lòng từ ái có tình thương và niềm vui không cùng. Điều đó có thể là một định nghĩa đúng đối với một vị Phật, chứ không phải là một định nghĩa về chúng ta.

Để chấp nhận chúng ta là ai và trưởng thành từ kiến thức đó, chúng ta phải nhận biết rằng chúng ta là những chúng sanh có lòng từ ái rộng lớn và sự thấu cảm. Chúng ta vừa là bậc thánh vừa là những kẻ đối trá. Tất cả chúng ta đều bất toàn với thiện ác lẫn lộn, vừa đẹp đẽ vừa xấu xa, vừa hạnh phúc vừa tan nát. Đó là tất cả những gì làm nên chúng ta.

Sẽ có những thời kỳ mà việc thực hành giáo pháp của Đức Phật lên lên xuống xuống như thủy triều, nhưng luôn luôn chúng ta đang làm tăng thêm cho sự thực hành của mình, kể cả chỉ tăng thêm rất ít. Điều đó đòi hỏi có sự nhẫn nại để chấp nhận thế giới như nó đang hiện hữu chứ không phải như những gì chúng ta đòi hỏi thế giới phải như thế nào.

Đôi khi chúng ta sẽ bám lấy bản ngã của mình và tìm cách được bọc kín trong giáo pháp đến nỗi chúng ta hoàn toàn buông lỏng sự thực hành. Chúng ta trở thành những “chuyên viên” đôi khi tự mãn và thích phán xét. Chúng ta trở thành những kẻ quá khích vì Đức Phật, những chiến binh cho lý tưởng.

Đó là tất cả những cám dỗ của luân hồi và ma vương. Từ luân hồi (samsara) có nghĩa là “liên tục trôi lăn trong ảo tưởng”. Và khi chúng ta phát triển, luôn luôn chúng ta phát hiện có những thời kỳ trong đó sự thực hành của chúng ta tiến bộ rất dễ dàng và những thời kỳ khác khi sự tiến bộ không xảy ra. Tuy nhiên, chúng ta luôn luôn rơi vào sự cám dỗ của luân hồi. Vào những thời kỳ nguy hiểm ấy, chúng ta ở trong trạng thái rủi ro lớn nhất trước những cám dỗ của việc tin rằng chúng ta đã biết rõ giáo pháp; biết rằng điều gì là đúng, điều gì là sai.

Vậy đây! Chúng ta chẳng phải là những chúng sanh giác ngộ. Chúng ta sẽ không hoàn hảo trong sự hiểu biết và ứng dụng của việc thực hành của mình. Nhưng cũng giống như cây bồ-đề con, chúng ta vẫn luôn luôn tăng trưởng trong những thời kỳ khó khăn và những thời kỳ thuận lợi. Những ai theo đúng Trung đạo sẽ luôn luôn học được thêm chút ít về giáo pháp mỗi ngày – kể cả chỉ thêm được rất ít.

Nguồn: Applied Buddhism ■



Trong *Liều trai chí dị* của Bồ Tùng Linh, có câu chuyện kể về một người lái buôn bị lạc vào một nơi xa lạ rất kỳ dị. Người lái buôn này là một chàng thanh niên đẹp như Phan An, Tống Ngọc (hai người Trung Hoa thời nhà Tống được kể như là điển hình cho vẻ đẹp đàn ông) theo một đoàn thương thuyền mang hàng hóa vượt biển. Một hôm gặp bão, tàu đắm, chàng thanh niên bị trôi dạt vào một hoang đảo, nằm bất tỉnh úp mặt trên bờ biển. Những người dân trên đảo này đi làm cá, bắt gặp có người bị nạn liền kéo nhau đến cứu. Nhưng vừa lật ngửa chàng thanh niên ra, mọi người đều la lên hoảng sợ. Có người hét lớn: “Quý! quý!”. Tiếng hét làm chàng thanh niên tỉnh dậy. Vừa nhìn thấy những người dân trên đảo này, chàng cũng hoảng sợ muốn ngất đi. Thì ra những người dân ở nơi này mặt mày xấu xí

như quỷ dạ xoa. Cuối cùng thì chàng thanh niên cũng được dẫn đến trình diện một vị quan sở tại. Vừa gặp vị quan này, chàng thanh niên lại suýt bị ngất đi lần nữa, vì vị quan này còn xấu xí hơn những người dân kia. Khi được đưa đến trình diện vị vua của xứ này thì chàng thanh niên mới hiểu ra là càng có địa vị cao thì bộ mặt lại càng xấu xí, và chàng cũng không thể diễn tả được vị vua nước này xấu xí đến mức nào. Trái lại khi nhà vua trông thấy chàng thanh niên kia, thì ngài cũng giật mình thốt lên: “Trời ơi, sao lại có người xấu xí đến như thế, làm ta sợ muốn chết”.

Xem như vậy thì đẹp hay xấu chỉ là một quan niệm, một ước lệ về mỹ thuật của từng nơi mà thôi. Chắc hẳn những người dân trên đảo này cũng có thể khen trời đẹp, như những người ở nơi khác, vì không có một bầu trời khác để so sánh. Chắc hẳn những người dân

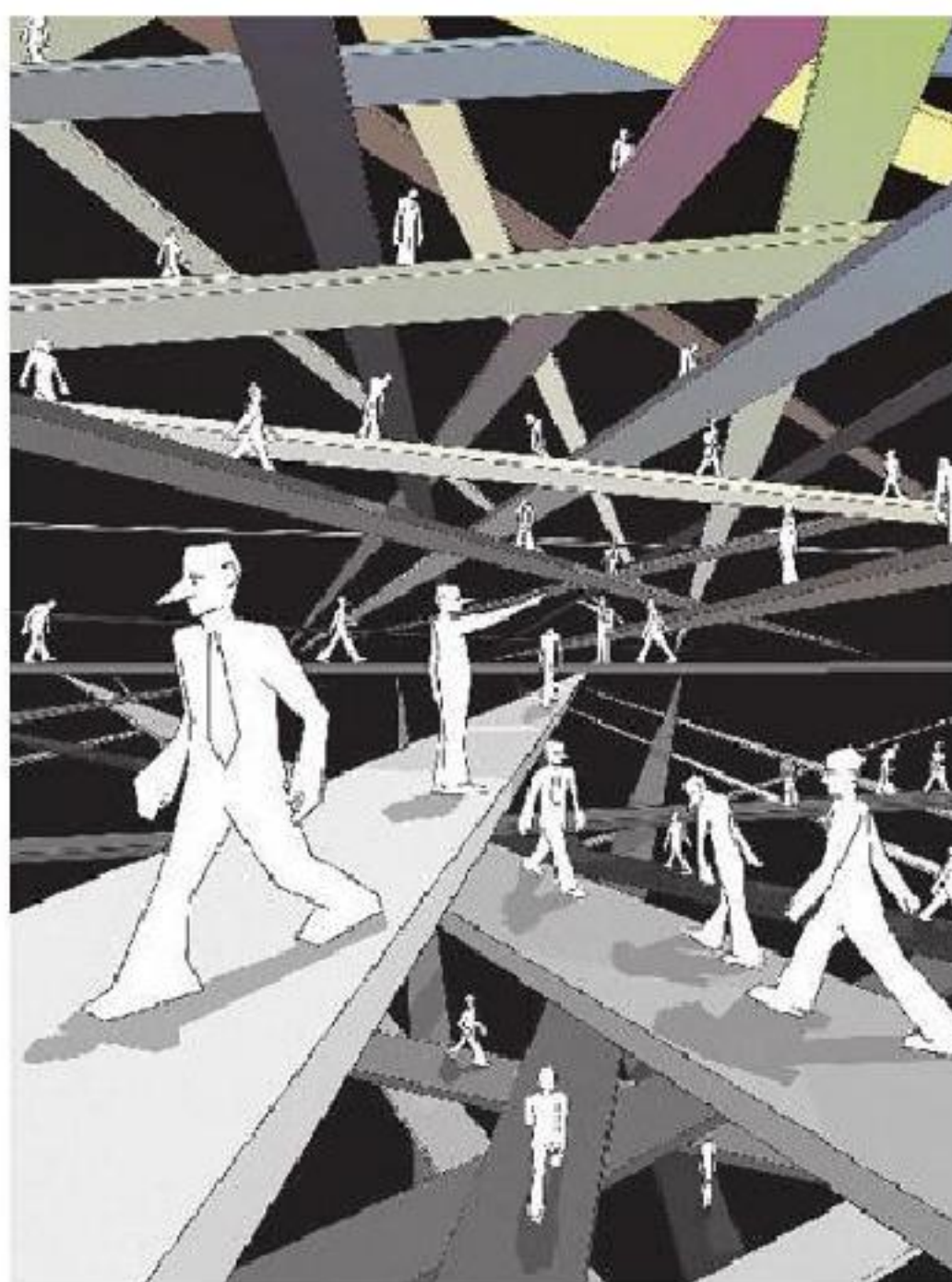
trên đảo này cũng thấy nước biển là mặn, vì nước biển mặn là một sự thật khách quan. Nhưng xấu đẹp lại là một vấn đề khác. Mặc dù chàng thanh niên kia cũng có mắt mũi như họ, nhưng lại hoàn toàn khác với họ, nên họ có thể so sánh một cách chủ quan trên quan niệm về mỹ thuật của xứ đó.

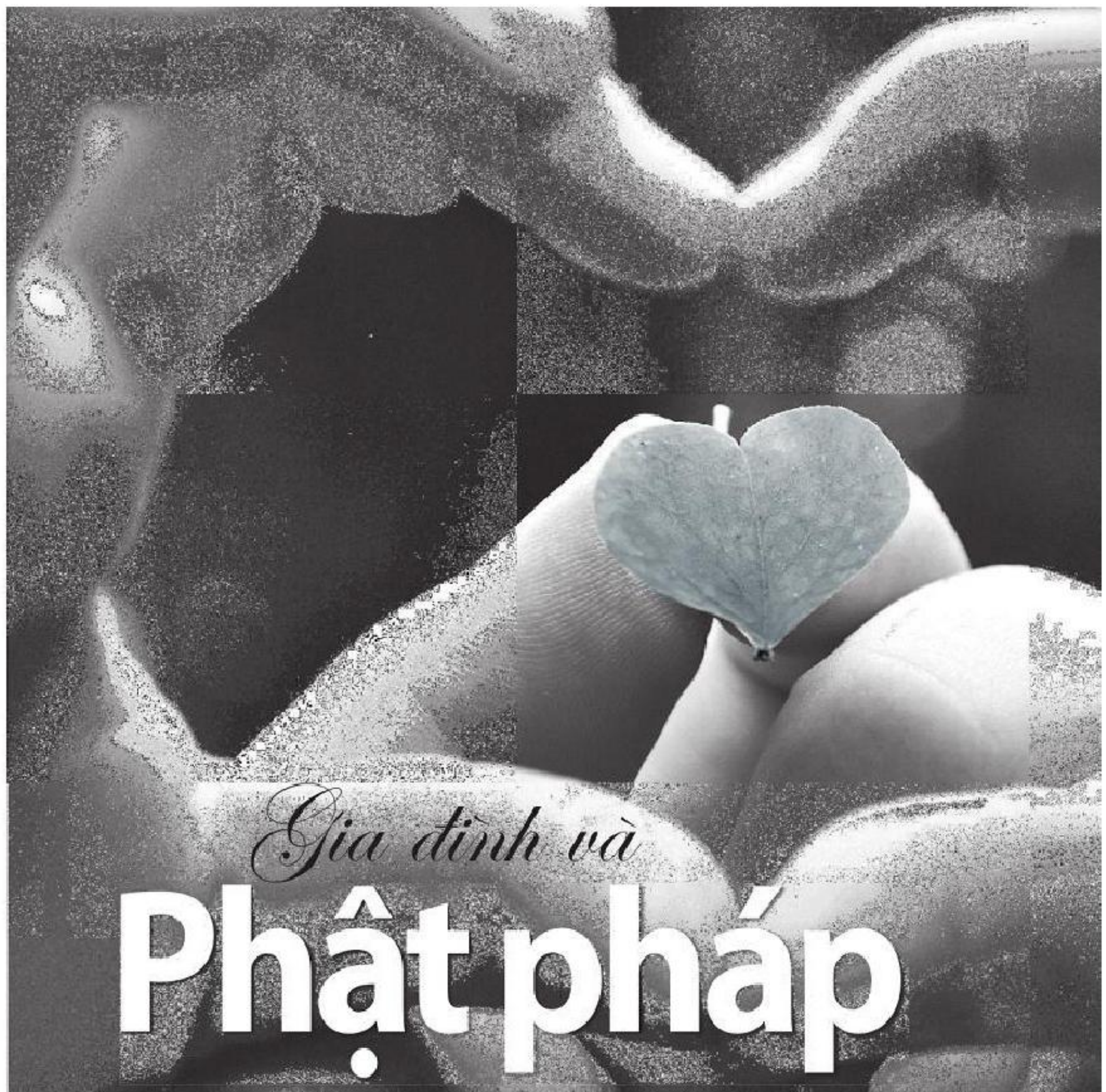
Ngày xưa Tây Thi, Dương Quý Phi, Cléopâtre... đẹp thế nào thì không biết, nhưng ai cũng biết nữ minh tinh màn bạc Liz Taylor, Marilyn Monroe... là những người đẹp. Thế mà cũng có người không đồng ý như thế. Trịnh Công Sơn nổi tiếng là một người tài hoa, các ca khúc của ông được rất nhiều người yêu thích. Thế mà vẫn có người cho là tầm thường, chẳng có gì hay, có thể vì một lý do nào đó không hiểu được. Tất nhiên họ cũng phải có những lý lẽ nào đó để bảo vệ ý kiến của mình, và cho dù những lý lẽ của họ là khác thường thì cũng không ai có thể khẳng định những lý lẽ đó là sai, bởi đó chỉ là một quan niệm về nghệ thuật, ngay cả khi họ không dựa trên một căn bản nào để nhận định. Có điều, người ta có thể cho người đó là gàn, là quá sức khác người. Tuy nhiên, nếu nói đến một nhân vật như Hitler của Đức Quốc xã thì không ai không đồng ý đó là một kẻ có tội đã giết hàng triệu người Do Thái. Nhưng Hitler đúng hay sai thì lại chưa chắc có thể quả quyết được, vì phải có một lý thuyết vững chắc nào đó thì ông ta mới có thể điều hành cả một chính quyền có sức mạnh ảnh hưởng đến cả thế giới như thế, dù đối với thế giới, Hitler không có chính nghĩa. Hoa Kỳ chấm dứt cuộc Thế chiến thứ hai ở mặt trận Thái Bình Dương bằng hai quả bom nguyên tử thả xuống Nhật Bản giết chết hàng triệu người, rõ ràng là có chính nghĩa, nhưng cũng không thể quả quyết là đúng hay sai được.

Quốc gia nào cũng có những quy ước mà dân chúng phải tuân theo, nhưng không phải quy ước nơi nào cũng giống nhau, mặc dù đều dựa trên căn bản luật pháp, để duy trì trật tự xã hội: ví dụ phần đông trên thế giới, xe đều chạy bên phải, nhưng ở một vài quốc gia như Anh quốc, Hongkong... xe lại chạy bên trái. ĐI điểm được cho là một tệ nạn xã hội, và đều bị cấm đoán hầu như trên khắp thế giới, nhưng ở một vài quốc gia như Hòa Lan, Ấn Độ... thì lại được coi là hợp pháp, có tổ chức hẳn hoi.

Xã hội nào cũng có những phong tục tập quán, nhưng không phải nơi nào cũng giống nhau. Ví dụ ở Âu Mỹ, ăn mì sợi hút vào sồn sột làm người khác khó chịu thì trái lại ở Nhật Bản hay Hàn Quốc, điều đó lại bình thường. Nhiều người nuôi chó, thấy tình nghĩa của chó đối với chủ, nên không bao giờ họ có thể ăn thịt một con vật quá gần gũi với mình được, vì người ta cho là tội nghiệp và họ không thích những người ăn thịt chó. Nhưng ở Hàn Quốc, người ta ăn thịt chó như một loại thịt rất phổ thông. Luật pháp của phần đông các quốc gia tiến bộ không cho phép người ta có hai vợ, nhưng ở một vài nước, người đàn ông có thể có bao nhiêu vợ cũng được.

Vậy thì đúng và sai là những điều hết sức khó phân định; cũng vậy, những điều được gọi là hợp pháp hay bất hợp pháp cũng chỉ là dựa theo quy ước, chẳng có điều gì tự thân nó là hợp pháp hay bất hợp pháp. Thế nhưng điều tốt và điều xấu thì có thể phân biệt được. Theo quan điểm của nhà Phật, điều tốt là điều đem lại lợi ích cho mình và cho người, đem lại lợi ích cho cả hai. Làm lợi cho mình mà đem lại hại cho người thì đã đành không phải là điều tốt; nhưng làm lợi cho người mà mang lại hại cho mình thì nhà Phật cũng không cho đó là điều tốt. Chẳng hạn, cướp của người giàu rồi đem phân phát hết cho kẻ nghèo thì làm lợi cho người này mà lại gây hại cho người kia và bản thân mình có thể phải chịu đựng những rủi ro, chưa kể phải chịu nghiệp xấu, thì rõ ràng không phải là điều tốt theo quan điểm nhà Phật. Nhưng những vị hành Bồ-tát hạnh, chấp nhận thiệt thòi về phần mình để mang lại lợi lạc cho người lại là một vấn đề khác, vì các vị đó hiểu được như vậy là tốt cho tiến trình giải thoát của họ; nghĩa là các vị đó cũng hành xử trên tiêu chuẩn lợi mình lợi người; chỉ khác ở chỗ cái lợi mà họ có được không phải là cái lợi thế tục trước mắt. Phân biệt được để có thể tránh điều xấu, làm điều tốt là một cách sống có thể đưa con người đến thân tâm an lạc như tư tưởng cốt lõi của Phật giáo: "Làm điều thiện cho mình và cho người, tránh làm điều ác cho mình và cho người để cuối cùng đạt đến thân tâm an lạc". Cái khó là biết phân biệt cho được đúng đắn hai chữ tốt và xấu. ■





Gia đình và **Phật pháp**

1 “Vợ chồng cô như chết đứng vì nó! Con với cái! Học Bách khoa chỉ còn một năm nữa ra trường thì đi thi hộ, bị trường phát hiện, nên đuổi học. Cô chú phải lên Hà Nội giải quyết hậu quả, rồi xin cho nó vào học một trường về xây dựng, học xong, đi làm ngược xuôi các công trường vùng sâu vùng xa được vài năm thì kêu chán, lại bỏ, lại thi tiếp vào một trường khác. Thi được hai môn, điểm rất cao, còn môn thứ ba không được thi do ngủ quên vì đêm trước mãi *chit chat* gì đó với người yêu ở nước ngoài. Giờ lại đang học một trường cao đẳng khác. Mua cho nó cái xe Future để tiện đi học trên Hà Nội, vẫn còn mới bóng; cách đây gần chục năm; cháu tính, hồi ấy 25 triệu nó như thế nào; thế mà khi có người ở Hải Phòng về tận nhà, nhờ làm lại giấy tờ xe thì cô chú mới biết là nó bán cho người ta gần hai tháng nay, giá có 16 triệu... Trước đây, nó đâu có như vậy, 12 năm trời học ở nhà toàn là học sinh giỏi, trò ngoan” – cô than thở một chuỗi dài không dứt, như chưa bao giờ được tháo lòng.

Trong mắt người mẹ gần 50 tuổi, là được sĩ ở một vùng quê, và người cha, vốn là cán bộ có vị trí khá cao trong bộ máy chính quyền huyện, thì cậu con trai lớn chỉ là “đồ bỏ đi”, “vô tích sự”, “không thể cải tạo”, “voi dầy ngựa xéo”, “nổi ô nhục của gia đình”... “Đấy, cháu xem, từ năm lớp 12 về trước, nó toàn đứng trong топ học sinh dẫn đầu trường, bằng khen treo đầy nhà, rất ngoan ngoãn, cô chú chăm lo cho từng ly từng tí, thế mà sao lên đại học vài năm thì nó đổ đốn như vậy? Từ ngày nó lên mạng nhiều, chơi *game online* thâu đêm suốt sáng thì bản tính thay đổi hẳn...” – cô tiếp tục thở hắt ra – “Nó toàn quen bạn ở đâu đâu, toàn nói tiếng Anh, cô chú chẳng biết gì. Hồi còn học Bách khoa, nó có quen một con bé ở Hải Phòng, đã dẫn về nhà cô, nhưng qua nói chuyện, thấy gia đình và tính nết con bé ấy, cô chú không đồng ý. Cô tuyên bố: ‘Muốn lấy nó thì không còn bố con, mẹ con gì’. Thời gian sau, không thấy nó nhắc đến con bé ấy, nhưng từ đó, nó gần như



PHAM THANH TUNG

không bao giờ nói chuyện với cô. Còn bố nó thì sau lần nó bị đuổi học vì thi hộ, phải lên trường giải quyết, đã mắng thẳng bằng những lời lẽ nặng nề nhất, "chan tương đồ mề" nhất vào mặt nó trước đông đảo bạn bè, nó rất giận và không bao giờ hé nửa lời với bố. Về đến nhà là nó chui vào phòng, tới bữa ăn cơm mới thò mặt ra. Bố mẹ con cái nói chuyện với nhau, câu trước câu sau là y như rằng cãi nhau, nhất là với bố nó. Nó thì bảo cô là suốt ngày kinh kệ, tụng niệm, còn bảo chú ấy là suốt ngày chỉ Marx với Lenin... Cô chú thì nói nó là hết phương cứu chữa, dễ bị bọn phản động lợi dụng... Giờ nó đang quen một cô bạn gái qua mạng, là Việt kiều ở Mỹ. Con bé này hơn nó vài tuổi, gia đình trước theo *ngụy*, giờ sang Mỹ định cư. Chúng nó *chit chat* với nhau suốt ngày, suốt đêm. Vừa rồi, con bé này về tận nhà cô chơi. Nó trẻ trung, xinh xắn, và nói chuyện thì rất lễ phép, hiểu biết và có văn hóa. Thằng con cô giờ bụng dạ đầu mà học với hành, suốt ngày chỉ nhong nhóng

sang Mỹ. Lẽ ra sang năm ngoài rồi, nhưng trục trặc, nên chưa đi được, giờ nó càng "điên cuồng" hơn vì chưa sang được Mỹ... Chán lắm, cháu ạ, nó hết phương cứu chữa rồi, không khéo lại theo bọn phản động!"...

2 Trước đây, cô hay đi lễ đến, chùa như bao người đàn bà ở vùng quê hẻo lánh; nhưng chừng hai năm nay, một lần tình cờ được người bạn tặng vài cái đĩa thuyết pháp về đạo Phật của mấy vị sư trong TPHCM, thì cô thấy "hay quá, đúng quá" bèn gửi mua thêm nhiều đĩa, nhiều sách về Phật giáo do các vị Tăng, Ni ở phía Nam thuyết pháp để nghe, để đọc... Chồng là đảng viên, là cán bộ nhà nước nên thời gian đầu cứ bảo toàn mê tín dị đoan, u u minh minh; nhưng sau khi cô khéo léo thuyết phục là thử nghe đĩa về đạo Phật dù chỉ một lần, thì từ bấy giờ lại để tâm tìm hiểu. Làng ấy cũng như bao vùng quê miền Bắc khác có chùa, nhưng hoặc vắng bóng Tăng Ni hoặc gần đây Tăng Ni mới được thỉnh về trụ trì; tuy vậy đạo Phật vẫn nhuộm màu tục lụy với đốt vàng mã, đồ mặn mâm cao cỗ đầy, mua bán đổi chác. Cô bắt đầu bỏ tiền túi ra mua sách, đĩa, rồi sao chép ra nhiều bản tặng miễn phí cho bà con để nhằm hiểu rõ, hiểu đúng hơn về đạo Phật. "Các cụ xưa cũng từng dạy: tu là tu tâm dưỡng tính, thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa; nhưng ngày nay người ta đến chùa tràn lan, mà có mấy ai hiểu về đạo Phật. Cô hỏi những bà vải hay tới chùa là có hiểu A-di-đà Phật là gì thì họ toàn lắc đầu, cười. Chính Đức Phật đã dạy: 'Tin Ta mà không hiểu Ta, ấy là phi báng Ta'. Nhiều người thấy vậy thì chép miệng cười, bảo cô dở hơi, tâm thần, điên...". Dư luận tạo thành những trận sóng dồn dập đến nỗi người chồng sau một thời gian để tâm tìm hiểu đạo Phật, hiểu rõ việc cô làm, cũng phải bảo cô: "Thôi, việc mình mình làm, người ta không nghe theo thì kệ!". Nhưng cô thì hay cãi: "Mình được ăn những món ngon, thấy người ta đói mà không chia sẻ thì không đành lòng". Vì thế, năm ngoài, cô cùng mấy bạn trẻ trong vùng đứng ra tổ chức cho gần 10 em học sinh tham dự khóa tu mùa hè ngắn ngày ở một đạo tràng lớn, cách nhà chừng 50km. Cũng chính vì việc này mà người ta gán cho cô là "rách việc", nhẹ thì "làm thế để làm gì, có được tiền không, có được lợi lộc gì không", nặng hơn thì "chắc có âm mưu gì, không khéo lại là phản động". Một số người trong chính quyền xã làm um lên, an ninh xã vào cuộc, rồi công an huyện cũng gọi cô lên. Người ta hỏi vị chức sắc cao nhất trong Giáo hội Phật giáo của huyện thì vị ấy bảo: "Chả biết đạo tràng là gì, chắc không phải... đạo Phật rồi". Đẳng đẳng hai tháng trời, nhiều lúc cũng mệt mỏi. "Nhưng mình chẳng làm gì sai, nên chẳng việc gì phải sợ. Họ hỏi: ai trả lương cho bà? Cô bảo: lương tâm tôi trả lương cho tôi, tôi thấy người ta vô minh nên không đành". Đám học sinh đi tham dự khóa tu về cũng bị dò từng câu từng



chữ, nhưng thay vì nói những gì là “âm mưu”, là “phản động”, các cháu lại tự tin nói về “nhân quả”, về “từ bi hỷ xả”, về tình thương của cha mẹ với con cái, về tình cảm của con cháu với ông bà tổ tiên. Chán không tìm được manh mối gì, người ta phải buông, rồi cũng hiểu ra. Năm nay, cô lại tiếp tục tổ chức cho gần 10 học sinh tham dự khóa tu mùa hè ở chùa cũ. Người ta không làm khó dễ nữa, nhưng lại rì rầm: chết dở, học sinh cứ đi tu thế này thì hỏng, hỏng hẳn, sau này chẳng học hành gì mà đi tu ráo... Cô cười: “Tuồng tu được mà dễ à? Phúc bao nhiêu đời thì mới tu được và phúc cho cả gia đình có người tu được đấy...”

Thời gian gần đây, vợ chồng cô chú mở thêm dịch vụ đọc sách miễn phí, gọi là ‘Không gian đọc tại nhà’, mở rộng cửa với mọi người. “Không gian đọc ở đây mới mở nên ít người biết, cháu biết ai thích đọc sách báo, nhất là những người muốn tìm hiểu đạo Phật thì cứ giới thiệu tới nhà cô nhé. Tại sao những điều Đức Phật dạy hay và đúng như vậy, người ta lại không theo mà cứ theo những thứ mê tín dị đoan?” – cô dặn. Cô hào hứng cũng như trước đây từng nồng nhiệt mua bàn bóng bàn, cầu lông cho trẻ con khu xóm chơi miễn phí trong sân nhà mình. Được cô tặng hàng trăm cuốn sách, đĩa về đạo Phật cho bà con làng xóm và vùng xung quanh, mọi người bảo: “hay thì hay đấy, nhưng ở mãi đâu đâu, chúng tôi cứ theo sư ở chùa làng thôi”, chưa thực sự

thấm. Cô bảo: “chắc do mình chưa đủ duyên với đạo Phật để họ nghe thôi. Buồn nhất là có một số người là quan chức, trí thức, bạn rất thân với nhà cô, dù chỉ nghe đồn về cô chú là thế này, thế nọ; cô chú đã đưa tận tay sách, đĩa đạo Phật và dặn là cứ thử nghe, thử đọc một lần, rồi hãy nói thế nào thì nói mà kiên quyết không, cứ giãy nãy lên như đĩa phải vôi. Tại sao họ lại dễ dàng tin người khác, tin lời đồn đại mà không tin bạn bè thân của mình? Tại sao mình làm đúng, làm việc tốt mà bị người ta nghi ngờ đến thế?”

3 Cô vẫn thờ ắt ra khi nói về cậu con trai lớn. Cậu vẫn giấu mẹ là theo Phật mà có hiểu Phật không, có biết Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, rồi Bát-nhã-ba-la-mật là gì không, có biết vị Tăng khá nổi tiếng mà mẹ hay nghe đĩa thuyết pháp bị dư luận trên mạng đồn rầm đồn rĩ lên không? Cô phải lao lên mạng hỏi cái anh Google, rồi bảo: Những điều thấy ấy nói đều đúng, và phù hợp, còn tư cách thấy ấy ra sao thì không quá quan tâm, vì cô theo Phật, theo Pháp, chứ không theo Tăng.

Cậu con trai thỉnh thoảng mới về, nhưng về tới nhà vẫn chui vào tổ, chỉ thường nói chuyện với ông ngoại. Cậu còn cắt công mang sách, in nhiều bài viết hay, sách hay trên mạng về cho ông ngoại đọc. Tới khi, ông ngoại mang một cuốn sách tới cho con gái đọc thì cô mới giật mình. “Người ta viết hay quá, đúng quá, nhưng...”. Để trả lời cái “nhưng” ấy, vợ chồng cô chú lại gõ cửa nhà anh Google... “Thằng con hỏi cô lắm câu bất ngờ, như: “mẹ theo đạo Phật thì, người Phật tử như mẹ thì phải thọ bao nhiêu giới; còn Tỳ-kheo thì phải thọ bao nhiêu giới?”. Cô nhờ tôi làm cầu nối khuyên giải cậu con trai, nhưng nhà tư vấn tâm lý bắt đầu dĩ chỉ góp ý rằng: người mà vợ chồng cô chú và nhiều người cho là hư hỏng, hết thuốc chữa, khi đã hỏi được những câu như thế về Phật thì chứng tỏ cậu ta đã để tâm tìm hiểu và đã để ngỏ cánh cửa với bố mẹ. Điều quan trọng là bố mẹ có muốn mở cửa nhà con không hay quay lưng đi? Muốn hiểu con cái thì phải biết lắng nghe con nói... Và hơn ai hết, chính cô mới là chìa khóa, là cầu nối để kết nối lại cả gia đình, nếu không muốn mất con”. Cô vẫn thờ ắt ra...

... Mới đây, cô tiu tít báo tin rằng: Hóa ra, cậu con trai mới là người rất am hiểu đạo Phật. Hóa ra vợ chồng cô chú mới vô minh; thậm chí, hồi trước khi ông nội mất, 49 ngày còn không làm lễ. Nhớ lại trước đây mới thấy vợ chồng cô rất vô lý, áp đặt lên con cái, chẳng hạn nếu học hành chỉ đạt điểm 8, 9, về nhà đã chửi um lên, bắt con cái răm rắp làm theo ý mình. Khi con cái mắc lỗi, thay vì tìm cách lựa lời khuyên giải thì lại trút tất cả lên con cái giữa đông đảo bạn bè. Trong những bước đi sai lầm của nó, vợ chồng cô cũng có lỗi nhiều. Cô ân hận quá! May mắn là nhờ đạo Phật đã khiến cô chú am hiểu con người, cuộc đời hơn để mở rộng lòng, tìm lại được con mình. ■



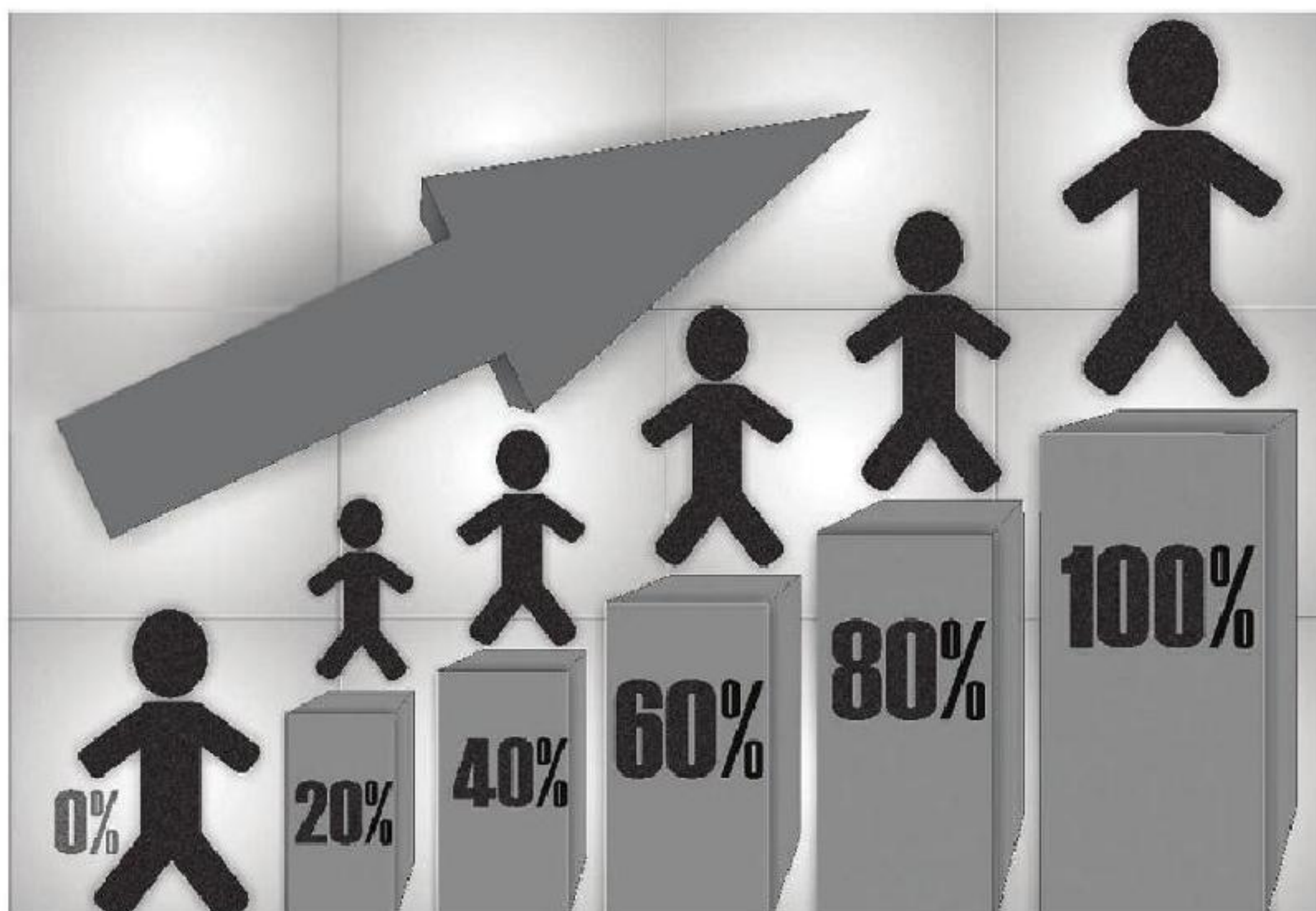
Điều kiện của hạnh phúc

PHAN MINH ĐỨC

Cũng như các giá trị khác của đời sống, hạnh phúc cũng có những điều kiện của nó. Điều kiện của hạnh phúc là các yếu tố làm nên chính nó.

Hầu như ai cũng cho rằng tiền bạc, sắc đẹp, danh tiếng, địa vị xã hội... là những yếu tố mang lại hạnh phúc cho con người. Tuy nhiên, qua tìm hiểu và phân tích, người ta thấy rằng hạnh phúc còn tùy thuộc rất nhiều vào quan niệm, nhận thức, sự cảm nhận của mỗi người. Điều kiện hạnh phúc của người đàn ông cũng không giống điều kiện hạnh phúc của người phụ nữ. Đa phần nam giới nhận thấy yếu tố mang lại hạnh phúc cho họ là quyền lực, địa vị và tiền bạc, trong khi đó yếu tố mang lại hạnh phúc cho phụ nữ là tình yêu, mái ấm gia đình, con cái, sự thành công trong các mối quan hệ, còn tiền bạc và sự nghiệp chỉ là thứ yếu.

Người ta thử tìm hiểu xem những người phụ nữ thành đạt có hạnh phúc không, thì thấy rằng thành đạt không phải là nhân tố quyết định mang lại hạnh phúc. Có rất nhiều phụ nữ thành công trong sự nghiệp, có nhiều tiền, có danh tiếng, có địa vị trong xã hội nhưng họ không hạnh phúc. Còn người đàn ông thành đạt có hạnh phúc không? Theo cuộc thăm dò vào tháng 4 năm 2008 của Nielsen - công ty hàng đầu thế giới về cung cấp thông tin và tiếp thị, với sự tham gia của gần 30.000 người trên 51 quốc gia, thì chính những yếu tố quyền lực, địa vị và tiền bạc đã làm cho người đàn ông không hạnh phúc bằng phụ nữ. Nghiên cứu này cũng cho biết hạnh phúc không phụ thuộc vào các yếu tố quyền lực, địa vị và tiền tài. Cũng chính vì thế, một điều khiến cho người ta khó có thể tin là người nghèo thường cảm nhận hạnh phúc nhiều hơn người



giàu (Theo kết quả thăm dò của Nielsen về sự cảm nhận hạnh phúc ở những nhóm khác nhau: đàn ông và phụ nữ, người giàu và người nghèo). Xem ra từ bấy lâu người ta đã đánh giá sai lầm những giá trị sống. Cho rằng tiền bạc trong đời sống, nhất là đối với xã hội tiêu thụ thực dụng hiện nay, là điều kiện tất yếu mang lại hạnh phúc, dường như đó là nhận thức mang tính “thực tế” nhưng hóa ra lại sai lầm.

Vậy thì điều kiện của hạnh phúc là gì? Những nhân tố nào làm nên hạnh phúc? Tiền bạc, danh vọng, địa vị... chỉ là một trong những nhân tố góp phần làm nên hạnh phúc, chúng không phải là nhân tố duy nhất quyết định. Có thể hiểu hạnh phúc là trạng thái thoải mái, dễ chịu, cảm thấy thỏa mãn, hài lòng, sung sướng, vì thế nếu cơ thể không khỏe mạnh, gia đình không đầm ấm, các mối quan hệ không tốt đẹp, công việc gặp rắc rối, phải chịu nhiều áp lực căng thẳng trong cuộc sống thì liệu tiền bạc, danh vọng, địa vị có mang lại hạnh phúc cho chúng ta không? Chỉ khi cuộc sống có sự cân bằng hài hòa, hoặc chỉ khi chúng ta làm chủ được những tham muốn trong lòng, tìm thấy được niềm vui nội tại thì chúng ta mới có được hạnh phúc. Phải chăng đây mới chính là điều kiện của hạnh phúc.

Tuy nhiên, thật không dễ có được sự cân bằng hài hòa trong cuộc sống, chỉ còn cách làm chủ những tham muốn của mình, sống với niềm vui bên trong tâm hồn để có hạnh phúc. Nếu làm được điều này thì

dù ở trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng có được niềm vui và hạnh phúc. Chẳng hạn như có những người tuy nghèo, họ thiếu thốn về vật chất nhưng họ vẫn có hạnh phúc nhờ biết tự mãn nguyện, biết vui với những gì mình đang có, không đòi hỏi, không mong cầu nhiều. Những bậc vĩ nhân của nhân loại sống không vì danh vọng, bạc tiền như mọi người trên thế gian mà họ vẫn thấy an vui, lạc quan và hạnh phúc. Các bậc tu hành cũng vậy, đời sống không có các thú vui hưởng thụ, thế mà họ vẫn bình thản an nhiên, không ưu phiền, không phàn nàn than thở.

Hạnh phúc có được từ sự làm chủ những tham muốn là thứ hạnh phúc không điều kiện. Ví dụ như khi giúp đỡ được nhiều người mà không mong cầu tri ân báo đáp, chúng ta cảm thấy hạnh phúc và thoải mái hơn khi mong cầu việc làm đó mang lại danh tiếng và lợi ích cho mình. Chính nhận định sai lầm và những tham muốn, khát vọng về tiền tài, danh vọng, địa vị đã khiến cho người ta quên đi những giá trị sống khác như tình bạn, tình yêu, sự an lạc của gia đình, niềm vui và sự thỏa mãn với những gì đang có, lòng vị tha, bác ái, sự bình an và thanh thản của tâm hồn v.v. Những giá trị sống này mang lại hạnh phúc rất nhiều cho chúng ta, chúng luôn tồn tại trong chúng ta và xung quanh chúng ta nhưng vô tình chúng ta quên bỏ.

Trong thời gian khủng hoảng tài chính và kinh tế toàn cầu vừa qua, ở Estonia người ta thực hiện ý tưởng

thành lập một ngân hàng gọi là “Ngân hàng hạnh phúc” (Happy bank). Khác với ngân hàng bình thường, Ngân hàng hạnh phúc “huy động vốn” và “cho vay” những ý tưởng, sáng kiến mang đến niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người để vượt qua những khó khăn thử thách trong thời kỳ kinh tế suy thoái. Người sử dụng dịch vụ Ngân hàng hạnh phúc mở tài khoản và làm giàu tài khoản của mình bằng cách cống hiến ý tưởng và làm nhiều điều tốt có ích cho cộng đồng xã hội, mang lại hạnh phúc cho mọi người. Tài khoản càng lớn khi có nhiều ý tưởng, sáng kiến đóng góp và làm nhiều điều tốt. Ở đây người giàu có không phải là người có nhiều tiền mà là người có nhiều đóng góp cho cộng đồng, xã hội. Lãi suất của ngân hàng chính là niềm vui và hạnh phúc mà mình có được khi làm điều tốt. Những người tham gia đầu tư vào Ngân hàng hạnh phúc ý thức được rằng giá trị hạnh phúc không lệ thuộc vào giá trị tiền bạc, nhờ đó họ không bị suy sụp, khủng hoảng tâm lý trước tình trạng biến động của nền kinh tế, họ thấy rằng dù nghèo khó về tiền bạc nhưng giàu có về tâm hồn vẫn tạo cho cuộc sống nhiều niềm vui và hạnh phúc. Qua hoạt động của Ngân hàng hạnh phúc người ta biết thông cảm và thương yêu nhau hơn, biết chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng chung tay cải thiện cuộc sống. Hàng trăm diễn đàn cộng đồng do Ngân hàng hạnh phúc tổ chức tạo điều kiện cho mọi người trao đổi, sẻ chia những kinh nghiệm sống, những ý tưởng thiết thực hữu ích mang lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người.

Hạnh phúc luôn là mục tiêu con người hướng đến. Ai cũng biết, sống thì cần nơi ăn chốn ở, cần ăn uống ngủ nghỉ, rèn luyện, làm việc để cơ thể vật lý tồn tại, cần sinh hoạt, thường thức văn hóa tinh thần để nuôi dưỡng tình cảm, tâm lý. Tuy nhiên sống làm sao, sống như thế nào để có hạnh phúc là điều vô cùng quan trọng, đó là cả một nghệ thuật, đòi hỏi nhiều ở kỹ năng nhận thức, tư duy và hành động trong quá trình xây dựng cuộc sống.

Sự nhận thức sai lầm về các giá trị sống là nguyên nhân lớn dẫn đến đời sống không hạnh phúc. Nguyên nhân này chịu tác động rất nhiều từ nghiệp riêng của mỗi con người (biệt nghiệp), môi trường sống, gia đình và hoàn cảnh xã hội. Ví dụ như trong đời sống hiện đại, vì đánh giá sai về giá trị của tiền bạc mà người ta đánh mất hạnh phúc gia đình, đánh mất bản thân, xã hội xảy ra nhiều tệ nạn. Tiền bạc có thể làm chất xúc tác để tạo ra hạnh phúc nhưng tiền bạc không thể đánh đổi hạnh phúc, tiền bạc không mua được hạnh phúc. Có nhiều giá trị hạnh phúc mà tiền bạc không mua được, đó là sinh mạng, sức khỏe, tình yêu, niềm vui trong công việc, trong cuộc sống, lòng tin yêu, sự êm ấm trong gia đình, niềm vui trong mối quan hệ với người thân và bè bạn... Khi nhận thức lệch lạc sẽ dẫn đến những suy nghĩ và hành động sai lầm, chẳng hạn như chú ý mũi vào việc kiếm tiền mà quên đi hạnh phúc gia đình, quên

cả bản thân (bỏ qua những niềm vui trong cuộc sống cá nhân, cuộc sống gia đình, xã hội, quên việc quan tâm sức khỏe, việc ngăn ngừa, điều trị bệnh tật, bất chấp tuổi tác v.v.). Có người vì mục tiêu kiếm cho thật nhiều tiền mà không ngại dùng những âm mưu thủ đoạn xấu xa đen tối, gây tạo tội ác, vi phạm pháp luật, trái với đạo đức, chẳng hạn như tham nhũng, tham ô, lừa đảo chiếm đoạt, trộm cướp, cờ bạc, bán sắc buôn hương...

Hiện nay báo chí rầm rộ phê phán tình trạng các ca sĩ, diễn viên đang tạo tên tuổi, sự thu hút bằng cách “khoe hàng”, ăn mặc hở hang phô bày hình thể. Nguyên nhân của hiện tượng này cũng là sự nhận thức sai lầm, lệch lạc về cái đẹp, về giá trị con người, giá trị nghệ thuật. Một ca sĩ, diễn viên đẹp trong mắt người hâm mộ là một người không chỉ có vẻ đẹp bên ngoài (nhan sắc, hình thể) mà còn ở chỗ trình độ nghệ thuật, phong cách biểu diễn, tinh thần phục vụ, đạo đức nghề nghiệp...

Có tình tế, có biết cảm nhận niềm hạnh phúc trong cuộc sống hay không cũng là nguyên nhân khiến cho người ta có hay không có hạnh phúc. Việc có được một đời sống cân đối, hài hòa giữa vật chất và tinh thần, giữa cá nhân, gia đình và xã hội là điều không phải dễ. Có người thành công ngoài xã hội nhưng thất bại trong gia đình, có người thì ngược lại, thành công trong gia đình nhưng không thành công ngoài xã hội. Nếu cứ cho rằng phải đạt được mục tiêu này, tiêu chí nọ thì mới có niềm vui, mới có hạnh phúc, rồi quên bỏ tất cả những giá trị sống khác, để cố sức đạt được mục tiêu thì cả một quá trình phấn đấu là cả một chặng đường nhọc nhằn không hạnh phúc. Nhưng nếu tinh tế hơn, biết cảm nhận niềm vui, hạnh phúc trong quá trình sống và làm việc, trong quá trình nỗ lực phấn đấu, ý thức được rằng hạnh phúc luôn có mặt trên mỗi chặng đường ta đi qua, ta phải biết cảm nhận nó, thì dù chưa đạt được mục tiêu ta vẫn có hạnh phúc, ta vẫn có niềm vui. Còn như đợi đạt được mục tiêu rồi ta mới có hạnh phúc thì biết đâu sau mục tiêu đó còn có các mục tiêu khác được đặt ra, đâu là mục tiêu cuối cùng; mà như vậy, hạnh phúc có được chỉ là thứ hạnh phúc tạm thời và ngắn ngủi, biết bao giờ ta mới có được hạnh phúc lâu bền? Hoặc nếu như ta không đạt được mục tiêu thì sao? Đâu chắc mọi sự nỗ lực đều thành công cả. Ví dụ một người nuôi con, nếu cứ nghĩ rằng mình chỉ thấy vui, thấy hạnh phúc khi con mình lớn khôn, ăn học thành tài, thì người đó sẽ không có được hạnh phúc khi con mình còn bé nhỏ. Trên thực tế người đó có thể rất hạnh phúc khi vui đùa bên con, khi đưa đón con đến trường, khi ru con ngủ, khi mớm con ăn v.v.; có nghĩa là người ấy có thể tìm thấy hạnh phúc trong quá trình nuôi con khôn lớn. Bởi thế, có hạnh phúc hay không có hạnh phúc, có hạnh phúc nhiều hay có hạnh phúc ít còn tùy thuộc vào việc ta biết cảm nhận hạnh phúc hay không, và cảm nhận ít hay nhiều, tùy thuộc vào việc ta biết tạo ra hạnh phúc cho chính mình hay không. ■



Kẻ phóng hỏa giấu mặt

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Trong hội nghị của Hiệp hội Tim mạch châu Âu 2011 tổ chức tại Paris (Pháp), có một đề tài nghiên cứu được sự quan tâm của những ai chú ý đến các bệnh tâm thể (Psychosomatic diseases, tức các bệnh nổi nôm na là liên quan cả thân và tâm). Đề tài này cho biết những người hay bị căng thẳng và giận dữ dễ khởi phát cơn nhồi máu cơ tim dẫn đến tử vong. Như vậy, y học có thêm chứng cứ là sân hận sẽ dẫn đến bệnh hoạn của thân. Từ xa xưa, thẩm nhuần giáo lý nhà Phật, nhiều người đã nêu ra sự ví von rất hay, rằng “tham sân si” chẳng khác chi ngọn lửa có thể thiêu đốt hình hài con người. Nếu hiểu “thiêu đốt” ở đây là bị bệnh tật, kể cả sự lão hóa, thì đúng là có “ngọn lửa” thiêu đốt cơ thể chúng ta thật. Và ngọn lửa đó, tạm gọi là “giấu mặt”, vì ta thường không nhận biết được mà tác hại thì khôn lường, nay đã được phát hiện.

Bệnh tật thường được xem là đối nghịch với sức khỏe. Còn lão hóa là quá trình làm cho người ta già đi nhưng cũng là đối nghịch với sức khỏe vì thông thường lão hóa kèm theo bệnh tật. Điều đáng quan tâm là lão hóa xảy ra sớm hơn bình thường. Một dấu hiệu cho

thấy sự lão hóa là tóc bạc. Chuyện xưa kể rằng có người còn trẻ nhưng quá lo lắng về vận mệnh đất nước chỉ sau một đêm thức trắng lo nghĩ, mái tóc người đó đang đen trở thành bạc trắng. Như vậy, một yếu tố tiêu cực trong cuộc sống là lo âu căng thẳng làm cho người ta có thể bị già sớm. Theo một nghiên cứu của một số nhà khoa học thuộc Đại học Bradford (Anh) cách đây không lâu, một nguyên nhân gây ra tóc bạc là do có sự tích tụ hydrogen peroxid (H_2O_2) tại chân tóc. Nhiều người đều biết, hydrogen peroxid là một chất sát trùng dùng ngoài da nhờ tác dụng oxy hóa và đặc biệt, chất này có tác dụng tẩy trắng. Chính hydrogen peroxid được sinh ra trong cơ thể là chất có hại, và theo nghiên cứu vừa kể, nó gây ra dấu hiệu của sự lão hóa là tích tụ tại chân tóc, cản trở sự hình thành sắc tố melanin của tóc và làm tóc bạc. Hydrogen peroxid còn được gọi là chất tạo ra gốc tự do. Vậy gốc tự do là gì? Nếu hiểu biết về nó, có thể ví von đó chính là kẻ phóng hỏa giấu mặt trong cơ thể ta.

Chất gây phản ứng oxy hóa, còn gọi là gốc tự do, là những phân tử hay hợp chất có chứa điện tử độc thân không ghép đôi. Ai biết về hóa học đều biết, trong cấu

trúc của những phân tử hay hợp chất có tính bền vững, các điện tử đều ghép đôi; nếu chúng chứa điện tử độc thân, các điện tử độc thân đó sẽ tương tác với nhau tạo ra phản ứng hóa học. Chính do chứa điện tử độc thân mà gốc tự do có hoạt tính rất mạnh, nó luôn mang tính "hủy hoại", sẵn sàng thực hiện *phản ứng oxy hóa* (để tất cả điện tử trong cấu trúc hợp chất ghép đôi không còn điện tử độc thân nữa). Phản ứng oxy hóa thường thấy hằng ngày là phản ứng "đốt cháy" của lửa, còn trong cơ thể phản ứng "đốt cháy" của gốc tự do êm ái hơn nhiều, diễn ra một cách thầm lặng, và vì thế có thể ví von gốc tự do chính là kẻ phóng hỏa giấu mặt trong cơ thể ta. Chính kẻ phóng hỏa này gây hủy hoại tế bào (đặc biệt ở màng tế bào hoặc cấu trúc di truyền trong nhân tế bào), phá hủy các mô gây nên quá trình lão hóa. Oxy (dưỡng khí) mà ta hít thở hằng ngày là chất cần thiết nhưng chính nó trong cơ thể cũng trở thành gốc tự do (khi đó gọi là oxy đơn bội) và kết hợp với phân tử nước để tạo ra hydrogen peroxid, còn lipid (chất béo) trong cơ thể có thể tạo thành gốc tự do là lipoperoxid. Các hiện tượng như *hô hấp trong tế bào* hoặc *giải độc ở gan* đều là các hoạt động làm sinh ra gốc tự do. Quan trọng hơn hết là trong cơ thể khỏe mạnh, gốc tự do sinh ra có giới hạn, không quá thừa để gây hại, bởi vì, bên cạnh các gốc tự do luôn có hệ thống các *chất chống oxy hóa "nội sinh"* (tức có sẵn trong cơ thể) cân bằng lại, vô hiệu hóa các gốc tự do có hại. Hệ thống các chất chống oxy hóa nội sinh gồm các enzym như *glutathione peroxidase, superoxide dismutase...*, đặc biệt là *vitamin C, vitamin E, beta-caroten (tiền vitamin A), khoáng chất selen "nội sinh"* có sẵn trong cơ thể, xúc tác các phản ứng vô hiệu hóa gốc tự do (còn gọi là "bẫy" gốc tự do) giúp cơ thể khỏe mạnh. Chỉ khi nào gốc tự do sinh ra quá nhiều và hệ thống chất oxy hóa nội sinh không đủ sức cân bằng, cơ thể sẽ sinh ra các rối loạn bệnh lý. Có hai trường hợp gốc tự do phát sinh ra rất nhiều trong cơ thể ta. Thứ nhất là do ô nhiễm môi trường, do tia cực tím từ ánh nắng, do khói thuốc lá, do viêm nhiễm trong cơ thể, thậm chí do dùng một số dược phẩm... làm cho cơ thể sinh ra nhiều gốc tự do. Thứ hai là tâm ta thường xuyên bồn loạn, đặc biệt bị stress bệnh lý, đưa đến cơ thể ta rối loạn cũng sinh ra rất nhiều gốc tự do. Hiện nay người ta đã chứng minh, khi có sự tăng quá nhiều gốc tự do sẽ gây ra tình trạng viêm nhiễm ở các cơ quan, bị các bệnh lý như tim mạch, bệnh thần kinh, đục thủy tinh thể, thoái hóa hoàng điểm ở mắt, tăng nguy cơ các bệnh ung thư và nhất là sớm xuất hiện hiện tượng lão hóa. Tức là các tế bào mau già đi, sớm đến thời điểm diệt vong. Cơ quan dễ bị lão hóa nhất chính là lớp da bảo vệ cơ thể là nơi dễ bị tác động bởi tia cực tím của ánh nắng, hứng chịu tác hại của ô nhiễm môi trường cộng thêm lối sống của người thường xuyên bị stress, lo lắng, phiền muộn, căng thẳng, sai lầm trong dinh dưỡng, thói quen lạm

dụng độc chất (như hút thuốc, uống rượu, kể cả dùng dược phẩm) mà lớp da, đặc biệt lớp da mịn màng của người phụ nữ, nhất là da mặt sẽ chóng nhăn cần cỗi, không còn sức sống tươi mát do có sự bội tăng gốc tự do gây lão hóa.

Để chống lại sự bội tăng các gốc tự do sinh ra quá nhiều mà hệ thống "chất oxy hóa nội sinh" không đủ sức cân bằng để vô hiệu hóa, các nhà khoa học đặt vấn đề dùng các *"chất chống oxy hóa ngoại sinh"* (tức là từ bên ngoài đưa vào cơ thể) với mục đích phòng bệnh, nâng cao sức khỏe, chống lão hóa. Các chất chống oxy hóa ngoại sinh đó đã được xác định, đó là beta-caroten, chất khoáng selen, các hợp chất flavonoid có trong nhiều dược thảo, polyphenol (có trong trà xanh)... Các chất oxy hóa ngoại sinh đó thật không xa lạ, chúng có từ các nguồn thiên nhiên là thực phẩm như rau cải, trái cây tươi. Đơn cử là beta-caroten là chất chống oxy hóa rất tốt có nhiều trong dầu gấc, và quả gấc là loại quả mà từ xưa ông bà ta đã dùng nấu xôi gấc nhằm tạo thức ăn ngon miệng có màu đỏ cam đẹp mắt (các loại rau quả củ có màu đỏ cam như cà chua, cà rốt cũng chứa nhiều beta-caroten). Beta-caroten khi đưa vào cơ thể ngoài tác dụng chống oxy hóa còn biến thành vitamin A mà cơ thể cần đến hằng ngày cho hoạt động thị giác và sức đề kháng chống lại bệnh tật. Dùng beta-caroten từ thiên nhiên thì rất an toàn, không sợ bị ngộ độc do dùng quá nhiều như vitamin A (beta-caroten thực chất là hai phân tử vitamin A liên kết tạo thành duy nhất một chất, dùng thừa beta-caroten vào cơ thể được chuyển hóa tách thành vitamin A đơn độc vừa đủ chứ không thừa, vì vậy, chế phẩm bổ sung vitamin A cho phụ nữ có thai thường dùng beta-caroten thay vì vitamin A để không bị ngộ độc do thừa vitamin A). Để phòng chống bệnh tật, làm chậm lão hóa, ta có thể ngăn ngừa sự tăng sinh các gốc tự do có trong cơ thể bằng cách góp phần chống ô nhiễm môi trường, vệ sinh cá nhân thật tốt, dinh dưỡng đúng cách, tránh ăn uống quá thừa năng lượng (nên ăn nhiều rau cải, trái cây tươi là nguồn cung cấp các chất chống oxy hóa ngoại sinh đã nêu ở trên), vận động hợp lý, tránh nghiện rượu, thuốc lá, phòng các bệnh viêm nhiễm...

Bên cạnh bổ sung các *"chất chống oxy hóa ngoại sinh"* ta đừng quên phòng chống stress. Để hóa giải stress, ta cần có cuộc sống lành mạnh giúp thư thái, lạc quan, yêu đời. Thế giới hiện nay quan tâm ngày càng nhiều đến phương thức hóa giải stress một cách hữu hiệu đã được các nhà tu học phương Đông thực hành từ ngàn xưa, đó là Thiền. Nếu stress tạo ra do sự vọng thân trong sự đảo điên của cuộc sống thì Thiền là sự im lặng tuyệt đối để khám phá lấy chính mình, để thấu hiểu cái giả trong tâm tưởng tạo ra "ngọn lửa" thiêu đốt mình như thế nào. Xin mạo muội ví von Thiền chính là chất chống oxy hóa triệt để nhất, có thể dập tắt kẻ phóng hỏa giấu mặt trong ta. ■

Hương Thọ, xứ sở lễ hội

Bài và ảnh: XUÂN TRƯỜNG

Làng Hải Cát, thuộc xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên-Huế, không thuộc vào hàng trù phú vì chỉ có gần 140 hộ dân định cư trên khoảng 100 ha đất. Nhưng nếu phải tìm một ngôi làng ở miền Trung mà hằng năm có nhiều lễ hội lớn bậc nhất, hẳn Hải Cát sẽ không nằm ngoài danh sách đó...

Từ đồi Vọng Cảnh nhìn xuống, làng Hải Cát nằm án ngữ trên một vùng đất thấp, vắt mình bên dòng Hương Giang thơ mộng. Cách TP. Huế chỉ một khúc sông, nhưng hầu như sợi dây nối Hải Cát với chốn thị thành chỉ là những bó rau hay mớ hoa quả trồng thành xuôi thuyền xuống chợ Đông Ba. Nhưng cũng nhờ thế mà cư dân nơi đây vẫn giữ được nhiều chất quê thuần khiết. Và thực tế, nếu cần sự tiếp nhận nền văn minh hiện đại, họ cũng chẳng phải đi đâu xa. Bởi quanh năm, đã có khách thập phương tấp nập về đây dự hội, lễ với nhiều lễ hội văn hóa, lịch sử, tâm linh...

Theo biên niên sử của làng, những họ tộc đầu tiên đến nơi này là họ Tống, họ Trần... và gây dựng đã hơn 10 đời nay. Lật từng trang trong cuốn gia phả cũ, trưởng

làng Hải Cát là cụ Trần Văn Huỳnh đã 73 tuổi thủ thi dẫn dụ về tích làng ở nơi "núi Ngọc gặp sông Hương" nhuộm màu huyền bí.

Tương truyền, xưa kia có một dải núi nổi từ đại ngàn Trường Sơn xuống, chưa về tới đồng bằng thì bị hai nhánh nước ngoằn ngoèo túm lại, tạo thành một dòng Hương Giang êm đềm chặn đứng. Dải núi uất ức vồng lên cao thành một ngọn "vừa tròn, vừa đẹp như hình cái chén úp", dân gian gọi tên núi là Hòn Chén - vùng quán cư của người Hải Cát bao đời nay. Ở chính nơi sơn thủy gặp nhau ấy là một cái vực sâu, nước đen ngòm. Cũng truyền rằng vực này không có đáy và chính là cung điện của Thủy thần. Nơi đây vẫn hay xuất hiện một "con giải" (từ dân gian dùng để gọi con rùa khổng lồ) to bằng chiếc chiếu, quần thảo trong vực, tạo thành những luồng sóng mạnh cao ngất, đen thẫm và làm nên nơi sâu nhất của dòng sông Hương.

Nay, đất Hải Cát nằm bên bến phà Tuấn, hai dòng hợp lưu chặn núi ấy là Tả Trạch và Hữu Trạch. Thuở khai canh, Hải Cát là đất của người Chăm pa với điện thờ thánh mẫu Ana, có tên Chăm là Ponagar. Theo truyền

thuyết, thánh mẫu là vị thần sáng tạo ra đất đai, lúa mạ, cây cối... Khi những cư dân đầu tiên đặt chân mở cõi Hải Cát (thuộc đất Thuận Hóa bấy giờ) thấy linh thiêng cũng thờ, gọi là Thiên y Ana và tôn bà làm Thành hoàng làng. Với địa thế “cận giang” có đất đai màu mỡ thu hút, dân kéo đến lập nghiệp càng lúc càng đông, chẳng bao lâu đã hình thành một ngôi làng. Cuối thế kỷ XVI, tên làng đã có trong danh mục hàng xã của xứ Thuận Hóa. Đời nối đời, dân Hải Cát sống dựa vào cây lúa nước sinh sôi nhờ phù sa sông Hương bồi đắp. Trong tiềm thức người làng, chính dòng Hương Giang và vị Thiên y Ana đã mang lại cho họ cuộc sống ấm êm. “Hải Cát được xem là điểm cực Tây, là ngôi làng thuần Việt với nghề trồng lúa nước đầu tiên ở đất Thừa Thiên. Ruộng lúa ở đồng Cây Sung và đồng Đái Voi làm ra đủ gạo cho dân làng sống dư dả và mang xuống kinh đô trao đổi”, ông Huỳnh tự hào. Dần dà, không chỉ Hải Cát mà hầu hết những ngôi làng dọc sông Hương cũng tôn thờ thánh Thiên Y Ana để phù trợ sản xuất.

Đến thời triều Nguyễn, Hải Cát luôn được tôn vinh bằng nhiều sắc phong. Đất làng còn được nhiều vua quan chọn làm nơi yên nghỉ bởi cảnh phong thủy hữu tình và được cho là có long mạch tốt. Trong 13 đời vua nhà Nguyễn, vua Đồng Khánh rất ngưỡng mộ thánh mẫu. Năm 1886, ông cho tu sửa đền, ban hiệu là Huệ Nam điện (Huệ Nam là ban ơn huệ cho nước Nam) và làm nhiều thơ văn ca tụng công đức của Thiên y. Ông còn xuống chiếu, dụ tổ chức Quốc lễ vào dịp xuân - thu nhị kỳ hàng năm để tỏ lòng ngưỡng vọng Thiên y Ana mà vị chủ tế chính là nhà vua hoặc một triều thần có vai vế. Đến các đời sau, nhà vua chỉ cử quan đại thần tới làm chủ tế một lần vào tháng Ba, còn vào tháng Bảy, hoạt động cúng tế do làng Hải Cát tự tổ chức và coi sóc các miếu điện.

Cũng nhờ truyền thống và truyền thuyết về vùng đất thánh, Hải Cát trở thành ngôi làng tổ chức nhiều lễ hội lớn bậc nhất ở Thừa Thiên-Huế với cả chục lễ hội mỗi năm. Ông Huỳnh dẫn giải: “Số ngày dân tham gia hội hè có khi gấp đôi số ngày xuống ruộng. Lớn nhất là hội ở Điện Hòn Chén (nơi thờ Thánh mẫu) để tưởng nhớ công ơn thánh mẫu Thiên y Ana và công lao các bậc sinh thành”. Theo nhận định của nhiều nhà Huế học thì lễ hội Điện Hòn Chén là lễ hội duy nhất còn kết hợp nghi thức cúng đình với tín ngưỡng dân gian; tuy nhiên, cũng có đánh giá cho rằng ở đây có sự trộn lẫn giữa lễ hội và đồng bóng, giữa văn hóa tâm linh và mê tín dị đoan. Đều đặn vào tháng Ba và tháng Bảy âm lịch, Hải Cát luôn nhộn nhịp trong không khí lễ hội. “Rộn ràng tháng Bảy vía Cha, tháng Ba vía Mẹ”. Không riêng người Huế, mà đông đảo khách thập phương cũng về tham gia lễ.

Một chương trình đặc sắc trong các kỳ Festival Huế 2010 là “Huyền thoại sông Hương” cũng lấy đình làng Hải Cát và đoạn sông này làm điểm nhấn. Tái hiện lại



trên khúc sông dài là khung cảnh làng Việt xưa với nghề chài lưới và gieo cấy lúa nước, khiến cho cảnh xưa như được sống dậy. Các bộ lão chủ trì các lễ cúng mùa màng, cầu thần linh phù trợ sản xuất. Vua Nguyễn dâng hương tại điện Hòn Chén cầu Thánh mẫu phù hộ để quốc thái dân an. Xen lẫn trong năm còn có các lễ hội như: Lễ cầu yên Mở cửa rừng, Lễ Xuống đồng, Lễ Cửu trùng... Vào kỳ lễ hội, khách thập phương luôn nhiều hơn dân làng, Hải Cát chìm trong không khí náo nhiệt. Dân làng có thể bỏ một buổi ra đồng nhưng chẳng ai lại tách mình ra khỏi hội. Cứ như thế, dân làng thu nhập từ các dịch vụ từ các lễ hội nhiều hơn là những ruộng lúa, đổi chè, cây ăn quả...

Đã có người nghĩ rằng thánh mẫu Thiên y Ana là một trong những hóa thân của Đức Bồ-tát Quán Thế Âm. Dù sao thì hình tượng Mẹ cũng là một trong những nguyên lý tín ngưỡng trong dân gian ở khắp mọi nơi trên thế giới. Việc tín ngưỡng đối với thánh mẫu Thiên y Ana ở điện Hòn Chén cũng không ngoài nguyên lý ấy và còn có ý nghĩa thể hiện văn hóa truyền thống của dân tộc Việt về lòng biết ơn. ■

Rơm rạ... mùa

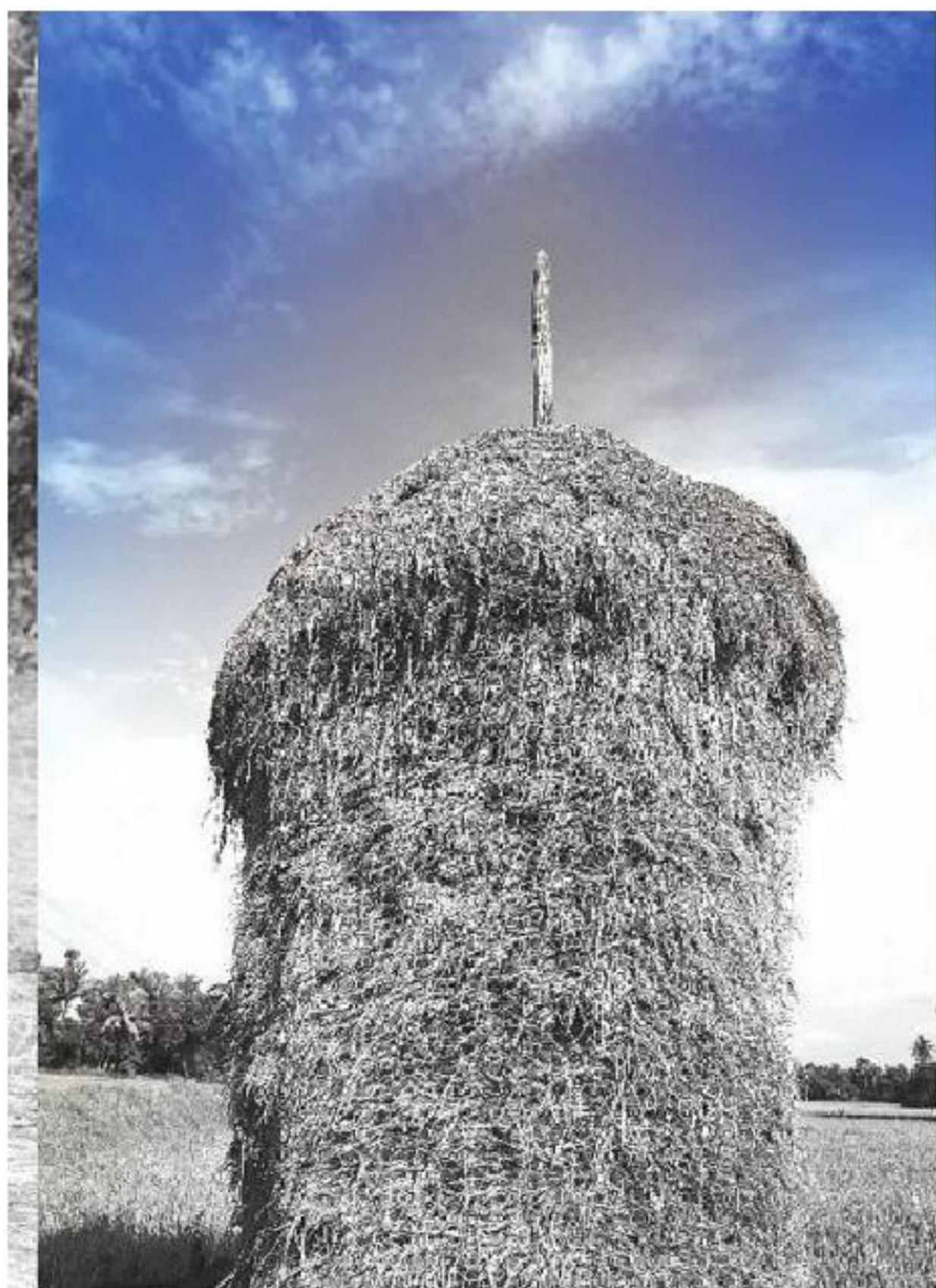
NGUYỄN HẠNH

Cuối tháng Tám âm lịch, đã nghe trong gió chút se lạnh của một chiều cuối ngày. Không còn tiếng trống múa lân của bọn trẻ inh ỏi khắp xóm nữa, chỉ có tiếng gọi nhau í ới của bà con đi thăm đồng về mỗi chiều. Bầu trời cao xanh lồng gió như tổ điểm cho sắc trời cuối thu, chút nắng vàng hanh hao trải dài trên cánh đồng lúa chín trước nhà. Ba tôi bảo, cuối thu là trời đồng đánh những cơn mưa, chợt mưa chợt nắng nên cả nhà mình lựa ngày gặt lúa là được rồi, dù gì thì cũng "xanh nhà hơn già đồng". Quê tôi khúc ruột miền Trung thời tiết thất thường, oằn vai gánh trên mình biết bao nỗi "tức giận" của ông trời. Vì thế, lúc này bà con đang hối hả chuẩn bị gặt lúa về. Thế rồi, những sân phơi vàng óng lúa, và trên khắp các ngã đường từ nhà đến đồng bãi, đâu đâu cũng một màu vàng ươm của rơm rạ. Tôi còn nhớ những ngày thơ trẻ, buổi trưa nằm vông ở hàng hiên nhà lắng nghe trong tiếng gió vi vu, thoang thoảng một mùi hương nồng nàn từ những cọng rơm vàng...

Khi lúa trên đồng đã ngả vàng là lúc hương lúa chín bắt đầu ngào ngạt trong gió sớm, ấy là khi người dân quê tôi hối hả cắt lúa. Gà vừa cất tiếng gáy canh một, mẹ tôi đã thức dậy thổi bếp nhóm lửa, nấu nước, chuẩn bị thúng mủng, liềm hái cho cả nhà; sau bữa ăn sáng đậm bạc, cả ba mẹ và mấy chị em tôi đều ra đồng từ sáng sớm khi sương còn từng giọt long lanh trên ngọn cỏ; để đến lúc chiều về, nắng nhạt tận chân ruộng, cánh đồng rộn rã tiếng nói cười, thì người lớn

kêu kịt trên vai những gánh lúa đầy còn trẻ con chạy theo nhảy chân sáo trên những bờ ruộng, hợp đoàn với người làng, gánh lúa về tuồn đầy trước sân nhà. Và trên đám ruộng, chỉ còn trơ lại gốc rạ, là những hàng rơm vàng được phơi ngay ngắn ngóng nắng trời để khi đã khô sẽ được đem về chắt thành cây rơm cao, dành cho những lúc thiếu củi chụm bếp hoặc làm thức ăn cho trâu bò trong những ngày mưa, lũ...

Đến bây giờ, tôi vẫn còn nhớ như in hình ảnh bà nội tôi ngồi trước hiên nhà, tự tay bà vuốt, lựa ra những thân rơm vàng óng, cứng cáp rồi lấy lạt tre buộc lại, làm thành những chiếc chổi rơm xinh xắn. Bà cẩn thận và tỉ mỉ, tùy thân rơm mà tách ra từng loại chổi, vừa làm vừa thủ thỉ kể đủ thứ chuyện cho đám cháu nghe. Chỉ tay vào những chiếc chổi rơm vàng xinh xắn, nội bảo: Chổi này chỉ dùng để quét bàn thờ ông bà cho sạch sẽ, tinh khiết, chổi kia dùng để quét bàn ăn cơm, chổi nọ quét bếp... Đại loại là vậy, bà nội khéo tay lắm. Rồi nội "phân trần", bàn tay tết chổi rơm cũng như các cháu viết chữ vậy, phải nắn nót, cẩn thận... Lúc ấy còn nhỏ, tôi đâu biết rằng bà nội miệt mài làm việc trong sự thành kính, luôn đặt hết tấm lòng của nội vào từng đồ vật, dù chỉ là những cây chổi rơm quê nhà... Rồi hình ảnh ông nội đến mùa tháng Tám gặt lúa là vớt tre đã ngâm được chừng non nửa năm trôi dưới ao làng lên. Ông lựa những thân tre thẳng, cưa ra, lấy đoạn giữa chẻ hom, vuốt rạ và đánh thành những tấm lợp để lợp mái nhà hoặc lợp chuồng trâu, chuồng bò... Lũ trẻ con chúng tôi lại say sưa nhìn bàn tay ông thoăn thoắt, chia từng nắm rơm vàng đã



được vuốt cẩn thận đan lại thành từng tấm. Tôi nhớ, ngôi nhà mình ngày xưa chỉ được lợp bằng tranh bằng rạ, mà mùa hè thì mát mẻ vô cùng còn mùa đông thì ấm áp lắm. Nhưng tranh rạ thì chỉ chịu mưa chịu nắng được hơn một năm thôi nên năm nào ba tôi, ông nội tôi cũng loay hoay chọn vài đám ruộng lúa chín không bị gió làm ngã rạp, thân rạ hãy còn cứng cáp để đến sau mùa gặt tháng Tám âm lịch là lợp lại nhà, chuồng trâu, bò... Sau này lớn lên xa quê đi học, tôi càng thấm thía hơn hai câu thơ của nhà thơ Trần Đăng Khoa *"Mái tranh ơi hỡi mái tranh/ Thấm bao mưa nắng mà thành quê hương"*. Và tôi cũng nhớ mãi lời ông nội dặn dạy rằng: Hạt lúa là hạt ngọc của trời đất, cây lúa là lộc của trời đất vì từ cái rơm cái rạ cũng chẳng bỏ đi mà còn có nhiều lợi ích, như lợp nhà, nhóm lửa, cho trâu bò ăn, trát vách... Cho nên, cổ cúng ông bà tổ tiên, trời đất thì không thể không có chén cơm trắng ngần. Lời của ông nội đã đi vào thế giới tâm hồn tuổi thơ tôi, thấy đồng lúa vàng trước nhà mỗi mùa gặt về như bức tranh đồng quê có nhiều phép nhiệm màu.

Nhắc đến rơm vàng thì không thể nào quên những "cây rơm" mà nhà nào ở quê tôi nào cũng có. Cái thú hồn nhiên của trẻ nhỏ là được "tham dự" vào việc người lớn xây rơm. Một cây trụ chính bằng tre chôn sâu ở góc vườn nhà, xung quanh còn chôn thêm khoảng ba đến năm trụ phụ nữa. Thuở nhỏ, mấy chị em tôi là cả một "đội quân" giúp ba chất rơm. Ba tôi bảo các con rải rơm đều rồi dậm sao cho rơm nện chặt vào cây chống. Ai cũng hăng hái. Dù sợi rơm cọ xát vào da làm khó chịu,

nhưng cũng bỏ cho những lúc thích thú được nằm ngửa trên lớp rơm vàng, ngắm nhìn bầu trời cao xanh, nghe làn gió xào xạc trong vườn nhà mát rượi đông đưa những tàu lá chuối xanh rờn; cảm giác như những chú chim non nằm gọn trong tổ mà cười vui tít mắt. Ba tôi bảo các con nhanh tay nhanh chân hơn, chứ đang chất rơm mà gặp trời mưa là coi như hỏng hết. Mấy cha con hồi hã, rơm khô được nắng thơm lừng, chẳng mấy chốc đã thành cây rơm đứng lừng lững trước sân nhà... Lại nhớ đến mùa mưa, sau những trận mưa thì thế nào quanh gốc cây rơm cũng sẽ mọc nấm rơm. Thứ này hái vào, rửa sạch, nấu canh với rau hoặc xào qua thì vị giòn ngọt của nấm sẽ không ai có thể quên được.

Những sợi rơm vàng ngày nào đến bây giờ vẫn còn nguyên trong ký ức tuổi thơ tôi nơi quê nhà dấu yêu. Cây rơm đã chứng kiến lũ trẻ chúng tôi vui đùa hay chơi trốn tìm từ nhà này sang nhà khác quanh xóm. Thảm rơm đã đón bước chân trẻ thơ tôi dịu êm, ấm áp trên những con đường làng đến lớp, ra đồng, ra bãi. Những ngày mưa gió, bão lụt không giống bò, giồng trâu ra đồng được, đứng bên cây rơm trong vườn nhà rút từng nạm rơm khô giòn, thơm lừng cho trâu bò ăn, tôi có cảm giác như cái lành lạnh của gió heo may không còn nữa, đúng là như bài thơ *Hơi ấm tổ rơm* thời nhỏ ẽ a học ở trường làng.

Bây giờ đang là mùa gặt. Dù không nhiều như ngày xưa nhưng trên lối đường quê vẫn vàng ươm những con đường rơm thơm ngát, đủ để chạm khế trong tôi ký ức của thời hồn nhiên thơ bé vô tư. Tôi nhớ và yêu vô cùng cánh đồng lúa vàng trải dài trước nhà với biết bao kỷ niệm. Tôi đã xa quê nhưng không thể nào quên được những sợi rơm vàng. Nó như nhân chứng vắt ngang qua tuổi thơ với miền ký ức đầy nắng gió. Miền ký ức ấy có ông bà, cha mẹ, có bạn bè dấu yêu, ngọt ngào, đậm thấm biết bao. Sợi rơm óng ánh vàng rộm nắng trời như níu bước chân tôi về với đồng đất quê nhà. Nơi ấy là con mương nước chảy rào rào vào từng đám ruộng, là đám tre con vạch từng rãnh lúa đầy bùn lầy bắt cá rô đồng, là ngồi trên lưng trâu hát nghêu ngao. Lại được nghe giữa cảnh đồng quê bình yên có tiếng chim cu gáy xa xa... Biết bao kỷ niệm tinh khôi của ngày xưa xa lắc... Và thấm biết ơn phù sa sông mẹ Thu Bồn, bồi đắp mỗi mùa cho cánh đồng thêm lúa trĩu hạt. Thấm biết ơn ông bà, cha mẹ tần tảo sớm hôm, một nắng hai sương cho tôi lớn lên, được học hành. Tôi càng hiểu hơn, mỗi cọng rơm vàng ấy đã thấm đẫm bao giọt mồ hôi... Và tôi vẫn tự hào với chính mình rằng, mình sinh ra từ bờ tre gốc rạ làng quê, có bầu trời trong xanh và có cả những cọng rơm vàng. Mỗi ngày tôi vẫn nhắm thắm câu thơ của anh bạn đang ở quê nhà *"Tôi còn rơm rạ mùa quê/ Thương sông con nước bọn bé phù sa"*. Nao lòng khi bất chợt nhớ lại... rơm rạ mùa, lòng ai mà không lắng lại, để được sống yêu thương hơn... ■



Miền Nam bây giờ thường có mưa. Sau một ngày nắng nóng oi ả, cơn mưa đến vội vàng và bất ngờ như nỗi nhớ trong tôi. Thật lạ và trùng hợp, giờ này, quê mình cũng là mùa mưa, mưa ngâu.

Mưa ngâu đến hàng năm theo định kỳ và kéo dài lê thê cả tháng. Vẫn nhớ, buổi tối mẹ nhìn mưa rả rích trên mái hiên mà than thở, không khéo ngày mai bún lại ế. Và tôi biết mẹ buồn, mưa làm cho cái nghèo của gia đình tôi, ngày ấy, thêm nặng nề hơn...

Sáng nào mẹ cũng dậy sớm, đội nón, mặc áo mưa gánh bún đi chợ. Mẹ là người cẩn thận, hai thùng bún được mẹ che chắn còn hơn chính bản thân mình. Mẹ sợ mưa làm bún ướt bán không được giá.

Ngày đó, quê tôi toàn là đường đất chứ làm gì có bê tông như bây giờ. Mùa mưa, nhất là chập tháng Bảy mưa ngâu, đường làng trơn như đổ mỡ. Mẹ phải dậy sớm hơn, lặn mò từng bước dưới trời mưa cho kịp buổi chợ phiên. Hình ảnh đôi vai gầy, chiếc nón lá màu xám xỉn và đôi quang gánh rung rinh dần dần chìm khuất vào làn mưa, vào hun hút con đê làng đã đọng lại trong tôi suốt những năm tháng ấu thơ ngày đó.

Đôi quang gánh ấy, mẹ đã nâng đỡ tuổi thơ và cả gia đình tôi qua những năm tháng đầy khó khăn, gian khổ.

Thực ra làng tôi không có nhiều người làm bún.

Mẹ lấy ba nên mang theo nghề làm bún của làng bên về theo. Mẹ bảo, bà ngoại dạy mẹ làm bún từ khi tóc còn chấm ngang vai. Bà ngoại làm bún khéo tay, trắng và mịn lắm. Tôi chưa ăn bún nhà bà ngoại làm nhưng tôi thấy mẹ tôi làm bún rất khéo. Những sợi bún mịn màng chua chua mùi thơm của lúa mới, trắng nõn như da con gái. Mẹ bún đầu tiên lúc nào mẹ cũng dành cho anh em chúng tôi mấy chóc, những chóc bún ấy tôi ăn hoài mà không thấy chán...

Ba tôi bận dạy học nên hầu như mẹ phải làm hết. Nghề bún nom vậy nhưng là một nghề cực nhọc. Thực ra, thỉnh thoảng ba vẫn phải sắp xếp công việc xay bột giúp mẹ vào ban đêm. Có bận, tôi thức xem ba mẹ làm bún tới khuya, nhìn những dòng bột gạo nước trắng tinh tươm chảy từng dòng men theo gờ chiếc cối đá to tướng theo những vòng quay của ba mà vui mắt vô cùng, rồi tôi ngủ lúc nào không hay.

Ngày đó, việc làm duy nhất của tôi giúp ích cho mẹ là lấy lá chuối. Bún thường phải bọc trong lá chuối tiêu mới giữ được vị thơm ngon và không bị dính. Cứ mẹ đi chợ là ở nhà tôi đi tìm lá chuối. Mưa ngâu làm những tàu lá chuối rách tơi tả nên rất khó kiếm. Tôi nhớ, phải vất vả lắm tôi mới lấy đủ lá chuối cho một buổi chợ của mẹ. Những thân cây chuối trơn nhẵn vì mưa làm tôi ướt hết khi trèo. Nhưng khi về rửa lá và xếp ngay ngắn lại tôi



Ảnh: Trần Thế Phong

thấy vui vui vì thành quả của mình; ngoài lấy lá chuối tôi còn phải nấu cơm, cho lợn ăn và trông em nữa. Khi đi chợ về mẹ thường mua quà cho tôi, những chiếc bánh rán đường hay có khi là cặp bánh dầy. Có bạn, bán đất hàng mẹ còn mua cho tôi cả mấy viên bi ve làm tôi hạnh diện với chị em con Nụ mấy ngày liền.

Tuy vất vả nhưng tóc mẹ tôi hồi đó vẫn dài và đẹp lắm. Những chiều mưa, mẹ đun nước gội đầu bằng bồ kết kèm theo lá chanh và sả. Lần nào mẹ cũng gội cho hai em trước. Tôi ngồi cái ghế gỗ cũ đối diện với mẹ, cúi đầu xuống. Bàn tay mềm mại của mẹ vừa gội đầu cho tôi vừa than thở, tóc tôi mau dày quá, cứ đà này không cắt nhanh thì có chấy mất. Rồi mẹ nhẹ nhàng dội từng gáo nước ấm nóng lên tóc tôi. Có bạn, do mải cổ quá tôi ngẩng đầu lên làm nước chảy ròng ròng xuống cổ, xuống lưng. Báo hại mẹ lại phải tắm cho tôi luôn.

Mùi hương bồ kết và bàn tay mẹ mềm mại ngày ấy bây giờ tôi vẫn nhớ, vẫn nao nao trong lòng những buổi chiều mưa muộn...

Thế rồi nghề bún của gia đình tôi cũng dần ế khách. Bây giờ người ta làm bún bằng máy nhanh hơn, mẹ không sao cạnh tranh được. Nhớ mùa ngâu năm ấy, trời đã quá trưa mẹ mới đi chợ về. Không có quà cho anh em tôi, mắt mẹ buồn rười rượi như chục khóc vì gánh bún còn nguyên không bán được. Vậy là ngày

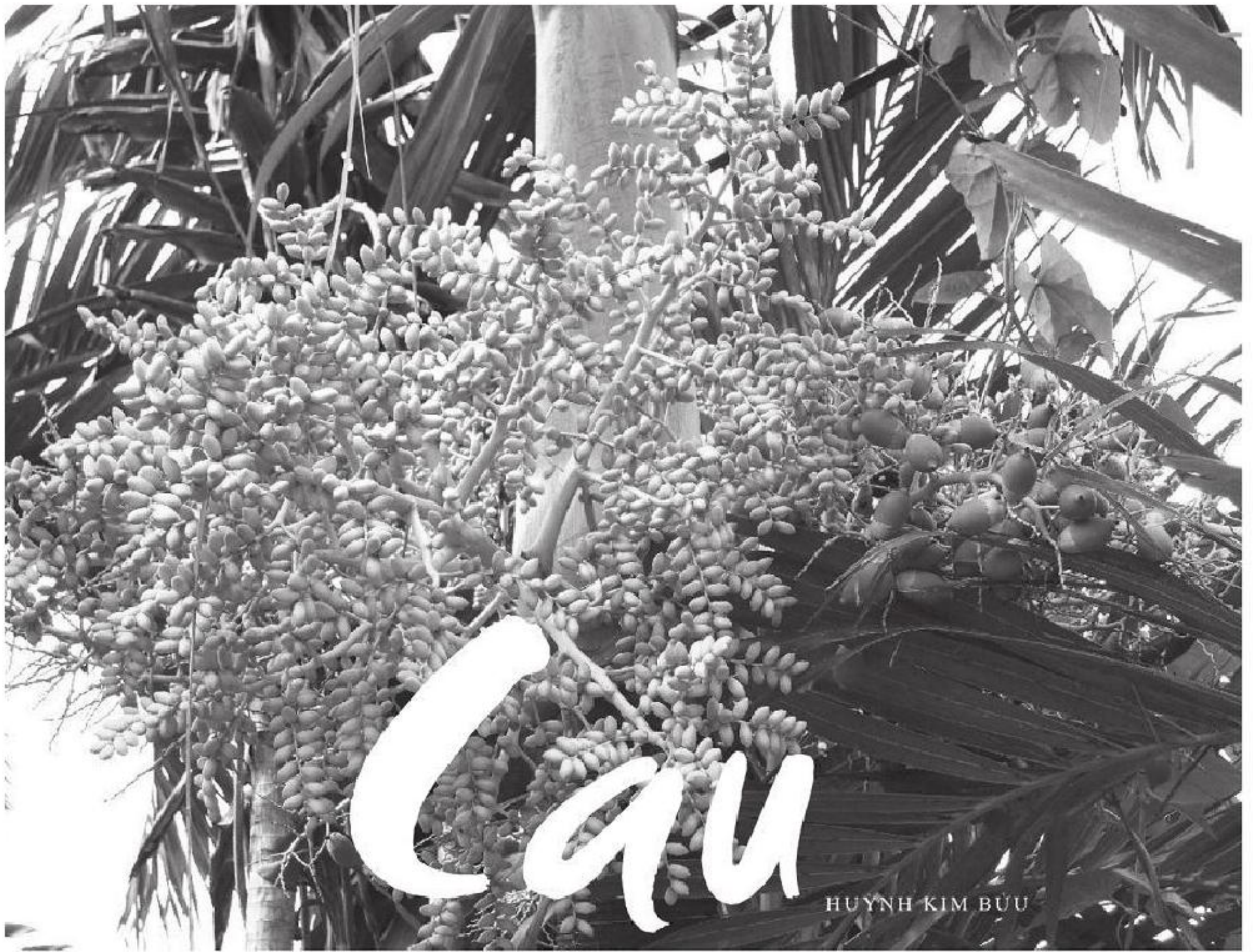
hôm đó cả nhà tôi phải ăn bún trừ cơm.

Sau đó, vì kế sinh nhai cho các con, mẹ tôi chuyển qua nghề bán chè khô. Gia đình tôi có quen biết mấy người trồng chè trong tận vùng Kim Bôi, Lạc Thủy ở Hòa Bình nên hàng tháng ba tôi đạp xe gần năm chục cây số vào đó lấy chè. Mùa mưa, chè hay bị ẩm nên bán chẳng lời lãi là bao, mẹ buồn lắm. Không dừng những cơn mưa ngày ấy đã in vào tâm trí non nớt của anh em tôi những nỗi buồn vô hạn vì gánh nặng mưu sinh và tiếng thở dài khe khẽ của ba mẹ.

Rồi tôi xa nhà vào Nam đi học. Đã sáu mùa ngâu đi qua, sáu lần tôi không về thăm mẹ vào dịp mùa ngâu được, tôi biết mẹ buồn lắm.

Cuộc sống gia đình tôi đã đỡ khó khăn hơn trước do anh em tôi đã lớn và đồng lương giáo viên của ba cũng khá hơn. Mẹ giờ chỉ ở nhà làm những việc vặt vãnh. Nhưng như thế mẹ lại hay buồn, vì thời gian rảnh rỗi mà những đứa con mẹ yêu thương lại mỗi đứa một nơi, ít khi về thăm mẹ...

Ngoài kia, trời vẫn mưa. Không phải là mưa ngâu nhưng lòng tôi vẫn ướt những giọt buồn ký ức. Ở quê, giờ này chắc mẹ cũng đang ngóng mưa và mong lắm những đứa con cùng tiếng thở dài buồn bã. Không phải vì gánh bún ế khách như ngày xưa mà vì con xa nhà đã mấy mùa ngâu... ■



Trong các làng quê, được trồng nhiều nhất là cây tre, đứng thứ hai là cây cau. Tre được trồng thành hàng, thành lũy bao bọc lấy xóm làng, để người ta gọi cuộc sống trong các làng quê đó là “cuộc sống sau lũy tre làng”. Nhưng ít có nhà không trồng cau. Các ngôi nhà vườn, thường trồng cây theo câu nói dân gian: “*Phía trước trồng cau, phía sau trồng chuối*” để vừa cho khí hậu mát mẻ, vừa cho cảnh quan đẹp, lại cũng vừa cho lợi ích kinh tế.

Cây cau đẹp thật. Thân cây thẳng, cao. Đọt cau là một khóm tàu lá xanh đậm nổi lên dưới vòm trời xanh lơ. Hối nhỏ, nhìn tàu cau trên cao, tôi thường bảo đó là chiếc lược trời; còn những chiếc lược mà má tôi hay chị tôi cắm trên tay chải tóc hoặc đặt trên mái đầu kia thì chỉ là những chiếc lược trời thu nhỏ lại. Chim vẫn bay về làm tổ và rộn tiếng ca trên những ngọn tàu cau. Người đi đường, nhìn vào một xóm nhà, thấy hàng cau khi thì lặng yên, khi phất phơ cùng ngọn gió nồm mát mà cảm giác đó là cảnh yên ả, thanh bình của một miền quê. Người đi xa lâu ngày, trở về, trông cho mau tới chỗ đầu làng để được nhìn thấy hàng cau nhà mình.

Ở nông thôn, nhiều nhà trồng cả một vườn cau liên phòng. Mỗi cây cau thường có dây trầu quấn lấy. Cái rễ của dây trầu mọc từ gốc đến đọt vẫn bám chặt vào thân cau, dẫu phải gió mưa cũng không sờn, không rời. Có phải chăng, vì lẽ đó người ta đã lấy trầu cau làm vật nghi lễ cho cưới xin, như muốn nói lên một điều mong muốn bền vững cho lứa đôi?

Trồng cau được nhiều lợi ích. Cau trổ buồng về đêm. Một đêm yên tĩnh, cái mo cau rụng xuống, là lúc buồng cau và hoa cau nở xòe rồi tỏa hương thơm cho đêm trường. Cau một năm bốn mùa hoa trái. Mỗi mùa cau, buồng trổ trước được gọi *buồng chị*, buồng trổ sau gọi *buồng em*. “Buồng chị - buồng em”, nghe thân thương như mấy chị em nhà nọ! Từ khi cau trổ buồng, người ta theo dõi buồng cau lớn lên mỗi ngày: Thuở đầu là cái “*quả cau nho nhỏ / cái vỏ vân vân*” (Ca dao), cho tới khi cau chín, vỏ ngã từ màu xanh đậm sang màu đỏ tươi. Chẳng biết bác nông dân nào giỏi liên hệ, đặt tên cho phần chóp của quả cau là cái vú cau? Và lũ trẻ nhỏ các xóm quê vẫn vừa chơi “đánh trống âm u” vừa hát: “*Hú hồ... hú hột / Cơm sốt cơm nhão / Cá đao hồng đơn / Cá sơn, cá diếc / Cá liệt ăn trầu / Bò cau bò vú / Vú già vú non / Có đứa cầm hòn / Mà u mà chạy / Chạy thẳng vườn cau*”

/Mà ngồi mà nghĩ..." (Đồng dao). Buồng cau không chờ chín mới hái mà hái lúc nào, tùy ở nhu cầu. Vào bữa cưới xin, thì cần một buồng cau xanh, nhưng phải là cau dấy (cau vừa nhai, không phải cau non mà cũng không phải cau già) để xong lễ, theo tục lệ, cấm đi biếu bà con, hàng xóm. Nhai trầu thì nhai cau tươi (cau dấy) hoặc cau khô ngâm nước cho mềm. Gặp khi cau nhiều quá, nhai tươi không hết, thì đem bồ ba, bồ bốn, phơi khô để dành nhai dần.

Đời là một cuộc đổi thay. Trải nhiều năm nay, lớp người ăn trầu ít dần, cây cau bị bỏ quên. Người ta chỉ trồng cau cảnh, và có ai đó vì "thương hoài ngày xưa" của bà mình, đã không chặt hạ cây cau đứng trong sân. Ngày nay, nghe nói có chỗ thu mua quả cau tươi, cho nên ở vài nông thôn, vài hộ nông dân bắt đầu để ý tới cây cau: cau được trồng và chăm sóc trở lại. Nhớ hồi chín năm kháng chiến, bộ đội, dân quân sắm ống cau khô, ống muối hột đeo bên hông làm thuốc cứu thương dự phòng, thay thuốc kháng sinh.

Cây cau còn đem lại nhiều ích lợi khác cho nhà vườn. Thân cau làm cột nhà, bắc cầu phập phù qua mương nước, sả dọc làm đòn tay nhà, chẻ nan đan rá cái, bọc vườn rau, chặn lũ gà xộc vào bươi bới. Tàu cau tước lấy sống lá bó chổi, lấy mo làm gàu xách nước uống cho mát, làm quạt mo quạt thành phách lúc đêm hè, nằm cơm dờ cho người đi đường xa. Nhớ thuở đi học trường tiểu học xa nhà, sáng nào tôi cũng được má dầy sớm, nấu cơm dờ, nằm trong mo cau cấp cho tôi mang đi học. Thường, má vẫn gói kèm theo nằm cơm một bì muối đồ, có khi là muối mè. Tôi cũng không quên kỷ niệm những lần chờ đợi chiếc tàu cau từ màu xanh chuyển sang màu vàng, rụng xuống, để kịp nhặt lấy, làm con ngựa tàu cau cỡi quanh sân nhà mình, rồi quành ra ngõ xóm để chơi với bạn.

Dầu sao, lợi ích văn hóa, tinh thần của cau mới đáng kể hơn. Từ ngàn xưa, đã có sự tích trầu cau để "vinh danh" một mối tình ngang trái mà chung thủy. Ông bà mình vẫn lấy *"Miếng trầu là đầu câu chuyện"* (Tục ngữ) trong mọi lễ nghi, ứng xử, tiếp đãi nhau. Để nên miếng trầu, không thể thiếu miếng cau (vẫn đi với trầu và cả miếng vôi, miếng rễ...). Ông tiến sĩ Hồ Sĩ Tạo chống Pháp, hồi kháng thuế (1908) ở Bình Định, bị Công sứ Pháp và Tổng đốc Bình Định bắt bỏ tù. Ở trong lao tù chịu nhiều thiếu thốn, ông thường than vãn: *"Có miếng trầu mà không miếng cau / Có miếng rễ mà không miếng thuốc"* (Về ông Tiến sĩ). Trong tình yêu nam nữ ngày xưa, không thể thiếu miếng trầu, miếng cau. Nhờ có nó mà tình yêu trở nên thi vị: *"Trầu xanh, cau trắng, chay (quả chay) hồng / Vội pha với nghĩa, thuốc nồng với duyên"* (Ca dao) *"Nhà em có một giàn giầu / Nhà tôi có một hàng cau liên phòng / Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông / Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?"* (Tương tư - Nguyễn Bính). Lễ hội mùa xuân – mời trầu là dịp cho nam nữ thanh niên gặp gỡ và trao duyên trong cảnh đất trời

tươi đẹp của mùa xuân mới. Xưa nay, cái quạt lông gà của ông quân sư Khổng Minh thì được người ta khen, còn cái quạt mo của mấy ông thầy dùi bầy đại, bị người ta mắng: *"Đồ quân sư quạt mo"*. Cái quạt mo của thằng Bờm, dầu xưa mà thời nào cũng có người thích đi tìm một lời giải mã mới cho câu chuyện.

Chuyện bên lề của cây cau là trèo cau, bẻ buồng. Tôi dám chắc, là trẻ thơ trong các làng quê, ít chú nào không một lần trèo cau. Trèo cau bẻ buồng, thì người lớn không sai bảo, vì sợ nguy hiểm. Nhưng mấy chú bé tinh nghịch vẫn lên người lớn mà trèo cau bắt tổ chim non. Chim sáo, chim sẻ... vẫn làm tổ trên ngọn cây cau. Một tổ chim bị bắt đem đi mất, là trong vườn diễn ra một cảnh chim trời tao tác, bay đi tìm chim non thất lạc, nhưng thường là vô vọng. Người hái cau "không chuyên" tròng cái nài (làm bằng bẹ chuối khô) vào đôi bàn chân mà cứ nhún nhảy tại chỗ, lưng tom lại, hai tay ôm ghì thân cau, mặt ngược nhìn đọt cau, không chịu trèo. Vì anh ta nhát. Trái lại, người trèo cau "chuyên nghiệp", không cần nài, thoắt cái, anh ta đã ở trên ngọn cây, bẻ buồng, cột dây thả xuống. Trong vườn cau liên phòng rậm rạp, các ngọn cau giao nhau. Bởi đó, người hái cau cứ nhẹ nhàng, nhanh nhẹn chuyển từ đọt cây cau này sang đọt cây cau kia, khỏi mất công trèo lên tuột xuống nhiều lần. Trẻ con thành phố mà về quê, nhìn thấy anh "thợ" hái cau chuyển trên đọt cây cau, đường nào cũng liên hệ tới mấy chú khỉ leo trèo không ngớt trong sở thú, trong thảo cầm viên chú thường ra chơi.

Chợ quê ngày xưa, sắp bày một dãy hàng cau. Người mua đông, vì nam giới, nữ giới đều ăn trầu, biếu trầu, mời trầu nhau. Đến cuối năm là mùa cưới, hàng cau bán khá chạy. Người mua cau cho đám cưới hỏi, thường mua nguyên buồng trăm trái, có dư. Ý chúc cho đôi lứa sánh duyên được câu *"bách niên giai lão"* cũng... có dư. Người mua cau ăn, mua vài chục trái. Người mua cau sủ, tính cau bằng *thiên* (là ngàn) trái. Chắc ngày xưa, ông Biện Nhạc buôn trầu, không khỏi kèm theo mua sủ bán lẻ cau tươi? Chọn cau, thường người ta chọn buồng trái mơn đều mà xanh đậm, vú cau tròn đều mượt rượt. Người mua cũng cần bồ cau cho xem hột. Cau được bồ bằng *dao cau* (con mắt dao cau là con mắt sáng, hay liếc). Cái dao cau thật sắc, bồ cau phải ngọt xốt, không cho bị nhầy nát ruột cau. Trái cau phơi ruột ra đó, cho người xem: trắng, mịn, mềm, vừa nhai, không sâu đục... là cau ngon.

Những hàng cau, bụi tre, bến nước, mái đình... tạo nên mảnh hồn làng thiêng liêng, người ta lấy đó làm cội nguồn, để biết đâu là nguồn cội của mình: *"Sao anh không về chơi thôn Vỹ / Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên"* (Đây thôn Vỹ Dạ - Hàn Mặc Tử). Quê tôi bây giờ, cũng như nhiều quê khác, cây cau còn lại rất ít và cũng khó gặp người ăn trầu. Tôi nhớ những hàng cau liên phòng, những vườn cau xanh chim chóc bay về. ■

Cà phê không đường

ĐỨC SƠN

LTS: Nguyên Cẩn là một cộng tác viên thường xuyên của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Ông thường góp mặt bằng những bài viết ở chuyên mục xã luận, nhìn từ quan điểm Phật giáo, thể hiện một sức liên tưởng sắc bén khi phân tích những hiện tượng trong thực tế xã hội nước nhà. Ông còn được biết đến như một nhà kinh doanh bận rộn; về phương diện học thuật, ông là Tiến sĩ Phạm Văn Nga, chuyên nghiên cứu về quản trị kinh doanh. Mới đây, ông cho xuất bản một tập sách có tựa là Cà phê không đường. Chúng tôi xin trân trọng gửi đến quý độc giả lời giới thiệu tuyển tập của Nguyên Cẩn, qua bài viết của Đức Sơn, Thư ký tòa soạn Báo Giác Ngộ, được trích từ tập sách nhỏ nói trên.

“Cà phê không đường” là tuyển tập một số bài viết trình bày những suy nghĩ của tác giả Nguyên Cẩn (pháp danh và cũng là bút danh của Tiến sĩ Phạm Văn Nga) trước các hiện tượng, vấn đề thường ngày của đời sống xã hội Việt Nam. Các bài viết này hầu hết đã được đăng trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, nguyệt san, tuần báo Giác Ngộ và các báo hay tạp chí địa phương và Trung ương khác.

Là người làm công tác tòa soạn ở Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo và Báo Giác Ngộ, qua những phản hồi của bạn đọc, tôi được biết Nguyên Cẩn là cây bút được nhiều độc giả yêu mến. Vấn đề của tác giả Nguyên Cẩn cùng những lý giải, thông tin mà anh cung cấp trên trang báo thường là những phản ứng nhanh có sức

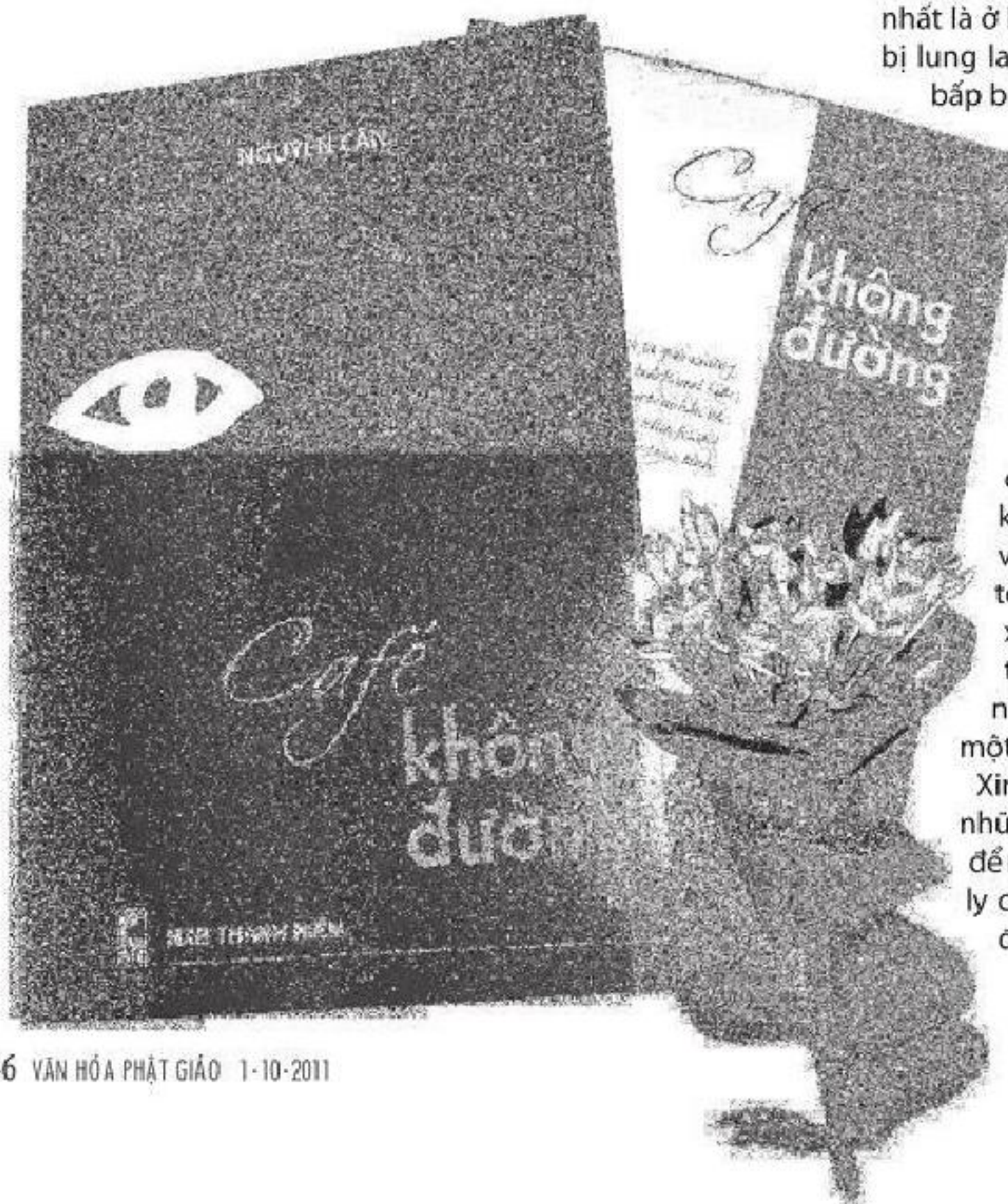
thuyết phục đối với bạn đọc. Với khả năng tổng hợp, nối kết tri thức linh hoạt của anh, những câu chuyện quen thuộc với nhiều người, hết sức bình thường như số phận gánh hàng rong, các giá trị sống, khủng hoảng đạo đức, những giải pháp kinh tế chưa thấu tình đạt lý trong quản lý, những bất cập trong giáo dục, những trăn trở cho lý tưởng sống và làm việc của tuổi trẻ hôm nay, v.v., tác giả Nguyên Cẩn đã có những góc nhìn của riêng anh, phân tích theo dòng sự kiện được báo chí phản ánh và dư luận quan tâm.

Có người nói, loạt bài phản biện của Nguyên Cẩn, mà tuyển tập này là một phần, đã nói hộ cho họ, nói thay cho những ưu tư dằn vặt âm ỉ trong lòng nhiều người trước diễn biến phức tạp của đời sống xã hội, nhất là ở bối cảnh hiện tại khi các giá trị truyền thống bị lung lay tận gốc, niềm tin bị xô giạt, giải pháp thì bấp bênh...

Những câu chuyện mà tác giả Nguyên Cẩn đặt ra, quen thuộc nhưng thú vị, là những câu chuyện bên ly cà phê sáng hay chiều, làm nên nội dung cho cái sự nhâm nhi cà phê của người Sài Gòn, để những giờ trôi qua bên ly cà phê, trong những cuộc gặp gỡ trở nên ý nghĩa, không tẻ nhạt và lãng phí.

Nhiều năm qua, dù luôn bận rộn với các công tác quản lý doanh nghiệp, nhưng không lúc nào tác giả Nguyên Cẩn ngừng viết, ngừng đọc. Viết, với anh, là cách để giải tỏa những bức xúc trong lòng. Những lúc bức xúc cao độ, anh giấu nỗi niềm vào thơ. Nhiều tập thơ của Nguyên Cẩn đã ra đời một cách tự nhiên như thế. Ngoài ra, anh cũng là dịch giả một số sách về kinh tế.

Xin được hân hạnh giới thiệu tuyển tập đầu những bài viết của Nguyên Cẩn cùng bạn đọc. Xin để mỗi người có sự cảm nhận của riêng mình, bên ly cà phê, với những câu chuyện “cà phê không đường” cùng tác giả Nguyên Cẩn. ■



Vị của nước mắt

NGÔ THI HUONG QUÊ

Cuộc sống thường ngày diễn biến với muôn hình vạn trạng và chứa đựng vô vàn cung bậc buồn vui mà mỗi người đều phải hàng ngày đối mặt. Thể hiện cảm xúc trước mọi sự kiện của cuộc đời, hình như tiếng khóc là một phản ứng tự nhiên và gần gũi nhất. Khi buồn hay khi đau khổ, người ta khóc đã đành. Nhưng ngay cả lúc vui và lúc hạnh phúc, tiếng khóc cũng thường xuất hiện...

Có ai trong đời mà không một lần rơi nước mắt. Nước mắt thông thường được hiểu theo một phía, đó là cách để con người trải lòng mình và làm vơi nỗi buồn. Chẳng thế mà mỗi khi gặp khó khăn, buồn đau, ta thường nhận được lời an ủi: "hãy khóc đi cho nhẹ lòng!". Nước mắt thường dành để ám chỉ cho phái nữ. Bởi vậy ta cũng thường được nghe những lời mắng yêu đại loại như: "Đồ con gái mau nước mắt". Thế đấy, nước mắt ngầm chỉ sự "sở hữu" thuộc về phụ nữ. Nhưng đâu phải nước mắt chỉ dành cho phái nữ; đôi khi người đàn ông cũng khóc. Ai bảo đàn ông không được khóc? Người đàn ông đôi khi mạnh mẽ nhất là khi người ấy dám khóc, vì nước mắt đưa họ xuống tận cùng của tâm hồn mình, để rồi anh trở nên mạnh mẽ hơn khi gạt khô nước mắt!

Có lúc vô tình ta bắt gặp giọt nước mắt then thung thương nhớ của cô gái trẻ tiễn người yêu trong ngày nhập ngũ, hay nước mắt thủy chung của người vợ hiền tảo tần một mình chăm con khi người chồng thường xuyên phải đi công tác xa, đó là nước mắt của sự yêu thương, cảm thông và xa cách. Và còn gì đau buồn hơn khi chúng kiến giọt nước mắt ly biệt tuôn rơi trong giờ phút tiễn đưa người thân của mình về cõi vĩnh hằng... Đó là những lúc tâm hồn người ta trở nên mong manh yếu đuối nhất. Nhưng cũng chính những giọt nước mắt khóc thương ấy lại truyền cho người ở lại sự mạnh mẽ, nghị lực, để người đang sống vững bước vào tương lai, có thể họ sẽ tiếp tục làm những điều mà người đã khuất kỳ vọng nhưng chưa thực hiện được... Nước mắt có vị mặn mặn quen thuộc, nhưng hãy để lắng lòng mình lại, chúng ta sẽ cảm nhận một mùi vị khác nữa trong ấy, đó

chính là vị của cảm xúc. Khi buồn hay đau khổ... những giọt nước mắt rơi mặn đắng đầu môi, chát chúa nơi cổ họng. Vị mặn của nước mắt hòa quyện cùng vị đắng chát của nỗi đau. Tưởng như cái vị mặn chát ấy xuyên thấm tới tận tâm hồn mình.

Nước mắt không chỉ nói lên nỗi đau, nước mắt còn thể hiện niềm vui, niềm hạnh phúc. Trong ngày nhận bằng tốt nghiệp, trong ngày hôn lễ trọng đại của đời người, ngày một người may mắn đăng quang trong một cuộc thi nào đó... hẳn là mỗi người cũng không thể ngừng rơi nước mắt xúc động. Nước mắt thay lời cảm ơn công sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ và bạn bè thân thiết đã giúp ta vững tin vượt qua bao khó khăn để vươn đến thành công ngày hôm nay... Để rồi khi chúng ta có những mái ấm nhỏ nhỏ của riêng mình, ta lại tiếp tục đón nhận những giọt nước mắt hạnh phúc. Giọt nước mắt lăn nhẹ khóe mắt khi được nghe tiếng khóc chào đời của con thơ, được thực hiện thiên chức làm cha, làm mẹ... Biết bao những lần nước mắt tuôn rơi mà ta không thể diễn tả thành lời nhưng dường như nước mắt lại nói thay tất cả... Và không biết mỗi chúng ta có "để ý" không, giọt nước mắt lúc này đây, sao ta cảm thấy ngọt ngào, không còn cái vị mặn quen thuộc, mà bao trùm là cảm xúc hạnh phúc, dịu dàng đang len lỏi trong mọi ngõ ngách tâm hồn. Khi nước mắt ngân ngân dâng tràn là biết bao điều muốn nói...

Cuộc sống mỗi ngày vẫn tất bật với những bận rộn lo toan, thế nhưng đôi khi bạn hãy sống chậm lại để lắng nghe, cảm nhận vị của nước mắt, vị của cảm xúc đang diễn ra đâu đó bên mình, trong bạn và những người thân yêu... ■



nở về chiều

HOÀNG THỊ GIANG

Cùng với hàng triệu người dân của thành phố này, cứ mỗi buổi chiều hết giờ làm việc, tôi lại hòa vào dòng người ken dày lúc tan tầm để mau chóng trở về với tổ ấm thân thương của mình. Việc nhích từng tắc trên mặt đường vào những buổi chiều đã trở thành nỗi khó chịu trong tôi cũng như bao nhiêu những gương mặt được bịt kín bằng vải màu và mũ nhựa khác. Đó đã là một phần của cuộc sống, của nhịp điệu đô thị và phố phường, được mặc định tất cả rồi. Mặc định theo cái cách bất lực và cả một chút bất an nữa, bởi ai có thể yên lòng khi xung quanh mình là những vòng quay chóng mặt và những tiếng rồ ga điên loạn? Và cũng không biết từ bao giờ, tôi có thói quen chỉ chăm chăm nhìn đường, tập trung một cách vô điều kiện khi chạy xe. Tôi không dám lơ là tay lái, dù chỉ một vài giây ngẩn ngui, bởi hàng trăm vụ tai nạn xe cộ cứ liên miên xảy ra ở cái thành phố này, bất chấp

ngày đêm, bất kể già trẻ, mặc kệ việc đi đúng luật lệ hay không. Tai nạn giao thông đương nhiên được coi như một phần của... văn hóa giao thông công cộng mất rồi.

Vậy nhưng, mấy ngày gần đây, giữa cái xô bồ thị thành ấy, tôi bỗng thấy ở khúc quanh đường Nơ Trang Long xuất hiện những bó sen của một cụ già đặt trong cái chậu nhựa màu hồng nhạt. Hoa sen không tươi bởi đã cuối chiều nhưng được sắp đặt tỉ mỉ và giữ gìn cẩn thận. Không hiểu sao, khi nhìn những bông sen ấy, tâm hồn tôi cảm thấy dịu nhẹ và thanh sạch hơn giữa phố xá ồn ào và náo nhiệt này. Có bạn, như mới ngày hôm qua đây thôi, tôi muốn dừng lại, để ngắm kỹ hơn những bông sen ấy, hoặc chỉ là để hỏi thăm cụ già vài câu, hay để mua giùm cụ vài bông trong bó sen thôi cũng được. Định là định thế, nhưng mấy lần rồi tôi đâu có làm được; bởi cái phần vô tâm trong tôi đã hiển hiện quá rõ, đã lấn át hết chút gì còn

sót lại của lòng tốt mất rồi thì phải. Mà thực ra, nếu không như thế thì làm sao sống nổi, làm sao trụ vững giữa gần chục triệu con người đang quay cuồng tranh sống, biết đâu là những mưu mô, thủ đoạn hay cạm bẫy. Hỏi ra thì chẳng biết vì sao, nhưng đúng là chỉ một việc đơn giản ấy mà cũng không làm được. Thế rồi tôi nghĩ, tôi phân vân, và tôi so sánh. Có phải đây là một trong những tính cách mà mấy cô bạn thân hồi đại học hay bảo do tôi lãng mạn, thơ mộng và đa cảm chăng? Tôi nghĩ rằng, chỉ chục bông sen nhỏ bé kia nhưng dường như làm con người ta cảm thấy tâm thần an lành và cuộc sống thanh sạch biết bao. Và, không biết ngoài tôi, những gương mặt được bịt kín bằng vải kia có ai nghĩ như thế, có ai cảm thấy nhẹ lòng hay thư thả chỉ vì vài bông sen đã cuối chiều? Đôi lúc, tôi nghĩ về những ngôi chùa tôi đã từng qua, từng đến, từng hì hụi thấp hương khấn Phật mà bạn bè bảo là thiêng lắm, cầu gì được nấy. Không biết những ngôi chùa được xây dựng tốn hàng chục tỷ đồng, tráng lệ, rực rỡ, nằm ngay trung tâm thành phố được trang bị những công cụ hiện đại như máy lạnh, tivi, internet, wifi... có làm cho con người thấy thanh thản, nhẹ nhõm trong một vài sát na hơn vài bông hoa nhỏ bé bên lề đường kia không? Và hơn nữa, tôi băn khoăn tự hỏi, Phật thực chất tồn tại ở đâu? Trong chùa, giữa đời thường, trong tâm hồn, giữa những con người với nhau hay Phật ở nơi nào cao xa và mông lung lắm lắm. Bởi vì không phải là một Phật tử

nên tôi không thể nào biết được cũng như lý giải thấu đáo những suy tư ấy nhưng chắc chắn, Phật chính là cái neo, cái cần cân giữ cho tâm hồn mỗi con người chúng ta được bình yên, cân bằng giữa biển đời nhiều phong ba, trắc trở này.

Mặc dù nghĩ vậy nhưng những bông sen nhỏ bé ở khúc quanh đường Nợ Trang Long ấy vẫn ám ảnh tôi như một món nợ từ tiền kiếp xa xôi nào đấy. Không biết những bông sen kia được hái từ đâu. Một góc ao quê thơ mộng với làn nước xanh trong vắt hay ở một khúc kênh rạch hoang vu nào đó vùng ngoại ô. Mà thực ra, sen mọc ở đâu không quan trọng bởi sen cũng như tâm hồn con người ta, dù ở đâu, nếu biết cách, vẫn thấy nó đẹp đẽ và tinh khôi. Tôi thích sen, nhất là những bông sen nở lúc sáng sớm tinh sương. Khi ấy, trên những chiếc lá xanh to bản màu ngọc bích vẫn còn những giọt nước long lanh như ngọc trai bên cạnh màu hồng nhạt tròn như trái tim con người. Đây là sen, là ký ức đẹp đẽ nhất về sen mà tôi từng trải qua. Vậy nhưng, giờ đây, ngay cả giữa khói bụi ồn ào, giữa còi xe và cả tiếng cãi vã inh ỏi giờ tan tầm, tôi vẫn thấy sen đẹp, một vẻ đẹp không lẫn vào đâu, không mất đi, như vĩnh hằng, bất diệt dù mặt trời đã đứng bóng trên tòa nhà cao cao phía Bệnh viện Ung Bướu đoạn cuối con đường...

Có lẽ, không có hoa gì đẹp đẽ và bền bỉ, trường tồn bằng những bông hoa nở lúc ban chiều, nhất là hoa sen. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2011

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam : 100 cuốn/kỳ
 Một độc giả : 81 cuốn/kỳ
 Ô. Lâm Hoàng Lộc, NS. Trí Tuệ : 50 cuốn/kỳ
 Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 38 cuốn/kỳ
 Ô. Phạm Văn Nga : 37 cuốn/kỳ
 Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
 Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
 ĐĐ. Thích Thiện Minh : 20 cuốn/kỳ
 PT Chánh An & Chơn Hòa : 12 cuốn/kỳ
 Bà Phùng Kim Vy : 11 cuốn/kỳ
 Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
 Cô Cẩm Hà (USA) : 10 cuốn/kỳ
 PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
 Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
 Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
 Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
 Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 10 cuốn/kỳ
 Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
 Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
 Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
 Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
 Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ

Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan : 5 cuốn/kỳ
 Ô. Nguyễn Mạnh Hùng, CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
 Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
 Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
 Thái Quang Hy : 5 cuốn/kỳ
 Anh Dũng : 5 cuốn/kỳ
 Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
 Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
 Chú Tiến, TP. HCM : 4 cuốn/kỳ
 Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
 Bà Trương Thị Mai Anh : 3 cuốn/kỳ
 Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
 Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
 Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
 Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
 BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
 Chị Tuyền, CT TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
 Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 5 cuốn/kỳ
 Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
 Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ

BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
 Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
 Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
 Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
 Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
 Bà Đặng Nguyên Phương : 1 cuốn/kỳ
 Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 1 cuốn/kỳ
 Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7 : 1 cuốn/kỳ
 Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
 Thầy Hạnh Thông, TCPPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
 CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
 CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 1 cuốn/kỳ
 Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
 Cô Hồ Thị Phương : 1 cuốn/kỳ
 Ô. Cao Dũng, Đà Lạt : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **606 cuốn**
 Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**
 Email: vanhoaphatgiaovnn.vn
Ban Biên tập

Nợ

LÊ XUÂN THỌ

C hợt một ngày đôi chân mệt mỏi, toàn thân rã rời, trái tim thôi không còn nhiệt huyết, bờ vai nặng trĩu, thả tấm lưng uể oải xuống thảm cỏ. Ta nghĩ về những điều đã qua...

Thoắt một cái mà sắp đã hai mốt năm, nhưng nếu không có phút nghỉ ngơi này có lẽ ta ngỡ mọi việc mới chỉ bắt đầu từ ngày hôm qua. Mà đường như ta đang lừa dối mình thì phải, bao năm qua ta có làm gì đâu mà gọi là *nghỉ ngơi*. Chỉ là những bước chân lang thang, một vài ý nghĩ hoài bão thoáng qua rồi vụt tắt, đôi lúc là khúc du ca như kẻ hành khất lêu bêu. Thế thôi. Điềm lại, thấy mình nợ cuộc đời nhiều quá.

Ta nợ mẹ phút đau đớn tốt cùng để được nghe tiếng khóc chào đời của thằng con bé nhỏ, nợ cha phút thấp thỏm mong chờ tiếng thở dài nhẹ nhõm: mẹ tròn con vuông. Nợ mẹ những đêm không ngủ, nợ cha lời dạy dỗ bao ngày. Nợ mẹ những giờ chờ đợi cơm ta đi học về, nợ cha từng dòng mồ hôi dài nối tiếp. Nợ mẹ biết bao là roi đánh, nợ cha nhiều ánh mắt buồn...

Nợ con đường thuở ngày thơ đến lớp, nợ cổng trường thằng bạn đợi chung lối. Nợ nhỏ bạn cánh phượng hồng quên ép sách, quên ghép hình cánh bướm để dán vào lưu bút. Nợ cô bé lạ bài thơ chưa gửi.

Nợ mẹ quê nhà mòn mỏi ngóng trông những tháng ngày thằng con nơi đất khách quê người. Nợ cha trên sóng dưới gió để ta được cười đùa với bạn bè. Nợ thầy câu trả lời còn dang dở, nợ cô giờ trốn học lang thang công viên. Nợ bạn những lời mượn tiền hẹn ngày đó, tháng đó sẽ trả rồi... Ờ. Nợ anh em cùng xóm trọ lời nói dối là đi học bù, học thêm để hẹn hò cùng cô bé mới quen. Nợ cô bé lời nói dối ngọt ngào rằng hôm nay ra biển thích hơn (để khỏi vào quán nước vì hết tiền).

Gớm! Khiếp quá! Chậc chậc. Nhoáng một cái mà đã

nợ tùm lum. Trông đâu cũng nợ. Ngoảnh đâu cũng nợ. Thậm chí nhắm mắt lại cũng... thấy nợ! Nợ ngập đầu. Nợ quần cổ. Nợ đến... bật mặt. Nợ tiền, ừ có. Nợ tình, dường như. Nợ lời hứa, đếm không xuể... Ngắm lại thấy nợ cũng... phong phú thật!

Đấy, thấy nợ đành rành thế đấy mà có chịu trả đâu. Chỉ tổ giới đòi nợ là được cái lành. Nợ đến hạn – gia hạn, đến hạn – gia hạn,... thế mãi. Thành thử ra một vòng lẩn quẩn. Rồi... thấy thích. Đứng là kẻ thái quá! Kệ, riết rồi cũng quen; rồi đâm ra... nghiện nợ. Và vì nghiện rồi nên chẳng lấy gì làm xấu hổ cả. Nhớ lại cái lúc mới nợ thấy sao mà nó then, trong người lúc nào cũng thấy nặng nề, đau đầu lời cha ông: đã vay thì phải trả. Ừ thì trả, ta có quýt ai đâu nào. Chẳng qua là ta... chưa có, hoặc... quên mà thôi. Thế mà bây giờ nợ càng nhiều lại càng thấy... thích. Không nợ gì cũng tìm cách để nợ cho bằng được!

Và ta bỗng thấy mình dở hơi còn hơn thị Nở; nợ cũ chống chắt, tối tắm mặt mũi chưa chịu trả mà còn nghĩ đến *kế hoạch*... nợ mới!

Nợ cha mẹ rằng tháng này con đóng tiền học ngoại ngữ, thi chứng chỉ tin, đi thực tế... để *hậu phương* tăng *viện trợ*. Nợ cô bé mới yêu chiếc hôn... liều! Nợ chị lao công khi nhiều lần ta vứt rác lung tung. Nợ đèn đỏ nhiều lần lắc đầu nhìn ta vượt. Nợ thằng bạn hứa viết dùm nó... thư tình để tán gái (có lạc hậu không ta!)...

Chết chết! Như thế này thì hỏng mất. Giấy nợ dài hơn tuổi đời thì làm sao sống nổi. Như thế thì làm sao sau này ăn nói với... con cháu! Thôi thì nợ mới nợ cũ ta cố trả cho rồi. Không thì vài năm nữa xuống dưới Diêm Vương ổng giận mà không chịu nhìn mặt đâu đấy. Nhưng mà đào đâu ra mà trả. Thấy kệ, hát một bài xem nào: *ta nợ cuộc đời hạt cơm xẻ đôi... ta nợ mặt trời từng tia nắng mai... nợ quê hương những khúc hát đưa nô... ■*

Con chó

HÀ THỊ HANH

Ở chiến trường Củ Chi đầy ác liệt ngày ấy và nhất là vào những tháng mùa khô, cái chết, sự sống chỉ tính bằng giây bằng phút bằng giờ. Cho nên với tôi tất cả những gì tồn tại, hiện hữu đều quý báu vô cùng. Tôi nâng niu từng bông hoa bé xíu trong đám cỏ dại, tôi ngắm từng mầm non mới nhú trên thân cây cháy xém, chi chít miếng bom pháo. Tôi thêm nghe tiếng trẻ bi bô, tiếng vông đưa kéo kệt, tiếng gà gáy trưa...

Còn nơi đây, tổ hội họa, mà chúng tôi thường gọi dí dỏm là *tổ quạ*, chỉ có ba người, lại thường xuyên chia nhau đi công tác, sống trơ trọi bên hàng tấm vông xơ xác, xung quanh toàn hố bom, hố pháo; dần chúng đã bị đưa hết vào áp chiến lược. Từ lâu, lâu lắm rồi, chúng tôi phải sống trong hầm, nấu cơm cũng dưới hầm, tất nhiên ngủ cũng như chuột trong hang. Chỉ có lúc tắm giặt, xách nước nấu cơm là ở trên mà thôi, nhưng phải canh quy luật bắn pháo của các cụm pháo Lai Khê, Đồng Dù, Hậu Nghĩa...

Vào một buổi chiều mưa, có một "cư dân" đến xin trú ẩn trong căn chòi hầm của chúng tôi. Đó là một con chó còm nhom xấu xí, đầy ghê chóc, lại đang mang bầu. Ngày đầu tôi gặp nó trên một hố bom đĩa, nó sợ sệt lấm lét nhìn tôi, nó đói lắm, có lẽ bị lạc chủ lâu ngày rồi. Tôi nhìn vào đôi mắt rầu rĩ và sợ sệt của nó, rồi đến gần mang cho nó một chút cơm nguội. Nó tỏ ra nhanh chóng thân thiện với tôi. Tôi dọn cho nó một chỗ ngủ, lấy cây gỗ che chắn xung quanh, bện một tấm lá để che cho nó khỏi bị mưa ướt. Tôi lẩm, nó sợ pháo cũng không kém người; mỗi lần pháo nổ gần, nó nhảy vào hầm bếp chân run lẩy bẩy.

Một tuần lễ sau, khi sương đêm vẫn còn đọng trên cành lá, tôi ra thăm cái chòi rách của con chó thì trời ạ, nó đẻ ra bốn con chó con bé xíu, đỏ hồng, chúng đang loi ngoi giành bầu sữa lép xẹp của mẹ nó. Tôi than thầm, cơm đâu mà đủ cho nó ăn lấy sữa nuôi con đây, rồi lại pháo bắn ngày đêm nữa, bom thì ùng oàng suốt ngày...

Tối hôm đó pháo bắn rất quá, tôi vừa kịp vô hầm tránh pháo thì chó mẹ tha con nhào theo. Nó vừa đến miệng hầm, tôi bò ra tiếp lấy rồi đưa con nó vào chỗ ẩn. Cứ thế mặc cho pháo bắn dồn dập nó vẫn nhào lên tha cho bằng hết mấy đứa con xuống hầm. Thật là khó xử, hầm khoét dài như cái hang chỉ đủ mỗi người nằm nới nhau, thêm con chó và bốn chó con nữa thì lấy đâu ra

chỗ. Hơn nữa, sống trong hầm tụi tôi đã hôi như chuột rồi nay lại thêm cái mùi chó ghê, chó đẻ; nhưng lúc đó tôi chỉ biết đến sự an toàn của bảy chó hoang thôi, nên lúc nào tôi cũng cự cãi với một anh trong cơ quan. Vì mỗi khi pháo bắn, chó mẹ tha con xuống hầm, anh ta ném nó ra, còn tôi thì lại phụ nó mang vô...

Chưa được bao lâu, thì chúng tôi được lệnh chuyển cứ. Con chó dường như đoán được sự chia ly này, nó cứ rên lên ư ử bên chân tôi. Chiều hôm đó sao mà buồn quá, tôi khoác ba lô chân bước ngập ngừng, đi được vài bước tôi ngoái lại nhìn. Nó ngồi bên gốc tấm vông bị pháo bắn là ngọn, ốm nhom buồn rũ rượi, đôi mắt như vô hồn nhìn tôi.

Nửa tháng sau trên đường đi công tác, tôi ghé lại thăm căn cứ cũ, cái chính là muốn biết bảy chó có còn không. Từ hầm bếp đến hang "chuột" của chúng tôi đã bị xe tăng ủi sập, bụi tấm vông thì tan tác, cháy xém đen, gãy gục. Tôi lần ra căn chòi nhỏ mà tôi dựng cho con chó, cũng đã sập và phủ kín những đám dây leo. Tôi cất tiếng gọi "trốc trốc" một hồi nhưng vẫn im lìm; nhưng ngay sau đó, trong đám cỏ mỹ có tiếng loạt soạt: một con gà mái có bộ lông vàng từ trong đám cỏ lò cò nhảy ra. Tôi nhìn sững; ồ! con gà chỉ còn có một chân thôi. Nó nhìn tôi kêu cục cục như chào một người quen đến thăm rồi lủi vào bụi cỏ.

Tôi nhớ đến bảy chó không còn nữa, tôi nhìn con gà mái cụt một giò lủi trong đám cỏ mỹ mà cảm thấy cuộc sống của những sinh linh trên mảnh đất này sao quá mong manh. Tôi thấy thương cho con chó mẹ và những con chó con mới mở mắt, tôi thương con gà mái cụt giò, rồi cảm thấy thương cho cả mình nữa. Ôi chiến tranh sao tàn khốc quá! ■



Tăng núi

TUỆ GIẢI

Tăng núi mặt gầy xương cứng
Mỗi chiều về nhật “ốc đá” nấu canh
Tuột tay ốc lăn thành tiếng mõ
Đôi dày trơn tuột hết khỏi đôi chân.

Giọt sương

PHAN THÀNH MINH

Buổi sớm thức dậy
Điểm trang mình
Giọt sương pha lê thoa má cô

Óng ánh hào quang bảy sắc
Phơi phới nụ cười
Đối diện với nhọc nhằn ẩn khuất

Hương sen giải phóng sự lung linh
Không vẩn đục bụi bùn
Càng tối tăm càng ngào ngạt

Thời gian thật sự tinh khiết
Nếp nhăn là nỗi đau quá khứ
Tiếng chuông thức tỉnh tương lai

Mặt hồ lung linh nắng mai
Giọt sương không nhận ra mình
Hồn nhiên trước hủy diệt.

Chuông vọng

NGUYỄN THÁNH NGÀ

Ngày vừa nghiêng xuống cánh hoa
Sương rơi viền áo Di Đà long lanh
Vàng trắng thắm Bảy thâu canh
Dẫn đưa người đến cõi lành nghe kinh

Nam mô niệm Phật, niệm mình
Tả tâm dứt bỏ, thất tình chìm sâu
Đi trong bão táp càng lâu
Nhận ra một thoáng đất nầu ngọt ngào

Mẹ cha ơn tựa non cao
Nghe lời Phật dạy đêm thao thức tìm
Đốt nhang thấp cõi lặng im
Phù vân một cuộc nổi chìm trăm năm

Nghiêng đêm quý dưới trăng rằm
Lời kinh báo hiếu thâm trầm thoảng đưa
Một bông hồng trắng trong mưa
Tiếng chuông còn vọng bên chùa sắc không.



Đất nước tôi

TRÀ KIM LONG

1. Bắc

Lịch sử cũ trời Đông Đô mở cõi
Nghìn năm xưa vẫn hiển đất Thăng Long
Câu quan họ hát lời thương nước Tổ
Thanh bình quê lưu chứng tích sông Hồng

2. Trung

Về thăm lại đất Thần kinh
Cùng nghe nhã nhạc cung đình năm xưa
Chuông chùa Thiên Mụ thoảng đưa
Câu hò mái đẩy... đêm vừa mới sang
Dấu xưa điện ngọc cung vàng
Còn lưu ấn tích Hương Giang, Ngự Bình

3. Nam

Đồng lúa mọng, cây bốn mùa trĩu quả
Người chân tình đậm dấu ấn phương Nam
Theo sóng nước ngược sông Tiền sông Hậu
Nghe âm tình câu “Dạ cổ hoài lang”.

Con đường

TRẦN ĐĂNG HUY

Con đường dài mãi
bước chân nguôi ngoai
một tiếng thở dài
buông rơi sầu nặng

con đường dài mãi
bao giờ cho xong
đôi dép mòn cong
sức kiệt lưng còng

con đường phong ba
lầm thác ghềnh qua
có ong hút mật
có bướm vờn hoa
xanh non ruộng mạ
cánh cò lấp lóa
cu gáy xa xa
sương khói nhập nhòa

con đường dài mãi
không có ngày mai
áo rách sờn vai
không thể dừng lại

dài mãi con đường
chi mỗi một hướng
tỏa đi bốn phương
đẹp đến lạ thường.

Tôi và Linh

TIỂU TRÚC

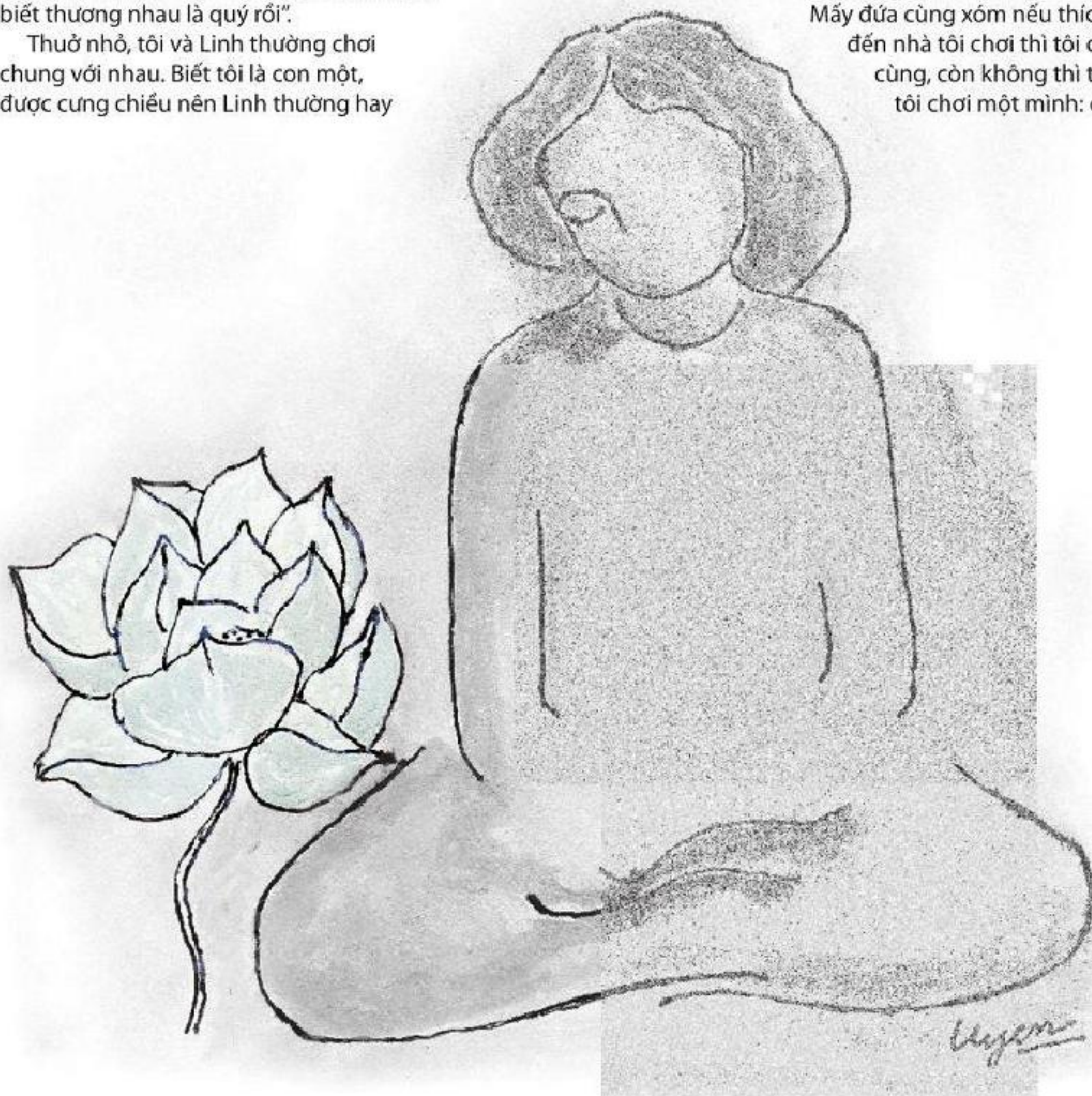
Tôi và Linh là chị em bà con. Linh lớn hơn tôi hai tuổi nhưng so vai vế thì tôi lại là chị. Cho nên hai đứa xưng hô với nhau “lung tung xèng”, khi thì gọi tên, lúc đứa này là chị, lúc lại là đứa kia... Người lớn sửa hoài riết cũng mệt nên thôi kệ: “Gọi sao cũng được, miễn biết thương nhau là quý rồi”.

Thuở nhỏ, tôi và Linh thường chơi chung với nhau. Biết tôi là con một, được cưng chiều nên Linh thường hay

nhường tôi mọi thứ. Tôi nhớ nhất có lần, ông cậu của chúng tôi ở nước ngoài về cho quà, trời mưa, Linh đội nón lá, ôm phần quà chạy sang nhà tôi: “Ông Năm cho tụi mình nhưng chị thích cái nào thì lấy trước đi, cái còn lại Linh lấy cũng được”. Linh là vậy đó.

Tôi không phải là đứa mê bạn.

Mấy đứa cùng xóm nếu thích đến nhà tôi chơi thì tôi chơi cùng, còn không thì thôi, tôi chơi một mình: chơi



đánh cờ tay mặt với tay trái; chơi bán hàng thì tự bán, tự mua... Có lần Linh sang nhà tôi, thấy tôi ngồi thủ thi trò chuyện với búp bê, Linh bèn chạy u về nhà, ôm tấm ảnh Chúa Giêsu sang đưa cho tôi, nói: 'Chị nói chuyện với Chúa nè. Chúa thương mình lắm!'. Tôi tròn xoe mắt nhìn Linh. Linh mỉm cười, nụ cười thật hiền.

Chúng tôi lớn lên, cùng vào Sư phạm. Linh học trước tôi một năm và ở trọ lại Sài Gòn. Còn tôi thì nhất định đi - về bằng xe đò chứ không chịu ở lại. Để tiết kiệm tiền, trưa thứ Bảy nào Linh cũng đạp xe từ Sài Gòn về quê. Vậy mà lúc đó, tôi đâu biết "ẩn tình" bên trong, nên tôi cứ "canh me" trưa thứ Bảy nào cũng đợi Linh tan học để tôi về cùng cho vui. Trời nắng, đi một mình đã "đau khổ" mà còn phải chờ thêm tôi. Vậy mà Linh vẫn không hề than một tiếng. Ở nhà, ba mẹ tôi đâu biết, cứ tưởng Linh chờ tôi từ bến xe về, cho đến một ngày, ba tôi bắt gặp, Linh đang gò lưng chờ tôi, ông về kêu trời và cấm tôi không được đi kè xe như vậy nữa. Lúc ấy, biết được nội tình, tôi mới tự trách mình, thiệt là quá vô tâm.

Linh ra trường và về quê đi dạy. Tôi cũng bận rộn với sách vở cho năm học cuối nên thỉnh thoảng mới gặp nhau. Những lúc ấy, Linh hay tâm sự với tôi về những va chạm trong nghề nghiệp. Có lần, nghe Linh kể, không chịu được, tôi gào lên: "Trời ơi, Linh phải phản ứng đi chứ. Để người ta cứ ăn hiếp mình hoài. Sao chịu được?". Linh cười: "Thôi kệ. Mỗi lần như vậy, Linh nói chuyện với Chúa là cảm thấy nhẹ lòng ngay". Tôi dẫu môi, la bài hời: "Thôi đi. Lo mà đối phó, chứ ở đó mà cứ đem trút hết gánh nặng cho Chúa". Linh áp úng: "Chúa sẽ an bài cho mình tất cả". Tôi nhìn vào ánh mắt của Linh và cảm nhận được ở đó cả một tình yêu, một niềm tin đầy mãnh liệt và thánh thiện.

Nghỉ hè, gia đình tổ chức đi Đà Lạt, tôi và Linh cùng đi. Trong khi Linh say mê với khuôn viên của một nhà nguyện nhỏ thì tôi lại thần thờ trước khung cảnh tĩnh mịch, cô liêu của Thiền viện Trúc Lâm bên núi Phụng Hoàng, hồ Tuyền Lâm trong buổi chiều tà. Trước ngày về, nằm cạnh nhau, Linh thủ thi: "Chắc Linh đi tu quá hà". Tôi không ngạc nhiên trước ý định này của Linh, vì trong những trò chơi thuở nhỏ của chúng tôi, có một trò chơi mà Linh rất thích, đó là Linh thường lấy chiếc khăn nâu đội lên đầu, ôm quyển kinh Thánh đọc kinh cho một "con chiên" là tôi nghe. Trong khi Linh say sưa, thành kính với từng trang kinh, thì tôi lại vừa nghe... vừa ngủ. Thiệt là tội lỗi!

Và rồi, Linh đi tu thật. Ngày Linh sang nhà tôi từ biệt để vào dòng tu, mặt Linh rạng rỡ vì ước mơ của Linh đã thành hiện thực. Còn tôi lại... khóc. Chẳng hiểu vì sao?!!!

Linh đi rồi, thỉnh thoảng, tôi cũng nằm mơ thấy Linh. Nhưng đó chỉ là những giấc mơ ngắn, đứt quãng, không đủ để gọi thành tên. Tôi ra trường đi dạy. Thành công cũng có, va vấp cũng nhiều nhưng

dường như, chúng không đủ để bù qua, sót lại với nhau. Tôi cảm thấy chán. Ngày xưa, thi sĩ Xuân Diệu tự vấn: "Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn?" còn tôi thì lại không thể lý giải được cái chán của mình bắt nguồn từ đâu? Vì lẽ gì?... Chỉ biết là nhìn đâu cũng chán, thấy gì cũng chán, có thể gọi nôm na là "chán đời!".

Cho đến một ngày, tôi theo cô tôi về thăm một thiền viện. Thiền viện nằm sâu trong rừng như tách biệt hẳn với thế giới bên ngoài. Một chút gió lao xao, một vài nụ hoa dại hé nở, chiếc cầu nhỏ bắc ngang dòng nước chảy ấp những nụ sen hồng... cùng những tà áo lam thật thanh thoát. Tôi bỗng thấy lòng mình nhẹ hẫng. Kể từ đó, niềm vui của tôi là được trốn "phố" về... chùa. Lúc đầu, về chùa, đối với tôi như một cuộc đi dạo cho khuấy khỏa tâm hồn. Nhưng chẳng lẽ cứ vào chùa "chơi" hoài tự thân thấy cũng kỳ. Thế là mỗi khi ra tới chùa tôi bèn thay "xiêm y" bằng bộ đồ vật khách. Ban đầu mặc vào không quen, thấy rộng thùng thình, có khi bỏ đồ vào túi áo lại lọt thỏm ra ngoài lúc nào chẳng hay. Nhưng mặc riết lại quen, rồi đâm ra thích, có khi tôi còn mặc bộ đồ vật khách này đi thẳng luôn vào chợ, vào siêu thị... đầy tự tin, chỉ thấy ái ngại khi ai đó gọi mình là "cô", bèn lí nhí đính chính: "Dạ, không phải". Rồi sau đó, tôi bắt đầu học kinh, tụng kinh, đọc sách, truyện Phật... và tập ngồi thiền.

Tôi vẫn chưa thể "thoát vòng tục lụy" nhưng khi tôi dần quen với nề nếp sinh hoạt của thiền viện, nhất là đã không còn phải tuột lên tuột xuống bỏ đoàn mỗi lúc ngồi thiền thì cũng là lúc Linh xong chặng đường tu thứ nhất được đánh dấu bằng lễ "Tiên khấn".

Sau lễ, Linh về thăm nhà. Tôi bối rối hỏi mẹ: "Con phải gọi Linh như thế nào?", "Bằng di", mẹ trả lời gọn gọn... Điện thoại reo, tôi bắt máy. "Chị hả?" - tiếng của Linh ở đầu dây bên kia. Tôi ngập ngừng: "Dạ. Di khỏe không?". Linh cười lớn: "Lạy Chúa! Cứ gọi tên như ngày xưa đi". Tôi tự nhủ "như ngày xưa sao được", khi Đạo - Đời đã có phần ngăn cách. Nhưng rồi lại tự bản khoăn với chính mình: Đạo hay Đời; Đạo và Đời có phải chỉ khác nhau bởi danh xưng đâu? Trong khi Đạo cũng chính là Đời, là một thực thể sống động diệu kỳ nuôi dưỡng chúng ta từng giờ, từng khắc kia mà?!

Linh xuống thăm tôi. Năm năm thoáng qua như một giấc mộng. Linh cũng không thay đổi gì mấy. Nhìn trong phòng tôi, thấy những quyển kinh, sách về Phật, Linh cười hỏi: "Chị học Phật à? Biết đâu, mai mốt mình gặp nhau, đứa thừa di, còn đứa chào cô, thì sao? Thú vị đấy!". Tôi cười: "Ừ, biết đâu".

Đêm ấy, Linh ngủ lại nhà tôi. Sau khi hàn huyên tâm sự, trước khi ngủ, giường bên kia, Linh quỳ lên lạy chuỗi cầu xin Chúa, dâng cho Chúa giấc ngủ của mình để được bình an, còn giường bên này, tôi cũng bắt chân lên làm một "chuyến" về với chính mình - "Tâm bình thường là Đạo"... ■

Yến Lan ngủ mơ trên bến My Lăng

PHẠM VĂN HỌC

Yến Lan (1916 - 1998) tên thật là Lâm Thanh Lang, quê tại làng An Ngãi, huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Mồ côi mẹ năm 6 tuổi, Yến Lan sống bằng nghề dạy học tư và viết văn. Ông sáng tác thơ từ sớm và cùng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Quách Tấn hợp thành nhóm "Bàn thành tứ hữu" (bốn người bạn thơ đất Bình Định) nổi tiếng trên thi đàn lúc đó. Những năm ấy, văn đàn Thơ Mới rộ lên hình ảnh bến My Lăng trong thơ Yến Lan. Nhiều năm sau, người ta vẫn còn tìm đến Yến Lan để hỏi về bến My Lăng. Rồi họ bảo đó là cái bến nằm lọt trong phố thị An Nhơn. Lại có người khẳng định rằng đó là cái bến Trường Thi in dấu biết bao bàn chân sĩ tử lặn lội.

Tương tự hình ảnh lá Diêu Bông của thơ Hoàng Cầm, bến My Lăng của Yến Lan cũng làm người ta tốn khá nhiều giấy mực. Bến My Lăng có thật trong đời thường hay chỉ là một biểu tượng thi ca?

Từ một bến sông có thật

Theo nhiều nguồn tài liệu, đó chính là bến đò Trường Thi trên sông Cửa Tiền. Nhiều lần, Yến Lan giải thích rằng nó bắt nguồn từ một bến đò thật, bến Trường Thi, cách thị trấn Bình Định nơi ông ở khoảng mấy dặm đường. Mỗi lần qua bến sông này, nhìn doi cát cong cong, ông lại mơ tưởng xa xăm: *Bến My Lăng nằm không thuyền đợi khách - Rượu hết rồi ông lái chẳng buông câu - Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách - Ông lái buồn để gió lên mạn râu...* Cửa Tiền nằm ở phía Tây nam thành Bình Định. Gọi là Cửa Tiền bởi vì cửa chính của thành Bình Định nằm ở mặt này, và cảnh vật lại rất hoang vu như thời tiền sử. Con sông chảy trước mặt Cửa Tiền cũng mang luôn cái tên Cửa Tiền, có người gọi là sông Tân An, một chi lưu của sông Côn đổ ra đầm Thị Nại. Bên kia sông là xã Nhơn Hòa, bên này là xã Nhơn Hưng, đều thuộc huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định. Bến đò Trường Thi, nằm ở phía Cửa Tiền, đã nhiều lần đi vào văn học. Bến đò chỉ hình thành vào mùa nước nổi, từ tháng Chín cho đến tháng Chạp âm lịch. Sau đó, đò được dời đến một đoạn sông sâu hơn, người lái đò cũng chuyển nghề khác chờ mùa nước lớn năm sau. Chính cậu ruột Yến Lan cũng là một người lái đò. Bên bờ có một đoạn đất trống thưở xưa là trường thi hương, cũng là nơi gặp gỡ của các chí sĩ

yêu nước. Đến thời Pháp, trường thi bị bỏ hoang. Vì bến đò nằm gần đó nên gọi là bến Trường Thi như một niềm hoài niệm. Quả thực, bến Trường Thi đẹp mà buồn đến nao lòng. Cha Yến Lan đã bao lần vượt qua bến sông, lần theo câu hát để đến với một thôn nữ dệt lụa, sau này chính là mẹ ông. Mối tơ duyên đầy thi vị ấy đã cho chúng ta một thi sĩ ngay từ thuở lọt lòng: *Quê ngoại bên kia bãi cát vàng - Mẹ tôi về lỡ chuyến đò ngang - Con đau trở dạ không giường chiếu - Tôi lọt lòng ra giữa bãi trăng*. Yến Lan thổ lộ: "Khi tôi chừng 6-7 tuổi thì mẹ tôi đau nặng phải nằm chữa bệnh ở quê ngoại bên kia sông. Hằng ngày tôi phải mang thức ăn cho mẹ và phải gọi đò qua sông cho đến khi mẹ tôi mất. Từ đó tiếng gọi đò cứ vang vọng trong tâm thức tôi như một nỗi ám ảnh, như tiếng gõ cửa vào một thế giới khác. Người lái đò đưa tôi qua sông năm ấy lại chính là cậu ruột tôi. Trong bóng chiều nhập nhoạng, dáng ông phảng phất như một tráng sĩ khi chống sào qua bến vắng"¹. Người ta kể lại rằng, khi mẹ mất, chú bé Yến Lan đi cùng người láng giềng đưa tin về quê ngoại. Đến đoạn đường qua Gò Tập, nơi theo lời đồn đại có nhiều ma đưa vong, Yến Lan sợ đến cuống chân. Người láng giềng cất tiếng gọi đò khác khoải. Ông cậu của Yến Lan nằm ngủ trong thuyền, giật mình, hốt hải chống đò sang. Ấn tượng về tiếng gọi đò nào ruột trong đêm trăng lạnh lẽo ấy đã ám ảnh Yến Lan suốt một đời. Sau này, Yến Lan kể lại: "Đêm mẹ tôi mất, cha tôi nhờ người hàng xóm dẫn tôi ra bến đò để gọi cậu tôi... Nhà cậu và chiếc đò thì gác mái bên kia sông, chúng tôi ở bên này gọi mãi, gọi mãi, gọi trong một tâm trạng xót xa bốn chốn, hải hùng nữa"².



... đến một bến sông huyền thoại

Các nhà địa chí dù có đi dọc sông Côn, hay bất kỳ dòng sông nào trên đất nước này cũng không thể tìm ra một địa danh có tên My Lăng. Bến My Lăng là cái bến sông huyền ảo đầy vang bóng trên thi đàn mà người ta không thể quên mỗi khi nhắc đến Yến Lan. Chính thi sĩ đã sáng tạo ra một bến sông phi thời gian, phi không gian; nó là bến đợi ai và ai đợi cũng không rõ nữa. "Những ai đã có một lần đứng đợi một chuyến đò ngang... và nhất là những ai có nỗi hy vọng lớn lao phải chờ đợi... Bến My Lăng ở trong lòng tôi và có thể ở trong lòng bạn". Có lần Yến Lan đã khẳng định như vậy. Nhà phê bình tài hoa Hoài Thanh cũng phải thú nhận: "Xem thơ Yến Lan tôi mơ màng như đi trong mây mù... chỉ thấy mờ mờ những con đường chảy, êm như những dòng sông...".¹ Những năm cuối đời, Yến Lan vẫn còn thường nhắc đến bến My Lăng với đôi mắt ngẩn lẹ. Ông chỉ mong được đắm mình trong bến sông xưa: *Thăm quê về lại bến trăng xưa - Còn tưởng đêm nay đứng gọi đò - Chưa kịp nhớ ra lòng có hẹn - Chèo ai cập bến đã vang khua* (Nhớ bến My Lăng). Ông thừa nhận rằng bài thơ *Bến My Lăng* của ông ra đời trong lúc xuất thần, mang ấn tượng tiếng gọi đò thuở bé: *Tiếng gọi đò, gọi đò như oán trách - Gọi đò thổi run rẩy cả ngàn trăng - Bến My Lăng còn lạnh, bến My Lăng*. Yến Lan tâm sự rằng: "Bến sông ấy có một doi cát vàng nằm xoắn ra như cái chân mày hình lưỡi mác, cha tôi gọi là My Lăng. Cả ba sự việc trên: sự chờ đợi (đợi đò), hoài niệm về một thời đã qua (tráng sĩ) và đáng đáp cao sang của một vùng văn hóa (chân mày hình lưỡi mác) trộn lẫn trong tâm thức tôi và nó cứ lớn dần theo thời gian"². Cũng có khi Yến Lan nhập hồn vào ông lái đò ở bến sông u uẩn: *Ông lão vẫn say trăng nằm gối sách - Để thuyền hồn rời khỏi Bến My Lăng*. Ông lái đò cũng là một nghệ sĩ đích thực biết đọc sách, rồi buông câu, uống rượu, có khi thổi sáo nhưng vẫn cô đơn trên cái bến sông đìu hiu mênh mông đến rợn ngợp. Trên bến sông ấy, xuất hiện ánh trăng ma quái, lúc ẩn lúc hiện với muôn hình vạn trạng. Ánh trăng bàng bạc, mênh mông, tràn ngập con thuyền, rơi vàng trên mặt sách, chiếc áo màu ngọc lưu ly của chàng kỵ mã nhúng đầy trăng, còn ông lão đưa đò thì

say trăng, gối đầu lên trang sách ngủ say đến nỗi không nghe tiếng gọi đò của chàng kỵ mã. Theo các nhà phân tâm học, cái tên My Lăng mang đầy ẩn ức. Trong tiếng Hán "my" với "mê" cùng một âm, trong chữ Nôm "mê" với "my" là một, "Lăng" với "Lang" là một, My Lăng với Mê Lan thật không khác nhau là mấy. Thực tế thì thời trai trẻ Yến Lan say mê một cô gái tên Lan bên bến sông. Cô gái ấy sau này trở thành là vợ của nhà thơ. Có người giải thích rằng cái tên My Lăng gắn với kỷ niệm ấu thơ của Yến Lan. Đó là những đêm trăng Yến Lan cùng cha về thăm người cậu làm nghề lái đò. Cha và cậu của Yến Lan thường hay cắm sào ở giữa sông uống rượu và ngắm trăng. Nhìn doi cát ven sông cha ông thấy nó giống như bờ my mắt. Đó là cái tứ cho bài thơ bất hủ này. Bến sông là biểu tượng cho bến bờ hạnh phúc, con đò là phương tiện chuyên chở giấc mơ hoa của người lái đò, nhưng giấc mơ ấy đã không tới bến. Nhưng có thể nói rằng, trên bến sông huyền thoại, Yến Lan là một ông lái đò đã đưa văn chương của mình cập bến mà neo vào lòng độc giả sau này.

Như vậy, bến My Lăng vừa là không gian thực vừa là không gian tâm tưởng mang màu sắc huyền thoại: *Chiều ngui ngút dài trôi về nẻo quanh - Để đêm buồn vẩy phủ bến My Lăng*. Không có những bến sông quê Bình Định, chắc khó có cái bến sông trăng lạnh buốt mà diễm ảo trong thơ của một thi sĩ thuộc trường thơ Loạn. Trong một đêm trăng lạnh, Yến Lan - con kị lân của nhóm tứ linh đã ra đi cùng bạn hữu về với một bến sông vĩnh hằng. Nhưng cái bến My Lăng do ông sáng tạo ra thì còn mãi lung linh trong văn học.

Chú thích:

1. Nguyễn Thị Lan, *Mãi nhớ về anh*, hồi ký, NXB Văn Học, 2001.
2. Nguyễn Bao, *Tuyển tập Yến Lan*, NXB Văn Học, 1996.
3. Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi Nhân Việt Nam*, Nxb Văn Học, 1989, tr.155.
4. *Thơ Yến Lan*, Chế Lan Viên giới thiệu, NXB Văn Học, 1987, tr.110. ■

Hàng cau xưa

ĐÀO MINH LÂM

Thứ ba lên năm mỗi dịp cuối tuần tôi thường theo chân ngoại lên ngôi chùa Phú Sung ở gần nhà thấp hương khấn Phật, cầu cho mọi người trong gia đình được bình an, gặp nhiều may mắn. Đó là một ngôi chùa nhỏ nằm khuất trong đường làng, trước mặt chùa là cánh đồng lúa mênh mông bát ngát. Xung quanh ngôi chùa có rất nhiều cây trái rậm rạp. Ngay lối dẫn vào chùa sừng sững một cây đa cổ thụ không biết có từ bao giờ; chỉ biết thân nó to đến nỗi bốn năm đứa trẻ chúng tôi xếp vòng tròn nắm tay nhau mới ôm hết thân cây. Vào mùa hè, cây đa tỏa bóng xanh mát cả một đoạn đường; vì vậy, chúng tôi vẫn thường rủ nhau ra gốc cây chơi búng bi, chơi ô ăn quan hay đánh chuyền. Trước cửa chùa là tượng hai con nghê đá rất to và oai vệ, khiến cho lũ trẻ nghịch ngợm như chúng tôi không bao giờ dám đùa giỡn, phá phách khi lên chùa. Bà ngoại tôi vẫn nói, đền chùa là chốn linh thiêng, không có chỗ cho ma quỷ trú ngụ. Nhưng mỗi khi bước vào chùa, cái không khí trang

ng nghiêm cổ kính cùng với tường mái rêu phong, những chiếc cột gỗ gụ sẫm màu khắc chạm rồng phượng... khiến một đứa trẻ chưa hiểu sự đời như tôi cứ nơm nớp sợ. Bà đi một bước tôi rụt rè bước theo sau, nhất định không rời tay áo bà.

Trước khi lên chùa, bà thường ra vườn hái một nắm lá trầu không và chọn vài miếng cau khô mà bà đã để dành từ mùa cau trước mang lên chùa cúng. Bấy giờ đang vào mùa hè, hàng cau trước sân nhà thi nhau trở buồng với những trái xanh non dày xin xít nom rất thích mắt. Những quả cau đơm nắng hè da xanh thắm, nổi lên màu vân trông rất đẹp. Cau đem đi cúng ở chùa bao giờ bà cũng chọn từ ba đến năm quả cau đẹp nhất, nếu cau khô bà cũng chỉ chọn ba đến năm miếng thôi. Những đợt lễ hội rơi vào mùa thu hoạch cau khoảng tháng Chín, tháng Mười dương lịch, cau già với những chùm bánh tẻ, bà trẩy cau nhiều hơn để biếu mấy bà bạn hàng xóm cũng đi lễ chùa, nhưng số cau bao giờ cũng là số lẻ. Tôi tò mò hỏi bà thì bà cười đáp: "Từ xưa

Ảnh: Thiên Đức

đến nay các cụ ta quan niệm thế cháu ạ, bất kể là thứ hoa quả gì khi cúng cũng không bao giờ dùng số chẵn". Bà cẩn thận xếp rửa sạch chỗ trầu cau vừa hái bằng nước mưa được tích trữ trong những chiếc lu lớn trước nhà rồi xếp ngay ngắn cẩn thận vào chiếc làn cói thêu nâu. Tôi theo chân bà cùng với chiếc làn cói nặng nằn hương trầu cau lên viếng chùa.

Tuổi thơ tôi gắn liền với hàng cau xanh mát. Tôi nhớ mỗi mùa cau nở hoa tôi thường dậy sớm cùng bà ra vườn hái cau buổi sáng, cốt là để được hít thở thỏa thuê mùi hương thơm ngan ngát của hoa cau mỗi độ sớm mai, khi những chú chim chích chòe từ đâu bay về hót líu lo reo vang khắp vườn nhà. Một mùi hương cau thoang thoảng lẫn với mùi khói bếp, mùi xôi nếp thơm bà thổi buổi sớm để kịp đi lễ chùa cứ quẩn quýt bước chân người. Tôi rất thích chơi dưới bóng mát của hàng cau nên trưa nào cũng rủ mấy đứa trẻ trong xóm trốn ba mẹ ra hàng cau trước nhà. Chúng tôi nhặt những cánh hoa cau rụng, lấy dây cước đơm thành những chuỗi vòng đeo tay, đeo cổ như những món trang sức quý giá. Lắm hôm chúng tôi còn chơi trò cô dâu, chú rể trao vòng cưới, nhẫn cưới... tất cả đều làm từ hoa cau.

Mỗi buổi tối, bà thường mắc võng ra vườn cau trước nhà để hai bà cháu nằm hóng gió trời. Tay bà phe phẩy chiếc quạt mo cau để đưa gió về... Dưới hàng cau bà thì thào kể chuyện, lấy Kiều và ngâm thơ dịu dặt... Tôi nghe như có tiếng gió, tiếng lá cây xào xạc đâu đây rồi khẽ rơi vào giấc ngủ tự khi nào. Từng mùa cau đi qua chúng kiến tôi trưởng thành; còn bà tôi, mái tóc thêm sợi bạc. Hàng cau vẫn hiên ngang trong nắng gió bão bùng của dải đất miền Trung để cứ mùa về lại kết nên những trái cau thơm hòa cùng với trầu không làm nên hương vị đậm đà, nồng ấm không thể phai mờ. Cũng như tôi quen hơi bà mỗi tối đi ngủ với vị cay từ hơi trầu trầm ấm từ bà lan tỏa. Có đêm mưa bão lớn bà phải dậy che lợp ny-lông cho lũ gà nhíp mới xuống ổ khỏi ướt, hay rút thêm rơm lót chuồng cho con lợn nái và đàn lợn con mới sinh đỡ lạnh. Thiếu vắng hơi bà tôi không sao ngủ được. Bà trở về giường, với hương trầu thoang thoảng là tôi yên tâm trôi vào giấc ngủ êm đềm. Nhưng bà thì vẫn còn lo ngay ngáy cho hàng cau trước nhà mới trổ hoa, mưa bão lớn cau sẽ bật gốc mất thôi... Sớm mai cơn bão đi qua, bà trở dậy sớm dọn vườn, nhìn hàng cau vẫn bám trụ kiên cường trước sân nhà, bà mới thở phào nhẹ nhõm!

Tôi sống trong sự bảo bọc yêu thương của bà từ nhỏ bởi ba mẹ tôi đều xấu số ra đi trong một tai nạn giao thông thảm khốc... Khi đó tôi còn quá nhỏ để khắc ghi ký ức về ba mẹ. Bà đã cho tôi cái cảm giác được sống trong tình thương yêu ấm áp của người thân, của tình cảm gia đình. Bà dạy tôi phải biết sống thế nào cho có nhân nghĩa, hiếu đạo ở đời. Có lẽ trong tiềm thức của tôi, bà và hàng cau xanh là hồi ức đậm màu nhất. Hàng cau với những tàu lá đi qua năm tháng cùng

ngoại nuôi tôi hết các cấp lớp. Bà vẫn giữ thói quen lên viếng chùa vào ngày rằm hay ba mươi, mừng một hàng tháng. Tôi theo bà lên chùa như một thói quen của sự thành tâm. Mãi sau này tôi mới hiểu hết ý nghĩa của việc bà lên viếng chùa, ấy là không chỉ lễ Phật mà còn nguyện cầu cho linh hồn ba mẹ tôi an nghỉ nơi cửa Phật được siêu thoát...

Bằng đi theo dòng chảy thời gian, mùa thu năm ấy, tôi đã thành một chàng trai chứng chạc trúng tuyển đại học và lại may mắn được cấp học bổng. Tạm xa ngoại, xa hàng cau xanh nơi quê nhà để lên thành phố học tập, cứ nghỉ hè hay gặp dịp lễ Tết tôi lại cố gắng tìm mọi cách về thăm ngoại. Lần nào về cũng thấy từ đằng xa, rất xa, hàng cau vẫn vững vàng dang tay đón nắng gió, lúc vào mùa lại tiếp tục trổ những buồng hoa trắng tinh khôi, khi thì lú nhú những mắt cau bé xiu ra khỏi cái bẹ dày dặn, khi thì nặng trĩu buồng cau với những trái cau cứng cáp da nổi vân xanh bóng. Chúng vẫn thế như chẳng có gì đổi khác, chỉ có ngoại tôi là tóc thêm sợi bạc, lưng thêm cong, dáng đi bắt đầu chậm chạp dần; ngay cả những trái cau lúc lỉu trên cao ngoại cũng không nhìn rõ như trước nữa. Tôi đứng trước sân nhà, ngược nhìn lên hàng cau khẽ giấu những giọt nước mắt cay xè đang chực tuôn rơi, thì thầm với gió, với hàng cau xưa: "Cau xanh ơi, hãy níu giữ giùm tôi bước chân thời gian, để tôi được mãi mãi ở bên ngoại như thuở nào..." ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Chiều thứ Tư tuần trước cơ quan có việc gấp phải giải quyết nên tôi được gọi xuống họp với Giám đốc và các trưởng phòng đến tận 18h mới ra khỏi chỗ làm việc. Trên đường về nhà, vừa đi tôi vừa nghĩ đến hệ quả của những phương án mà buổi họp đã chọn, không để ý rằng trời đã tối. Chạy được chừng năm trăm mét, tôi thoáng thấy ở bên đường có một người đàn ông đang đứng, lấy tay chỉ chỗ điều gì đó về phía đầu xe tôi. Không để ý, tôi chạy thẳng. Được gần một cây số nữa, tôi quẹo phải ra đường Châu Văn Liêm, là một con đường lớn. Mới đi thêm chừng năm chục mét đã nghe tiếng còi cảnh sát vang lên, giật mình nhìn về phía tiếng còi, tôi thấy hai người cảnh sát giao thông đang đứng, một người giơ gậy chỉ vào tôi. Chưa hiểu chuyện gì, tôi cho xe chạy tới gần và xuống xe chờ. Người giơ gậy còn trẻ hỏi sáng, “Cho coi giấy tờ! Sao xe ông không mở đèn?”. Ngay lúc đó, người lớn tuổi hơn đi tới và nói bằng một giọng ôn tồn, “Chú phạm lỗi không mở đèn khi chạy xe ban đêm”. Bấy giờ tôi mới nhớ rằng mình không mở đèn xe; và chợt hiểu ra, ban này người chỉ chỗ vào đầu xe tôi là có ý nhắc tôi mở đèn. Tôi nhận lỗi và trình bày rằng mình đang mãi suy nghĩ nên không để ý là trời đã tối. Người cảnh sát ấy nói, “Chạy xe mà không chú ý như vậy là nguy hiểm lắm đó. Nhưng phải xem xe của chú có đèn pha, rất sáng nữa là khác. Thấy vậy, anh cảnh sát nói, “Chúng cháu chỉ nhắc nhở. Mà chú cần phải để ý khi chạy xe. Thôi, chú đi đi”. Tôi chào họ và lên xe đi tiếp, không dám suy nghĩ nữa, chỉ chú ý lái xe. Lớn tuổi rồi mà bị “sửa lưng” thì cũng hơi quẻ quẻ. Nhưng đúng là mình có lỗi. Dù sao, tôi cũng xin cảm ơn thái độ đúng mực của anh cảnh sát giao thông ấy. Và nhất là tôi phải cảm ơn người đàn ông đã có lòng tốt nhắc nhở tôi từ đầu mà tôi không hiểu ý.

Dư Khắc Lộc, quận Tân Phú, TP.HCM

Tôi vốn là một kỹ thuật viên cơ khí. Cách đây hơn chục năm, khi còn là trưởng xưởng sản xuất của một công ty, thấy việc kinh doanh bị đình trệ, tôi đã làm một đề án cải tiến sản xuất và được công ty cho thực hiện với một chút sửa đổi. Sau đó, tôi được chuyển lên làm phó trưởng phòng kỹ thuật. Về sau, tôi mới nhận thức được rằng những sửa đổi trong đề án của tôi là nhằm mang lại lợi ích riêng cho nhóm thực hiện và đó là lý do tôi được “thăng chức”. Việc thực hiện đề án cũng đem lại thêm một ít thu nhập cho công nhân nhưng lợi ích của nhóm thực hiện thì rất lớn và họ có thêm điều kiện để cõng công nhân vào sự bóc lột của họ. Tôi chẳng được gì ngoài những tấm bằng khen tượng trưng nhưng lại bị công nhân oán trách vì cho rằng tôi đã mang thêm những bất công cho họ. Vì thế, tôi bị trầm cảm rồi dẫn đến bị một chứng tâm thần nhẹ. Lấy lý do tôi không đủ sức khỏe làm việc, công ty cho tôi về hưu sớm với một khoản tiền hưu chẳng đáng là bao. Nỗi đau về hưu sớm càng làm cho bệnh của tôi nặng hơn. Cách đây chừng bốn năm, một người bạn giới thiệu với tôi một số sách báo Phật giáo. Tôi cảm thấy hầu hết những sách báo ấy đều có những bài viết nhẹ nhàng nói lên được tâm trạng của những người từng gặp chuyện không vừa ý trong cuộc đời nhưng biết cách tự giải quyết cho mình những vướng mắc tâm lý. Đọc những lời nhẹ nhàng, bằng bạc chuyển tải triết lý hiền thiện trong các sách báo Phật giáo, tôi nghiệm ra rằng con người luôn bị sự tham lam thúc đẩy nên chỉ muốn lợi cho mình mà không nghĩ đến lợi cho người, có khi còn làm hại người. Nhưng tất cả những suy nghĩ ấy chỉ đem đến cái khổ. Tự kiểm điểm, tôi thấy lúc làm đề án cải tiến sản xuất, tôi không hề nghĩ đến lợi ích của tôi, việc những người khác thay đổi đề án ấy phục vụ lợi ích phe nhóm chẳng liên quan gì đến tôi, vì sao tôi cứ dần vật mình. Từ đó, từng bước tôi thoát được sự trầm cảm và thấy yêu đời hơn, bệnh tâm thần của tôi tự hết. Tôi rất cảm ơn người bạn nói trên và các tác giả sách báo Phật giáo mà tôi đã được đọc để từ đó tôi thấy được con đường sáng.

Hứa Thanh Dzũng, quận Tân Bình, TP.HCM

Củ cải hấp

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Củ cải trắng là củ của cây cải củ. Ngoài việc được dùng như một loại nguyên liệu thực phẩm chế biến ra những món ăn ngon, củ cải trắng còn có công dụng chữa nhiều bệnh thuộc về hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, giải độc... Củ cải non hấp là món ăn ngon và bổ, đặc biệt phù hợp cho người có nhiều cholesterol xấu trong cơ thể.

Nguyên liệu:

Củ cải non: 5 củ
 Nấm hương khô: 20gr
 Thân boa-rô: 1 khúc
 Gia vị: muối, tiêu, nước tương

Cách làm:

- Củ cải non: gọt bỏ vỏ, rửa sạch, thái miếng to bản dọc theo củ.
 - Ướp một chút muối để một

lúc cho củ cải dịu, rửa sạch, để ráo.

- Nấm hương khô: ngâm nước cho nở, rửa sạch, cắt lát.

- Ướp chút muối, tiêu, nước tương, boa-rô băm nhỏ.

Trải từng lát củ cải ra, gấp nấm hương đã ướp vào giữa, cuộn tròn. Đem hấp chín, dùng nóng chấm thêm nước tương, ớt hoặc dùng với cơm.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp 0768.A70A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

184 Nguyễn Thiện Thuật, P.3, Q.3 - Tel. (08) 35377122

237 Trường Chinh, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ô Môi, P. Phú Thuận, Q. 7





THÀNH HỘI PHẬT GIÁO TP. HỒ CHÍ MINH

TỔ IN ẤN & PHÁT HÀNH KINH SÁCH



KINH - LUẬT - LUẬN - SÁCH

PHÒNG PHÁT HÀNH TRỰC TIẾP

380/1 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: 38 48 32 28 - 38 48 38 00

VĂN PHÒNG CHÍNH TẮNG TRỆT THIỆN VIỆN QUẢNG ĐỨC

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tel: 38 46 97 21 - 38 48 32 18

PHÁP PHỤC LAM HIỀN®

Lam Hiền tỏa sáng bước trang nghiêm...



Chư Tôn Đức đến thăm Xưởng may pháp phục Lam Hiền ở Củ Chi

CHUYÊN CUNG CẤP SỈ VÀ NHẬN MAY SỐ LƯỢNG LỚN:

Các loại: áo, áo trắng, áo nhật bình, vật khách, là hân, túi, dây...
Các loại áo thướt dành cho tu sĩ với màu sắc và kiểu dáng
phù hợp, lịch sự trang nghiêm

Call: 3990 3888 - 012345 80888

SHOP MAY & VĂN PHÒNG

CHÙA PHƯỚC QUANG - 64/5 Phố Quang, Q. Tân Kinh - Tel: 399 77 200

XUỐNG MAY

Tại Ấp An Hòa, Xã An Phú, Huyện Củ Chi - Tel: 2247 3388



ĐU LỊCH TÂM LINH
NGỌC VIỆT TRAVEL

CHƯƠNG TRÌNH THAM DỰ ĐẠI LỄ QUÁN ĐẰNG

KALACHAKRA

CỦA ĐỨC DALAI LAMA THỨ 14

BỒ ĐỀ ĐẠO TRÀNG, ẤN ĐỘ

Khởi hành ngày 31/12/2011 (7/12 âm lịch)

HÀNH HƯƠNG VƯƠNG QUỐC PHẬT GIÁO

BHUTAN

(10 ngày)

khởi hành ngày 30/10/2011 (04/10 âm lịch)

HÀNH HƯƠNG VỀ ĐẤT PHẬT

ẤN ĐỘ - NEPAL

(11 ngày)

khởi hành ngày 20/10/2011 (24/09 âm lịch)

CHÙA VĨNH NGHIÊM

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3
Email: ngocviet_travel@yahoo.com
Tel: (08) 38 48 33 88 - www.vietchay.vn

Vui lòng liên hệ: Đoàn Tấn - 0933 88 33 63

LỊCH CÁC BUỔI TRÒ CHUYỆN

"CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG" (QUALITY OF LIFE)

Tại Nhà hàng Chay MANDALA,
vào lúc 14h các ngày thứ 7:

01/10/2011 (05/09/ÂL)	26/11/2011 (02/11/ÂL)
15/10/2011 (19/09/ÂL)	10/12/2011 (16/11/ÂL)
29/10/2011 (03/10/ÂL)	24/12/2011 (30/11/ÂL)
12/11/2011 (17/10/ÂL)	

Mỗi buổi trò chuyện sẽ do các giảng sư, nhà ngoại cảm,
nhà khoa học, bác sĩ, doanh nhân.v.v..
thuyết giảng một chủ đề khác nhau.

Vui lòng liên hệ đăng ký trước:
Hoa Minh - 0913 808338



110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM
Tel: (08) 3926 0638
Email: veg.mandala@yahoo.com



Vajra

711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM

ĐỐI DIỆN VIỆT NAM QUỐC TỰ

Tel: 397 97 128 - 397 97 168

KHAI TRƯƠNG

**NHÀ HÀNG TÂY TẠNG
HƯƠNG VỊ CHAY VIỆT**

**NGÀY RẰM 15-9 TÂN MÃO
(11/10/2011)**

Tại 38 Lão Tử, P.11, Q.5
Bên cạnh "Chùa Bà Q.5"
(Chùa Quan Âm -
Hội Quán Ôn Lăng)



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

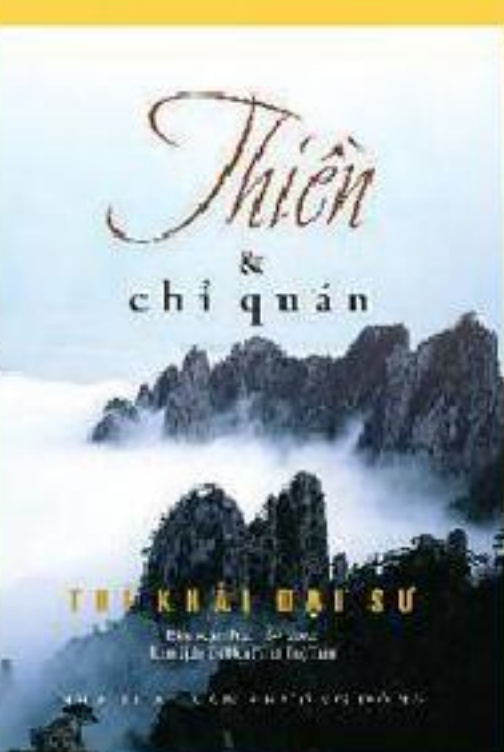
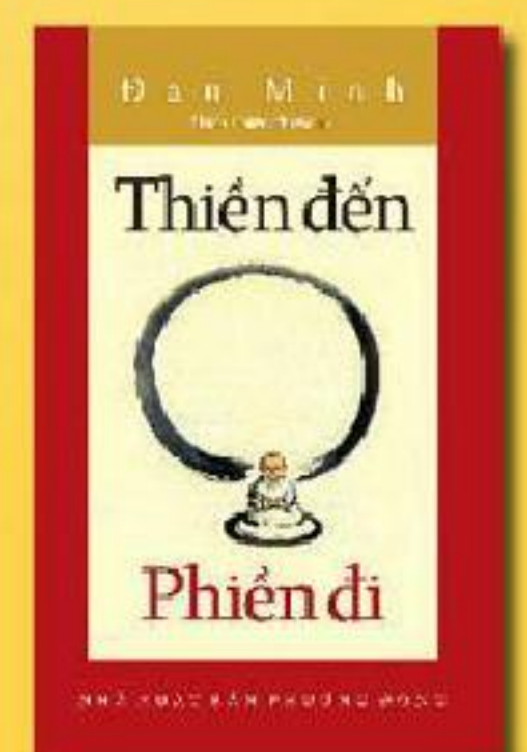
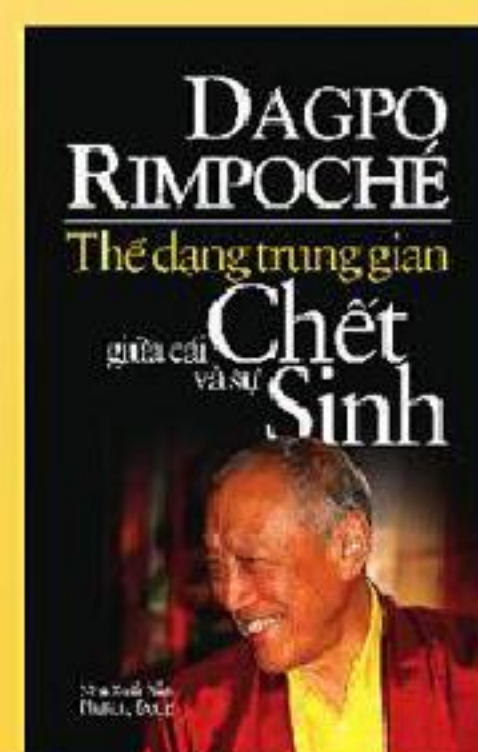
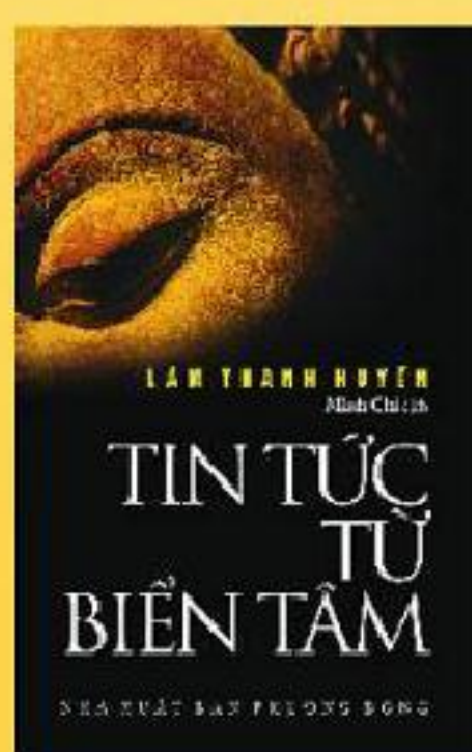
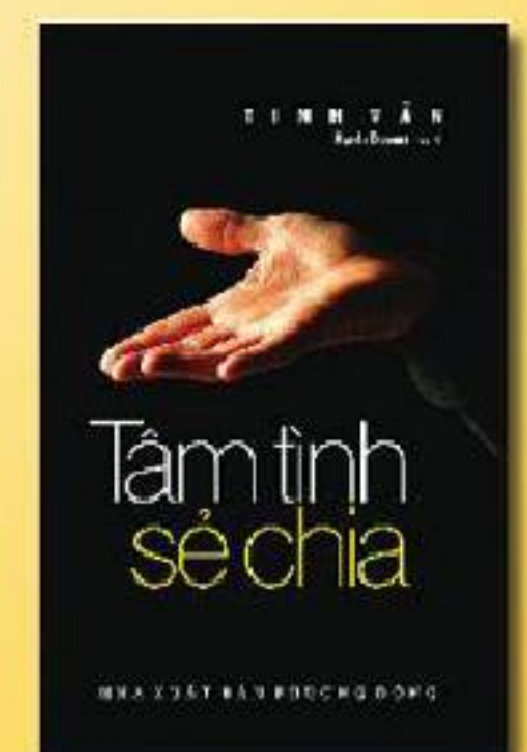
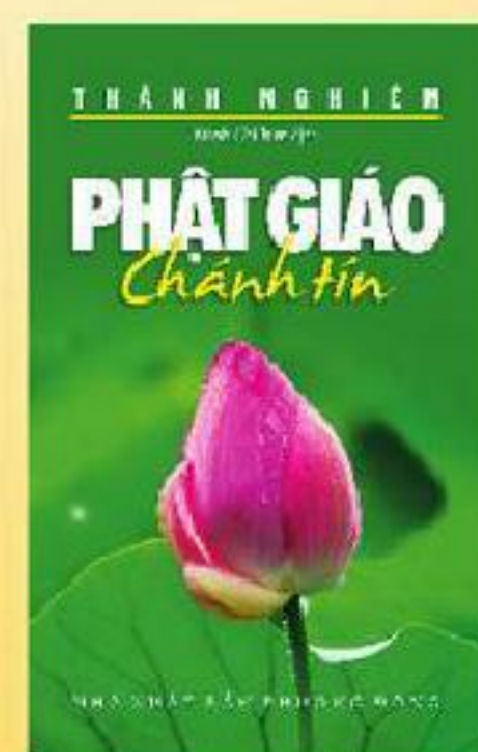
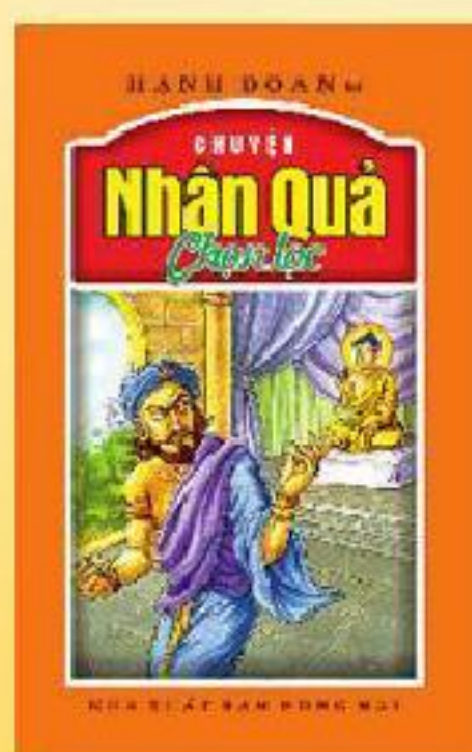
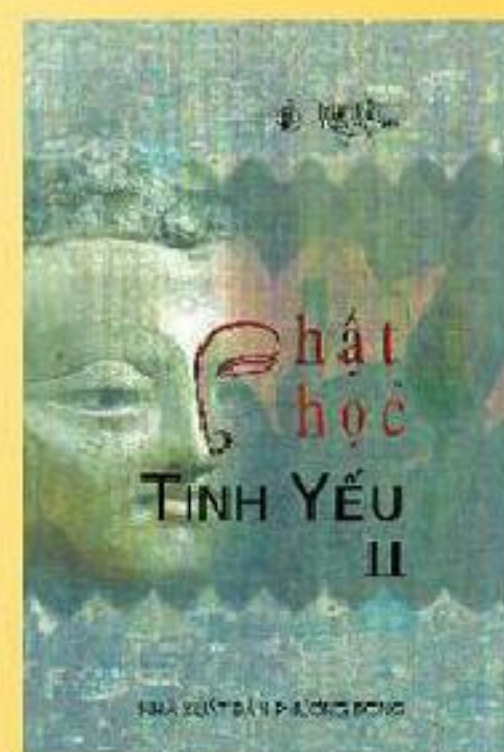
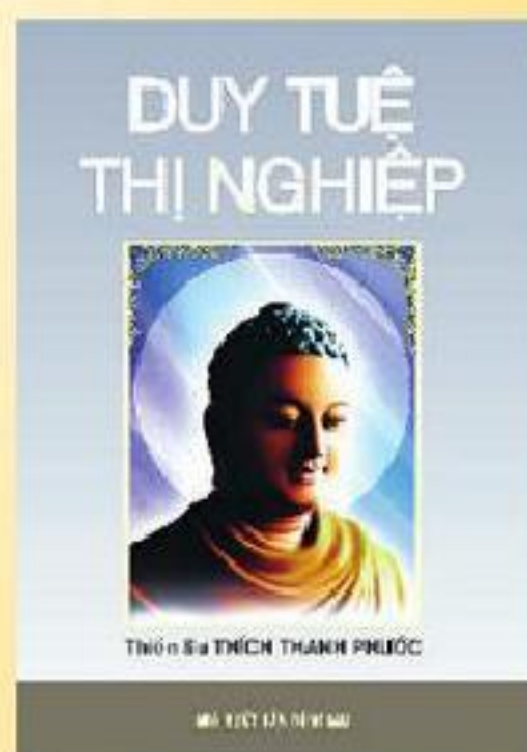
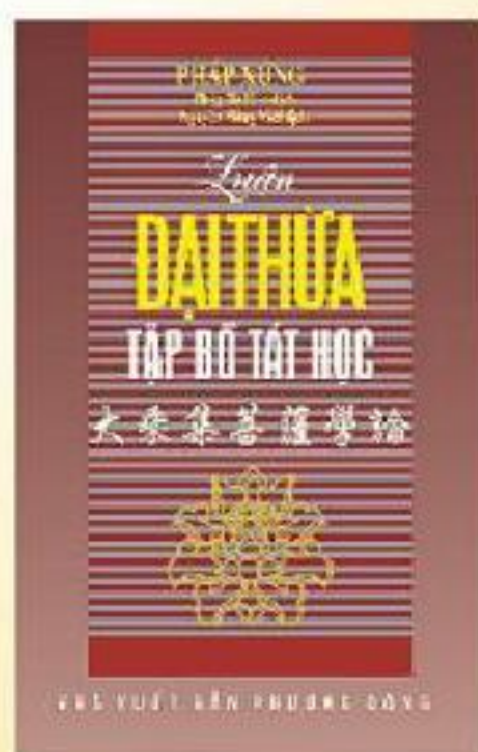
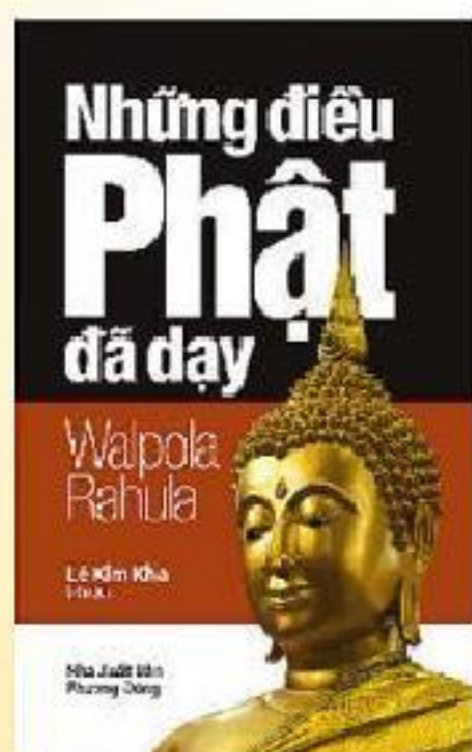
Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

60/116 Lý Chính Thắng – Phường 8 – Quận 3 – TP.HCM
(Mặt tiền bờ kênh Nhiêu Lộc). Tel: 08.38482028



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, Đường số 8, P. Phước Bình, Quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I A O

Số 139

Phát hành ngày 15 - 10 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng Chân Tĩnh 1
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng Chân Tĩnh 2
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

QUẢNG BÌNH

Cô Nguyễn Phước
Phòng phát hành Hoa Ưu Đàm
226 Trần Hưng Đạo, TP. Đồng Hới - QB
ĐT: 0917 703 325

THỪA THIÊN HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 051138731-28

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221-819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0979 178 369

Chị Hoàng
Phòng phát hành Hiền Nam
3 Trần Thị Kỳ, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0935 272 261

Anh Hùng
Thư quán chùa Long Khánh
141 Trần Cao Vân, TP. Quy Nhơn
ĐT: 0987 219 374

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sứ cô Mỹ Đức, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐÀ LẠT

Thầy Thích Nguyên Hân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP. Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hương)

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, chùa Từ Quang
102 Ha Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tỉnh hội Phật giáo Long Thành
Núi Dinh, xã Hới Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa-Vũng Tàu
LH: Sư cô Liên Đức. ĐT: 0643 941 099

SỐC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Máy Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070.834.653 - 070.834.654
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nguyễn Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 38.480.335

VĂN HÓA PHẬT GIAO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG